

15 THÁNG 4 NĂM 19

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười ba

ĐOÀN NHẬT TẤN bàn về tư tưởng chỉ đạo trong nền
giáo dục Việt-nam • TRẦN THIÊN người thanh-niên
Âu-Mỹ hôm nay • PHẠM VIỆT CHÂU Lào quốc trong
cuộc ngoại chiến nội chiến • LÝ CHÁNH TRUNG ý
thức tôn giáo và ý thức dân tộc : những đứa con
của thiên đàng • VIỆT PHƯƠNG Dwight Eisenhower
người chiến sĩ của Hòa-bình và của tình thương •
TRẦN LƯƠNG NGỌC chương trình Apollo : đường
lên Cung Quảng • LÊ HƯƠNG sự cầu kết giữa
Trung cộng với Hoa kiều ở Cao miêr và Việt-nam •
TRẦN VĂN HIỆU trần trường • PHẠM THIÊN THƯ
tin hồng • HUY LỰC ba đêm trên quê hương Bình-
định • BIÊN HỒ những ngày bỏ trống • TRẦN HOÀI
THƯ tình nhớ • NGÊ BÁ LÍ Tổng kết cuộc đàm thoại
về tình hình xuất bản • **SINH**
HOẠT tin khoa học • thời sự
văn nghệ • thời sự chính trị •

295





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A

Số 295 ngày 15 - 4 - 1969

THỜI - ĐẠI

ĐOÀN NHẬT TẤN bàn về tư tưởng chỉ đạo trong nền giáo dục Việt-nam	5
TRÀNG THIÊN người thanh niên Âu-Mỹ hôm nay	15
PHẠM VIỆT CHÂU trăm Việt trên vùng định mệnh : Lào quốc trong cuộc ngoại chiến nội chiến	21
LY CHÁNH TRUNG ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc : những đứa con của Thiên-đàng	25
VIỆT PHƯƠNG Dwight Eisenhower, người chiến-sĩ của Hòa-bình và của tình thương	35
TRẦN LƯƠNG NGỌC chương trình Apollo : đường lên Cung Quảng	41
LÊ HƯƠNG sự cầu kết giữa Trung-cộng với Hoa-kiều ở Cao-miên và Việt-nam	47
TRẦN VĂN HIỆU trần trường (truyện)	51
PHẠM THIÊN THƯ tin hồng (thơ)	57
HUY LỰC ba đêm trên quê hương Bình-định (thơ)	58
BIÊN HỒ những ngày bỏ trống (truyện)	59
TRẦN HOÀI THƯ tình nhớ (truyện)	65
ĐÔNG TRÌNH mừng tuổi em gái (thơ)	69
THẾ NHÂN thời-sự chính trị	71
SINH HOẠT	
NGỌC tin khoa học	73
TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ	74

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý vị độc giả :

— **‘Qê hương .. ‘tập A’,** do Nguyễn-Ngu-Í, Ngê-Bá-Lí, Tân Fong Hiệp chủ trương Núi Cù Hòn Bà xuất bản và gửi tặng. Sách dày ngót 200 trang gồm những bài biên khảo, thơ, truyện, kịch v.v.. hướng về một quê hương : ‘Bình Tuy’ của Nguyễn ngu Í và một số bạn đồng hương của ông. Nguyễn Hiến Lê giới thiệu.

— **Hiện-tình kinh-tế thế-giới của Nguyễn-khắc-Ngũ và Nguyễn Đôn Phong** do Hội Giáo-sư Sử-Địa xuất bản, nhà xuất bản Trình Bầy bảo trợ, tác giả gửi tặng. Sách dày 150 trang gồm 2 phần : Hiện tình tổng quát kinh tế thế giới và hiện tình kinh-tế của từng quốc gia một. Một tài liệu cần cho các soạn-giả sách giáo khoa. Giá 150 đ

Giấc mơ của đá truyện của Nguyễn Mạnh Côn, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Một truyện khoa-học giả tưởng rất lôi cuốn, ấn loát trang nhã. Bìa do Duy Thanh minh họa. Giá 115 đ.

Tư Mã Quang, Vương An Thạch tiểu truyện danh nhân của Cổ Nhi Tấn, do Cơ sở Phạm quang Khai xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 144 trang trình bày về 2 vị danh nho sống cùng một thời về thế kỷ 11 Tây lịch, đã đem kiến

thức và sở học ra giúp nước Trung-hoa một chủ trương cải tiến ôn hòa, một chủ trương cách mạng trong mọi địa hạt. Giá 80đ.

— **Con đường hành động** nguyên tác ‘*Principes pour l’ action*’ của Lebreton bản dịch của Hoàng Quý và Nguyễn quốc Bửu, Vào Đời xuất bản và gửi tặng. Sách dày 86 trang, giá 45 đ

Hương trà khảo luận của Đỗ Trọng Huề do Hoa-Lư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 200 trang gồm những chương về Trà ở Đông Phương và Trà ở Tây Phương có nhiều phụ bản, thêm phần phụ lục về : Dấu vết Hùng Vương, Trúc Lâm tam tổ, Nguyễn Du v.v... Bản quý.

Khủng hoảng tại Bạch cung, nguyên tác của Robert Kennedy, Cao Đắc Bửu dịch theo bản Pháp văn : ‘*Crise à la Maison-Blanche*’, do Văn Hữu xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 150 trang giá 75 đ.

Ánh lửa đêm tù tập truyện của Duyên Anh, do Hồng Đức xuất bản và gửi tặng. Sách dày 200 trang gồm 7 truyện ngắn. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 110 đ

Đường vào hang cọp truyện thiếu nhi của Hà Châu do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 116 trang gồm 2 truyện : Đường vào hang cọp và Tráng sĩ Hùng-Tâm. Bìa và tranh vẽ của Viví. Giá 30 đ

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật nên Bách Khoa số này phải ra trễ hai ngày và bài ‘Tổng kết tình hình xuất bản’ cũng phải gác lại số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Toà soạn Bách-Khoa Thời-Đại

Bàn về tư-tưởng chỉ-đạo trong nền giáo-dục Việt-nam

Tư-tưởng chỉ-đạo là vấn-đề then-chốt trong một nền giáo-dục. Nó hướng-dẫn việc tổ-chức và phát-triển giáo-dục trong quốc-gia, vạch đường lối xây dựng con người, xác-định nếp sống nếp nghĩ cho người dân trong nước. Nói chung đó vừa là mục-đích vừa là phương-pháp của giáo-dục nên chi-phối cả dân-tâm dân-trí và quyết-định vận-mạng của xứ-sở. Có tư-tưởng chỉ-đạo mới thống-nhất được chiều-hướng giáo-dục trong nước, nhờ đó những người có trách-nhiệm giáo-dục mới có thể thông-cảm nhau trên một quan-điểm chung để trao đổi kinh-nghiệm, đồng-tâm nhất-trí tiếp tay nhau cho công-việc giáo-dục được hữu-hiệu, và cũng nhờ đó mới có sự thống-nhất trong tâm-tư cốt-cách của thể-hệ đang lên để đưa đến sự hòa-đồng hiệp-lực trong đời sống quốc-gia dân-tộc.

Trong ý-thức hoạch-định một đường-hướng chỉ-đạo cho nền giáo-dục quốc-gia, những người có trách-nhiệm giáo-dục ở miền Nam này không phải đã không có nhiều cố-gắng mặc dù đã có những thiếu sót trong việc thi-hành. Đại-hội Giáo-dục toàn-quốc năm 1958 tại Sài-gòn đã đề ra ba nguyên-tắc định-hướng : Nhân-bản, Dân-tộc và Khai-phóng và từ đó đến nay ba nguyên tắc này đã được ban-hành trong các chương-trình-học của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Tuy nhiên có điều đáng tiếc không thể chối cãi được là lâu nay các cấp có trách-nhiệm trực-tiếp điều-hành giáo - dục đã không khai-thác được đường lối chỉ-đạo ấy, người đến sau đã không nối nghiệp được kẻ đi trước ; những người ngoài cuộc, có khi bàn đến, lại không am-hiếu cho tường-tận vấn-đề, ai có nhiệt-tâm vẫn chỉ thấy có chính-trị hơn là giáo-dục.

Như vậy là thế nào ? Trước hết là tình-trạng trong hàng giáo - chức : Phải thú-nhận rằng cho đến bây giờ phần đông giáo-chức chúng ta còn chịu quá nhiều ảnh-hưởng của đường lối giáo-dục và sư-phạm ngoại-quốc. Lớp nhà giáo có Tây-học thì chỉ tra-cứu trong các sách sư - phạm của người Pháp, một số sách sư-phạm tiếng Việt

dịch nguyên nhiều đoạn trong sách Pháp tuy không nêu rõ xuất xứ nào một tạp-chí trước đây rất có công trong việc nghiên-cứu và phổ-biến sư-phạm, nhưng đã dành phần chính yếu vào việc dịch và phổ-biến các tư-tưởng và kinh-nghiệm " Giáo-dục mới " của Tây-phương. Nếu ai có óc canh-tân thì cũng chỉ thấy cái mới trong

phong-trào « Giáo-dục mới » (Éducation nouvelle) của Âu-Mỹ, chữ « mới » này vốn có nghĩa rất tương-đối đã biến thành tuyệt-đối với chúng ta. Gần đây nhiều thủ-thuật Mỹ được áp-dụng, nhiều bạn cố-vấn Mỹ đang thật tình giúp đỡ chúng ta nhưng tiếc rằng họ chỉ thấy ở những ngôi trường sang trọng tại thị-thành mới là nơi họ có thể san-sẻ những kinh-nghiệm giáo-dục của một nước giàu có, nên họ cũng chỉ lần-quần trong các trường học khang trang. Những trường có trách nhiệm « dẫn-đạo » theo lối này thường đòi hỏi rất nhiều trang - bị trong khi tại tất cả các trường khác mà họ phải là cái « kiểu-mẫu » thì thiếu-thốn đủ điều, sĩ-số không dưới 6, 7 chục.

Tình - trạng bằng lòng với những kinh-nghiệm ngoại-quốc ấy cho hiểu tại sao nền giáo-dục ta đang trải qua một thời-kỳ khủng-hoảng mà phần đông các nhà giáo ở nước ta như không thấy cần đề-cập đến một nguyên-tắc định-hướng nào và những đường-lối đã được đề ra vẫn bị lãng quên một cách vô tội vạ : Khi người ta đang đi nhờ trên chiếc tàu của kẻ khác thì dù giữa biển khơi bão tố, riêng mình cũng không cần phải có một cái kim chỉ-nam để làm gì !

Đành rằng các nước tân-tiến có nhiều kinh-nghiệm hay, đành rằng giáo-dục ở nước nào rồi chung-qui cũng dựa trên những căn-bản giống nhau của con người muôn nơi muôn thuở. Nhưng không phải chỉ có thế, vì nếu chỉ có thế thì đã không có người Việt-nam, không có nước Việt-nam.

Đối-tượng của giáo-dục, của sư-phạm

là con người, nếu nói đơn-giản sư-phạm là một kỹ-thuật thì có thể coi con người là nguyên-liệu và cũng là sản-phẩm của kỹ - thuật ấy. Nhưng trong kỹ-thuật làm đồ gỗ, đồ sắt chai, lọ, thì gỗ, sắt, đất, đá, dù ở Mỹ, ở Pháp, Nga, cũng giống như nguyên-liệu ở nước ta, thế mà đã có những ông kỹ-sư, bác-học được đào-tạo theo kỹ-thuật Mỹ, Pháp đã phải chịu khoanh tay khi về phục-vụ ở quốc-nội vì không có dụng-cụ tối-tân, phòng thí-nghiệm như ở nước ngoài, huống hồ là việc dạy trẻ con. Trẻ con Mỹ, trẻ con Pháp không có tí gì giống trẻ con ta, phần thể-chất hình-dáng coi bộ đã khác rồi, phương chi cái tâm-lý, tính-tình còn trăm phần dị biệt.

Cho nên chừng nào nhà giáo-dục chúng ta cảm thấy cần rút trong túi ra một cái kim chỉ-nam riêng cho mình, khi ấy ta mới thấy có triệu-chứng tự-cường tự-lập và mới có triển-vọng giải-quyết thỏa-đáng được những vấn-đề của chính chúng ta.

Sau đây tôi xin phép nhắc lại các bạn đồng-hành cái kim chỉ-nam quý báu đó mà chúng ta đã có sẵn rồi. Nhất là từ mấy năm trở lại đây, đã có những ngộ-nhận về ba nguyên-tắc của nền giáo-dục ta, thì dù chỉ có chút ít kinh-nghiệm trong việc nghiên-cứu thi-hành đường-lối giáo-dục quốc-gia, tôi cũng thấy có bốn-phận giống lên một tiếng chuông, với ước-vọng trình-bày được phần nào trong khuôn-khổ vắn-tắt của một bài báo, cái quan-điểm của lớp người đã có công soạn-thảo, biểu-quyết và ban-hành cái chính-cương giáo-dục đáng lẽ phải canh-tân mạnh-mẽ nền quốc-học ta từ 1958 :

1.— Nguyên-tắc Nhân-bản :

« Nền giáo-dục ta phải là một nền giáo-dục nhân-bản », đó là câu đầu của nguyên-tắc thứ nhất (1), sau đó là giải-thích « nền giáo-dục Việt-nam tôn-trọng giá-trị thiêng-liêng của con người, lấy chính con người làm cứu-cánh ». Phải thấy ở đó tất cả căn-bản triết-lý của thề-chế tự-do ở Miền Nam này. Bởi vì đặt con người lên hàng cứu-cánh là chấp-nhận cái hệ-luận coi con người như một thực-thể thực-sự tự-do tự-chủ vì rằng nếu không được tự-do, không được tự mình làm chủ lấy mình mà phải bị kẻ khác ràng buộc, sai khiến, thì con người chỉ còn là phương-tiện, không thể là cứu-cánh được. Con người luôn luôn ở trên hành-trình tiến tới tự do hơn, khoa-học đã minh-chứng như thế khi so-sánh con người với thú-vật, khi xét con người qua những tiến-bộ từ ăn lông ở lỗ đến sử-dụng được nguyên-tử, vệ-tinh, khi theo dõi con người từ trong trứng nước đến tuổi trưởng - thành (2). Và chỉ chấp nhận con người như một cứu-cánh ta mới đặt vĩnh-viễn con người đích-thực lên trên thú vật và thấy họ phải bình-đẳng trong tự-do vì nếu không, luật mạnh được yếu thua sẽ đưa họ xuống ngang hàng thú-vật (3). Đó là quan-điểm hiện-đại nhất trong các trào-lưu triết-học ngày nay và chúng ta phải hãnh-diện đã đi đúng đường của thế-giới tiến-bộ hiện tại.

Chỉ có đề cao con người lên hàng cứu-cánh mới đưa được người Việt Nam ta ra khỏi những mặc-cảm tự-ti, lệ-thuộc đã ràng buộc chúng ta tận tâm-khảm từ hàng chục thế-kỷ qua. Thời nay, cũng chỉ có đề-cao con người như

thế, mới phá vỡ được bao nhiêu thành-kiến cũ kỹ lỗi thời đang kiềm-hãm chúng ta và mới đặt chúng ta trong cái thế đương đầu hữu-hiệu với những chủ-nghĩa máy-móc và duy-vật vô-tâm đang lăm-le nô-dịch cả nhân-loại.

Về phương-diện hành-động, nguyên-tắc nhân-bản chính là đường-lối phát huy con người từ bản-chất của họ, lấy chính con người làm gốc, làm vốn (bản) mà xây dựng con người, không uốn-nắn, gán ép họ trở nên những gì khác với nền-tảng bẩm-sinh.

Truy-nguyên thì danh-từ Nhân-bản có lẽ đã lấy từ học-thuyết « Sùng-bản » của Đồng-Trọng-Thư, thời Tây-Hán (Thiên-bản, địa-bản, nhân-bản). Nhà Nho này đã cắt-nghĩa nhân-bản là lấy Lễ và Nhạc đề giáo-hóa con người : Nhạc chính là lối giáo-hóa cái Tâm sẵn có của chúng ta (« Tri nhạc dĩ trị tâm » Khổng-tử), Lễ thì chủ-đích là đề hàm-duỡng tính-tình (4). Theo Khổng-tử thì học là làm sáng cái đức sáng vốn có trong chúng ta (Đại-học chỉ đạo tại minh minh-đức). Thế thì ngày nay triết-học Đông-Phương có dùng danh-từ nhân-bản để dịch chữ Humanism của Tây-Phương thì thật không có gì thích-đáng hơn nữa vì theo Tây-phương Humanism cũng chính là cái quan-niệm thăng-tiến con người từ bản-chất của

(1) Xem phần đầu của các chương-trình Trung-học và Tiểu-học do Bộ Q.G.GD. xuất-bản 1958, 1959 và gần đây 1968.

(2) « Chúng ta đi về đâu » của Đ.N.T. Thời-Mới sẽ xuất-bản.

(3) « Một nền Giáo-dục Nhân-bản và Dân-tộc » của Đ.N.T. Tác-giả x.b. 1966.

(4) Nho-giáo I Tân-Việt xuất-bản trang 147 (Trần-Trọng-Kim).

chính con người vậy. (1). Ở lĩnh-vực giáo-dục, quan-niệm này đang làm then-chốt cho đường-lối sư-phạm của chúng ta, từ xưa vốn dựa trên ý-thức cổ-truyền « *thiên-lý tại nhân-tâm* », trong khi ở Tây-phương, phải đợi đến thế-kỷ trước, sau Rousseau, các nhà giáo-dục-mới (*école nouvelle*) mới nêu cao lối giáo-dục « *từ trong ra ngoài* » dựa vào sự phát-triển những năng-khiếu bẩm-sinh của trẻ. Tìm về một truyền-thống lâu đời, chúng ta đã bắt gặp được các phát-minh hiện-đại.

Bản-chất con người là tự-do tự-chủ thì họ chỉ được như vậy trong một thể *quân-bình*. Muốn có quân-bình, sự giáo-hóa phải *toàn diện* (2) vì có toàn diện mới không thiên-lệch trong thể-xác và tâm-hồn, mới đủ khả-năng về *mọi mặt* mà ứng-phó với bên ngoài, dành phần chủ-động cho bản ngã. Tây-phương cho quân-bình là ở toàn-diện trí, đức, thể. Đông-phương hiểu quân-bình theo quan-niệm Trung-Dung vì Trung-Dung không phải là chuyện xử sự chiết-trung (Nho-giáo I trang 214) mà là không thiên-lệch bên nào và hội đủ ba cái Trí, Nhân, Dũng. Biểu-tượng, phạm-trù tuy qui-lệ khác nhau, nhưng sự-thể không khác xa nhau mấy. Trong tinh-thần nhân-bản ấy, từ Đông-phương chúng ta đang tiến tới hòa-hợp với Tây-phương.

Nói tóm lại, với quan-niệm nhân-bản đặt ở hàng đầu, giáo-dục của chúng ta trước tiên là đào-tạo con em ta nên người đả. Tuy hiểu con người có khác chúng ta, nhưng ông Tồ của nền « giáo-dục-mới » Âu-châu là J.J. Rousseau cũng cho rằng học-trò ông « phải là con người trước khi là quan-tòa hay mục-sư, binh-sĩ ».

2.— Nguyên-tắc Dân-tộc :

Con người cứu-cánh hiểu như trên là cái hoài-bảo muôn thuở, tự-do tự-chủ là hướng tiến của nhân-loại xưa nay ở khắp Đông-Tây, nguyên tắc Nhân-bản xác-định được chiều hướng chủ-yếu, nhưng chỉ có làm người bất luận ở không-gian thời-gian nào thì còn là chuyện mơ-hồ và dễ đi đến không-tưởng. Và đó mới chỉ là *triết-lý*, chưa phải là *giáo-dục*. Giáo-dục là một thái-độ dẫn-thân phải dựa vào những tiêu-chuẩn cụ-thể, thiết-thực. Bởi đó mà hai nguyên-tắc thứ nhì và thứ ba sẽ minh-định con người mà ta muốn đào tạo nơi con em chúng ta phải là con người ở *đâu* ? vào *thời-đại* nào ?

Nguyên-tắc thứ hai, *nguyên-tắc Dân-tộc*, được đề ra là đề đặt con em ta vào hoàn-cảnh không-gian cụ-thể. Chúng ta phải dạy con em ta làm người ở đất nước Việt-nam này. Mà muốn làm người sống còn ở Việt-nam thì phải có *tinh-thần dân-tộc*. Lịch-sử đã chứng minh điều đó, người Việt-nam ta đã trường-tồn qua hình-thức dân-tộc : chính sau bức thành-trị kiên-cố ấy tổ-tiên ta đã bồng-bể nhau từ Động-Đình-Hồ đến tận Cà-mâu Đồng-Tháp khai-khẩn đất đai, mở-mang bờ cõi đánh đuổi xâm-lãng từ khắp bốn-phương, không phải vì quyền-lợi cá-nhân, đảng-phái mà cho giống dòng trường-cửu.

Tinh-thần dân-tộc là tình-cảm dân-tộc ; mà tình-cảm thì nhà giáo-dục phải đặt con người vào môi-trường thích-hợp

(1) Throughout these and other variations in pattern runs a common motif : The Humanist seeks to enrich and ennoble man's earthly life by liberating the latent potentialities of human nature » (Max C. Otto-Collier's Encyclopedia 1963 quyển 12 trang 348).

(2) Xem Nguyên tắc Nhân bản.

để nuôi-dưỡng tăng-cường. Môi-trường ấy là các truyền-thống, là « các cảnh hưởng sinh-hoạt như gia-đình, nghề-nghiệp, đất nước. » Danh-từ « cảnh-hưởng » nói được tất cả nỗi truân chuyên của một dân-tộc đã trải qua quá nhiều gian-lao cực khổ.

Nhưng khi dân-tộc đã là một môi-trường sống nuôi-dưỡng con người nhân-bản thì không phải chỉ có chuyện « sinh-tồn », mà còn phải ngày một « phát-triển » thêm lên, nếu không, dân-tộc chỉ có hiệu-lực tự-vệ và bảo-tồn như vai-trò của chủng-tộc ở cỏ-cây thú-vật,

3.— Nguyên-tắc Khai-phóng

Nguyên-tắc thứ ba nhằm giải-quyết cho chúng ta cái tình-trạng của con người Việt-nam hiện-tại : con em ta sẽ không phải là con người ở bất cứ thời-đại nào, không phải sống lạ thời Trần, thời Lê, dù đó là những thời oanh-liệt nhất của dòng giống, họ cũng không chỉ ngồi mà mơ ước việc sẽ đến trong thế-kỷ mai sau. Họ sống trong hiện-tại. Đó là cái hiện-tại của một tình-trạng chậm-tiến, đang kiềm hãm chúng ta. Vấn-đề là giải-tỏa chúng ta ra khỏi tình-trạng ấy, là khai-phóng con người. Khai là mở, phóng là thả. Tình-trạng chậm-tiến là một tình-trạng bế-tắc, đình-trệ cần phải mở và thả ra. Muốn biết phải khai-phóng về mặt nào thì tìm về bốn nguyên-nhân đã làm cho người Việt ta chậm-tiến :

Một là từ ngàn xưa con người Á-Đông ta quen với nếp sống tâm-linh trầm-mặc, khinh-miệt lý-trí, kỹ-thuật. Bản-chất tâm-linh đã là môi-trường tốt cho các tôn-giáo và suy-tưởng cao-siêu, nhưng con người quân - bình không phải chỉ có tâm-linh, tư-tưởng, mà còn

có phần lý-trí, kỹ-thuật nữa. Có mở-mang khoa-học kỹ-thuật như ở Tây-phương mới giải-phóng con người khỏi những áp-lực của thiên-nhiên mà lâu nay ta chỉ nén vào tâm-linh mà chịu đựng (1). Có lý-trí mới soi sáng được tâm-linh khỏi sa vào dị-đoan mê-tín.

Hai là Dân-tộc đã trải qua mấy nghìn năm phong-kiến. Nhìn lại lịch-sử các triều-đại bá-vương, mỗi dòng vua chỉ đếm được một vài minh-quân, còn lại là hoang-dâm nhu nhược đưa đất nước đến suy đồi, nhân-dân đồ-thán; triều nào duy-trì được ngôi báu lâu dài là cũng nhờ cố thủ trong những thành-kiến cũ-kỹ ; các sử - liệu quốc-gia thường nói rất nhiều về việc hưng-phế, việc dụng-binh, mà rất nghèo nàn về công-trình kinh bang tế thế. Lỗi ở nhà viết sử ? hay thực ra những năm ổn-định chỉ là thời-kỳ an-nhàn thụ-hưởng của hạng vua quan ? Chúng ta không dám quên ơn khai-sáng của các bậc tiền-bối vị quốc vong thân, nhưng nói theo nghĩa Phong-kiến Tây-phương thì phong hầu kiến địa là chuyện chia nhau quyền thụ-hưởng, thì cái óc thụ-hưởng ngưng-trệ ấy cũng có ở Đông-phương giam-hãm nhân-dân sống an-phận trong cồ-tục hủ-lậu để lớp người thống-trị an-hưởng quyền quý, tinh-thần ấy ngày nay vẫn còn đang thấm sâu và đè nặng chúng ta. Chỉ có phát-huy dân-chủ mới giải-tỏa được tình-trạng này, người dân được tự-do mới cảm thấy mình có trách-nhiệm, có quyền tự-quyết lấy số-phận mình và sự tồn-

(1) Nếu thấy rằng chúng ta đang thiếu một nền giáo dục kỹ-thuật để giải-tỏa nền kinh-tế ta ra khỏi tình-trạng bế-tắc hiện tại thì xin hãy hỏi những người có trách-nhiệm chấp-hành, còn quốc-sách giáo-dục thì lừ lờ đã có dự-liệu chiều-hướng đó.

vong của xứ sở, không còn thờ-ơ, ý lại vào nhà cầm quyền nữa.

Ba là non một thế-kỷ Tây-thuộc đã mang lại cho chúng ta, qua sách vở và các định-chế của người Pháp, cái ý-thức về một thứ tự-do mà con người chưa có khả - năng tự-do chỉ biết lạm-dụng để thụ-hưởng trong một cá-nhân chủ-nghĩa cho đến bây giờ vẫn đang tàn-phá quốc-gia. Vấn-đề là phải sớm giáo-dục cho lớp người đang lên một *tinh-thần cộng-đồng xã-hội*, sống *cởi mở bình-đẳng* với đồng loại đồng bào. Nếu không, thì rồi đây nền dân-chủ pháp-trị không khỏi trở nên một lớp vỏ nguy-hại chỉ dùng để che đậy những ung-nhọt « dân trốn xâu lậu thuế, quan những lạm tham ô » trên bước đường dẫn đến vong quốc.

Sau cùng là vấn-đề chống lại mọi phản ứng cố-chấp hẹp-hòi của một óc dân tộc tự-tôn thiên - cận (1) đầy quốc gia vào chỗ bế quan tỏa cảng, đình đốn suy vong như đã từng xảy ra với vua quan thời Tự-Đức. Ngày nay không có nước nào đứng biệt-lập ; bang-giao quốc-tế là một lẽ sống cho mọi quốc-gia, trong bang-giao ấy, ta phải biết thấu-thái được cái hay cái đẹp của nước người. Đối với người Việt ta thì đó là truyền-thống từ thời Nhâm-Diên Sĩ-Nhiếp.

Như vậy, *khoa-học, dân-chủ, xã-hội* và mở rộng cửa để *thu-nhận tinh-hoa nhân-loại* bốn phương là các mục-tiêu khai-phóng của nền quốc-học.

Nói tóm lại, ba nguyên-tắc định-hướng của nền giáo-dục ta đã kết thành một quốc-sách *nhất quán* nhằm đào-tạo con em ta nên một *con Người* (nguyên-tắc nhân-bản) *Việt-nam* (nguyên tắc

dân-tộc) *Tiến-bộ* (nguyên-tắc khai-phóng), một con người cụ-thể, xác-định trong cái quan-hệ liên-tục không-gian thời-gian (*continuum espace-temps*) hiện tại.

Nói chung về mặt lý thuyết thì chỉ có nguyên-tắc nhân-bản là chính-yếu, vì trong Nhân-bản tất đã phải có dân-tộc và khai-phóng rồi ; bởi lẽ con người theo nghĩa nhân-bản đích-thực là con người tự-chủ giữ được phần quyết-định trong cuộc sống ở bất cứ hoàn-cảnh nào thì tự họ biết sống trong dân-tộc để tồn-tại và có thái-độ khai-phóng để khỏi lệ-thuộc vào một tình-trạng ngưng-đọng thoái-hóa. Nhưng triết-lý giáo-dục là một *triết-lý hành-động*, không những thỏa-mãn tri-thức mà còn phải thiết-thực để hướng-dẫn việc làm của chúng ta ; cho nên phải có nguyên-tắc 2 và 3 để cụ-thể-hóa nguyên-tắc thứ nhất.

Bây giờ với quan-điểm ấy, chúng ta xin xét lại vài dị-luận đã có gần đây :

Dân-tộc là cứu-cánh ?

Một dị-luận là đặt *dân-tộc làm nguyên-tắc chính*, đưa nhân-bản xuống hàng nhì. Đây có lẽ là do một ngộ-nhận về danh-từ nhân-bản, bởi vì đã chấp nhận nhân-bản thì con người là cứu-cánh, là tối-thượng, không thể có thực-thể nào cao quý hơn. Dân-tộc có lý-do quý-trọng chỉ vì làm được vai-trò môi-trường nuôi-dưỡng con người. Người ta đề cao dân-tộc vì hễ dân-tộc tàn thì con người cũng mất, cũng như nếu cái vỏ bề thì cái trứng cũng không

(1) Theo các nhà phân-tâm-học ngày nay thì không có ranh-giới giữa mặc-cảm tự-tôn và mặc-cảm tự-ty ở những kẻ bên trong đã mất tự-tin nơi chính mình.

còn, tự nó cái vỏ không có giá-trị gì khác nữa. Có thể ở một trường hợp quyết liệt nào đó nhà chính-trị có thể đưa chiêu-bài dân - tộc lên hàng đầu để kích-động dân-chí, đoàn-kết dân-tâm vì một mục-tiêu giai-đoạn, nhưng nhà giáo-dục thì mưu chuyện lâu dài, giải-quyết vấn-đề tận căn-bản, xây dựng dân-tộc từ mỗi cá-nhân, cho nên đối với họ, nếu dân-tộc mà đặt trên nhân-bản thì không ai có thể hiểu nhân-bản nghĩa là gì.

Lại nữa nếu coi dân-tộc như cứu-cánh thì không còn có tiêu-chuẩn nào cao hơn dân-tộc nữa để theo đó mà định giá, chọn lọc các phong-tục lễ thói gọi là « truyền-thống dân-tộc », trong khi chúng ta chỉ có thể chấp nhận những truyền-thống cao đẹp, nâng-đỡ tiến-hóa, nếu không đầy được con người tới tự-do hơn thì cũng gìn-giữ cho họ khỏi bị suy đồi sa ngã.

Dân-tộc mà đóng kín để làm một mục-tiêu tối-thượng thì chỉ còn có vai trò bảo-đảm sinh-tồn như vai-trò của chủng-loại trong cỏ-cây thú-vật. Tình-trạng đóng kín làm trở ngại cho tiến-hóa nên là một nguyên-nhân của chậm-tiến. Ở thú-vật cỏ cây, tình-trạng đóng kín khắt - khe chống lại mọi ảnh-hưởng ngoại-lai để duy-trì chủng-tính, đến nỗi đã có sự ngừng-tiến vĩnh-viễn chứ không phải chỉ có chậm-tiến như ở loài người: đã có những giống động-thực-vật trường-tồn bất-biến từ đệ-nhất thời-đại địa-chất đến giờ. Cho nên con người đích-thực không phải chỉ có chuyện trường-tồn mà nhằm cái gì hơn là trường-tồn nữa, đó là tiến hóa(1). Vì thế dân-tộc không đủ bảo-đảm cho nhân-bản, cho cái yếu-tính linh-động và tiến-hóa của con người.

Khoa-học hay khai-phóng ?

Dị-luận thứ hai là lấy Khoa-học làm nguyên-tắc thứ ba thay vì khai-phóng. Khoa-học là vô-tính, không thể lấy đó định-hướng cho con người. Đức Quốc-xã đã tiến rất xa về khoa-học, nhưng để làm gì ? nếu không đi đôi với dân-chủ ? Cho nên nếu nói gượng gượng rằng tinh-thần khoa-học đơn-phương đủ « khiến ta thấu-thái được óc dân-chủ, ý-thức được quyền tự-do của con người » (3) thì chỉ là nguy-biện. Lại còn có cái khoa-học duy-vật chủ-nghĩa của một số chính-trị-gia xã-hội đặt con người vào qui-luật tất-định của vật-chất vô-tri thì không làm sao khỏi mâu-thuẫn với nhân-bản.

Thiếu định-hướng là thiếu tất cả

Định - hướng giáo - dục cho một nước vốn có truyền-thống văn-hóa lâu đời, đang trên con đường mở-mang cải-thiện như nước ta, là một vấn-đề quốc-gia trọng-đại bởi vì trong khi có cái cũ đã lỗi thời cần phải rút bỏ mà cái mới còn chưa nắm vững thì chỉ có giáo-dục mới xây dựng được một lớp người để làm nền tảng mới cho quốc-gia. Nhưng vì thiếu một triết - lý giáo - dục quốc - gia mà lâu nay chúng ta không sáng tạo được gì trong nghề - nghiệp. không có một quan-điểm chung nào giúp chúng ta đánh giá và rút tỉa kinh nghiệm: những người cũ đi trước như năm

(1) « Chúng ta đi về đâu » của Đ.N.T. Thời-Mới xuất-bản.

(2) Xem bài thuyết-trình về Dự-án Giáo-dục tại Đại-hội Giáo-dục Toàn-quốc 1964 (Văn-Hóa nguyệt-san số đặc-biệt tháng 3, 4, 1965- trang 435). Ngoài trừ bài thuyết-trình này ra, Đại-Hội đã chấp-thuận ba nguyên-tắc nhân-bản dân-tộc, khai-phóng với đa-số 95-phiếu (53 phiếu khác cho nguyên-tắc Khoa-học và 28 phiếu linh-tinh).

độc-quyền truyền đạt lại cho kẻ đến sau một số nguyên-tắc cơ-truyền được giải-thích mập-mờ như những giáo-điều. Các cuộc thảo-luận chuyên môn ít khi đưa đến quyết-định nhất-trí vì có nhiều lập-luận khác nhau. Các-thủ thuật mới đều du-nhập từ ngoại-quốc.

Nước tiền-tiến nào cũng đã có một truyền-thống giáo-dục dân-chủ tiến bộ rồi, việc định-hướng đối với họ là chuyện tự-nhiên, nhiều khi không thành vấn-đề nữa. Nhưng dù giáo-dục của họ có được định-hướng như thế nào, các phương-tiện giáo-dục của họ đưa sang nước ta là đã bị tách ra khỏi nguồn gốc chỉ-đạo nên hóa thành vô hướng. Bởi thế mà nhiều khi vì không có một ý-thức tiến-bộ, chúng ta không khai-thác được tất cả hiệu-lực của phương-tiện, khiến nó trở nên thoái-hóa trong tay chúng ta: Như những phương-pháp thính-thị, việc dùng tranh ảnh, bảng nỉ,.. là nhằm đào-tạo khả-năng quan-sát, trực-giác, óc suy-luận qui-nạp từ thực-tế,.. cho học-sinh, mà vào trường ta thì nó chỉ còn là những phương-tiện cho trẻ học mau hiểu, mau nhớ, mau thuộc, nghĩa là một hình-thức nhồi nhét tinh-vi, kiến-hiệu hơn mà thôi. Đó là tình-trạng chung của việc áp-dụng các phương-sách « giáo-dục-mới ». Lỗi hỏi bài bằng trắc-nghiệm chỉ là cái hình-thức, còn nội-dung trắc-nghiệm, hỏi những gì trong trắc-nghiệm thì còn tùy ở quan-điểm giáo-dục của ông thầy. Cho hay phương-tiện, phương-pháp tự nó không quyết-định được gì nếu không có cái ý-thức đúng hướng của con người sử-dụng.

Có khi vì thiếu một bản-linh vững-vàng, thiếu tự tin ở cái vốn truyền-thống mà thu-nhận bừa-bãi, nên một

số kinh-nghiệm ngoại-quốc đã làm nguy-hại không ít đến bản-sắc độc-đáo tinh-hoa của dân-tộc. Như lối lý-luận theo óc phân-tích Tây-phương trong cách dạy tập-đọc, giảng-văn, phân-giải tình-cảm, tách tình và ý khỏi lời văn theo lối dạy văn-chương Pháp, đã làm cho trẻ con ta hiểu văn hơn là cảm văn, xa hẳn truyền-thống thưởng văn, bình văn, bình thơ của người Việt. Tinh-thần pháp-trị Tây-phương lâu nay thi hành trong sinh-hoạt nội-bộ học-đường đang làm khô-khan căn-cõi liên-quan tình-cảm giữa bè bạn thầy trò mà xưa kia rất là nồng-mặn. Từ ngày Tây-học thịnh-hành, lẽ lối giáo-huấn của ta mất hẳn truyền-thống tình-cảm mà nặng về lý-trí và quyền uy.

Lại cũng vì thiếu một quốc-sách hay nói cho đúng hơn, không khai-thác được quốc-sách mà chúng ta không đồng-hóa được nổi các phương tiện ngoại-quốc du nhập vào trường-học chúng ta: Việc áp-dụng Giáo-dục Cộng-đồng là một sự-kIỆN tiêu-biểu:

Cho đến nay người ta vẫn có cảm-giác rằng Giáo-dục cộng-đồng là một chủ-trương giáo-dục riêng-biệt, hoàn-toàn không có liên-hệ gì đến phần còn lại trong tổ-chức giáo-dục của ta. Bằng-chứng là chỉ có Cộng-đồng ở Tiểu-học, không có ở Trung và Đại-học. Ở các trường Sư-phạm Tiểu học và ngay ở các trường gọi là Tiểu-học Cộng-đồng, trên thực-tế cũng chỉ có một môn Giáo-dục cộng-đồng riêng-biệt. Người ta không hiểu từ 15 năm nay (1) hàng triệu học-sinh mãi học ở các trường Tiểu-học cộng-đồng đã tiếp-tục học nữa ở đâu? và đến nay thì đã có chủ-trương biến-cải hết thầy các trường phổ-thông thành trường cộng-đồng. Sao lại có « phổ-

thông » và « cộng-đồng » ? Những trường Tiểu-học ấy hiện nay thuộc cấp nào chẳng phải là cấp phổ-thông sao ?

Về hiệu-quả thực-tế của chủ-trương này, chúng ta xin dành quyền cho quý vị thanh-tra Tiểu-học thẩm-định, chúng ta chỉ xin tự hỏi tại sao lại có thêm một ngành Cộng-đồng ? Giáo-dục thì đã có quốc-sách, muốn canh-tân cải-thiện thì cải-thiện, mở rộng quốc-sách ấy ra, việc gì phải đặt thêm một chủ-trương nào đó nữa ? Nếu Cộng-đồng là một phương-pháp nhằm một đối-tượng mới thì môn học nào, cấp học nào lại không cộng-đồng mà chỉ có ở trường Tiểu-học, ở một môn giáo-dục cộng-đồng ?

Đầu đuôi câu chuyện là thế này : Nó vốn là một kinh-nghiệm ngoại-quốc vì thấy nó hữu-hiệu ở nước ngoài mà đem về phổ-biến ở Việt-nam ta (1). Nhưng các nhà giáo-dục ta vì không đồng-hóa được nó với quốc-sách giáo-dục của ta, nên nó phải đứng riêng rời-rạc như vậy.

Tôi thiết nghĩ việc đồng-hóa không phải là khó. Giáo-dục Cộng-đồng là gì nếu không phải là đem tinh-thần khoa-học, dân-chủ và xã-hội vào sâu trong quần-chúng bình-dân ? là giải tỏa tình-trạng chậm-tiến ở nông-thôn và các xóm nghèo thành-thị ? Đó chỉ là việc thực-thi cho đến nơi đến chốn hai nguyên-tắc dân-tộc và khai-phóng vốn đã có sẵn có trong quốc-sách rồi. Giáo dục dân-tộc không phải là nói chuyện chém Liễu-Thắng, suy-tôn Nguyễn-Thái-Học trong giờ Sử-ký mà là nghĩ đến đồng-bào bằng xương bằng thịt đang sống đông-đảo ở các xóm nghèo vì không xa-hoa nhàn rồi mà còn giữ được cốt-cách của cha ông, tránh khỏi ảnh-hưởng các trào-lưu ngoại-quốc. Ta vẫn có thể làm được tất cả những gì là cộng-đồng mà không cần nói đến cái tên

« cộng-đồng » và làm như thế trên một căn-bản nhất-trí của lập-trường quốc gia dân-tộc.

Riêng tôi, với chút kinh-nghiệm góp nhặt được trong nghề, tôi không chút nghi-ngờ về cái hiệu-năng vô-tận của ba nguyên-tắc nhất-quán nhân-bản, dân-tộc, khai-phóng, một khi ta chịu đem nó ra làm lợi-khí cải-thiện nền giáo-dục chúng ta.

ĐOÀN-NHẬT-TẤN

Tài-liệu tham-khảo :

Nguyên-tắc căn-bản của nền Giáo-dục Việt-nam.

(Nguyên-văn trích ở Chương-trình Trung-học 1958, ban-hành do nghị-định số 1286 GD/ND ng. 12-8-58).

1) Nền Giáo-dục Việt-nam phải là một nền GIÁO-DỤC NHÂN-BẢN, tôn-trọng giá-trị thiêng-liêng của con người, lấy chính con người làm cứu cánh, và như vậy, nhằm mục-đích phát triển toàn-diện con người.

2) Nền Giáo-dục Việt-nam phải là một nền GIÁO-DỤC DÂN-TỘC, tôn trọng giá-trị truyền-thống, mật-thiết liên-quan với những cảnh-huống sinh-hoạt như gia-đình, nghề-nghiệp, đất nước và đảm-bảo hữu-hiệu cho sự sinh-tồn, phát triển của quốc-gia dân-tộc

3) Nền Giáo-Dục Việt-nam phải có tinh-cách KHAI-PHÓNG, tôn-trọng tinh thần khoa-học, phát-huy tinh-thần dân-chủ và xã-hội, thấu-thái tinh-hoa các nền văn-hóa thế-giới.

(Chương-trình Trung-học Bộ QGGD xuất-bản 1958 trang 7)

(1) Từ 1954 đã có trường Cộng Đồng dẫn đạo.

(2) Trong tài-liệu chính thức đề phổ biến Giáo dục Cộng Đồng là quyền « Giáo dục Cộng đồng (Tài liệu học-tập) do Bộ Giáo-dục xuất bản 1966 đã không có nêu ra một liên-quan gì đến ba nguyên tắc định-hướng của nền Giáo dục Quốc gia,

CAPSTAN

MEDIUM



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Người thanh-niên Âu - Mỹ hôm nay

Năm 1957, tạp chí *L'Express* đã phối hợp với tổ chức *Ifop* để mở cuộc điều tra rộng lớn về giới thanh niên Pháp. Danh từ « Đợt Sóng Mới » phát xuất từ đó.

Hơn 10 năm sau, cuối 1968, lại vẫn tạp chí *L'Express* và tổ chức *Ifop* cùng nhau hợp tác để tìm hiểu tâm trạng của tầng lớp tuổi trẻ đang gây xáo động khắp xã-hội Pháp. Kết quả cuộc điều tra này được đăng tải trên hai số *L'Express*, 919 và 920.

Tiếp đó, tạp chí này lại đem kết quả ấy đến thảo luận với những nhân vật có uy tín, hiểu biết sâu xa về giới thanh niên các nước Âu Mỹ, nhằm mục đích đối chiếu khuôn mặt người bạn trẻ ở Pháp so các bạn bè của họ ở các nước Tây phương khác. Những nhân vật được dò hỏi là giáo sư Stanley Hoffmann ở viện đại-học Harvard tại Hoa kỳ, là ông Hans-Gerd Schulte tại Đức, là giáo sư Cecrope Barilli tại Ý. Nội dung cuộc thảo luận này được tường thuật trên tờ *L'Express* số 921 ra vào thượng tuần tháng 3-1969 vừa rồi.

Vấn đề thanh niên là một vấn-đề quan trọng đang làm bận tâm các quốc-gia, từ Âu sang Á. Mặc dù hoàn cảnh ở xã-hội ta khác xa hoàn cảnh các nước Âu Mỹ, do đó tâm trạng thanh niên Đức Ý không thể là tâm trạng thanh niên Việt Nam. Tuy vậy, người ta nhận thấy gần đây có hiện tượng tuổi trẻ đó đây dần dần nhích lại gần nhau bắt chước các biên cương quốc gia. Vì vậy, sự tìm hiểu về người thanh niên Âu Mỹ không phải vô ích đối với chúng ta. Bản lược thuật sau đây là căn cứ trên các tài liệu nói trên.

Bạn có sung sướng chăng ?

Kết quả cuộc điều tra tại Pháp :

<i>Rất sung sướng</i>	35 0/0
<i>Khá sung sướng</i>	54 0/0
<i>Không được sung sướng lắm</i>	9 0/0
<i>Không ý kiến</i>	2 0/0

Lại hỏi : Sống vào thời kỳ này bạn cho là một cái may hay một cái rủi ?

Kết quả :

<i>May . . .</i>	77 0/0
<i>Rủi</i>	13 0/0
<i>Không ý kiến</i>	10 0/0

Françoise Giroud có mấy lời nhận xét bình giải. Nhưng quả là không cần thiết. Sự việc quá minh bạch, rõ ràng : các bạn trẻ ở Pháp, đại đa số hài lòng về cuộc đời họ đang sống.

Được hỏi : tình hình thanh niên ở nước họ có giống như thế chăng ? Stanley Hoffmann nói về Hoa kỳ :

— Vâng, tôi nghĩ vậy. Ở Hoa-kỳ không có cuộc điều tra tương tự. Nhưng tôi cho là có một thiếu số bất mãn, thiếu số nhưng lại ồn ào, còn đa số thì hài lòng. Dĩ nhiên là phải trừ những người da đen ra, họ chiếm 100% dân số.

Hans-Gerd Schulte nói về Đức :

— Chúng tôi cũng có một cuộc điều tra giống như cuộc điều tra ở Pháp. Và, có cái này đáng chú ý, là chúng tôi cũng tìm thấy những kết quả giống như thế. Cũng vẫn cái nhu cầu muốn tham gia, tham dự vào xã hội như thế, cũng vẫn cái khao khát hạnh phúc như thế v v . .

Nhóm phản đối hết sức ít ỏi : Nhưng về phản ứng thì giữa hạng sinh viên với hạng lao động đã gia nhập vào đời sống đã sản xuất, đã thích ứng với cuộc sống, giữa hai bên phản-ứng hoàn toàn khác nhau.

Cecrope Barilli nói về Ý :

— Phải xét lại cái quan niệm về tuổi trẻ. Tuổi tác là một yếu-tố cần, nhưng không đủ. Trong trường hợp các sinh viên, tuổi trẻ còn là tình trạng rảnh việc, tình trạng kéo dài tuổi thơ ấu. Họ đã đến cái tuổi có thể lấy vợ lấy chồng, có con có cái, làm được công việc, nhưng họ lại không đảm nhận trách nhiệm trong công cuộc sản xuất. Đối với gia đình thì họ ở trong tình trạng lệ thuộc về kinh tế, đối với các giới chức Đại-học thì họ ở trong tình trạng lệ thuộc về nghề nghiệp. Đó là một tình trạng rất đặc biệt, nó làm cho người sinh viên khác hẳn với một kẻ cùng tuổi ấy mà sống tự lập về mặt kinh-tế.

Ông giáo sư người Ý của chúng ta

thật đã bóng bẩy tể nhị ! Giá ông nói toạc ý nghĩ ra bằng những lời lẽ nôm na hơn, thì đại khái có lẽ là : Đừng bao trùm cả đám tuổi trẻ, đừng vơ đũa cả nắm. Chỉ có hạng sinh viên là học hoặc ồn ào thôi, vì họ đã lớn xác mà còn ăn bám ; trái lại, những hạng trẻ lao động lo làm lo ăn thì đâu có thể ?

Như vậy, ý kiến ấy cũng không khác ý kiến nhân vật Đức quốc.

Vì sao mà nổi giận ?

Trong các câu hỏi đưa ra trong cuộc điều tra tại Pháp, không có câu nào trực tiếp hỏi lý do nổi loạn của thanh niên. Điều đó dễ hiểu. Vì có phải ai nấy đều nổi loạn cả đâu mà mỗi người được phỏng vấn đều bị cật vấn về lý do nổi loạn ?

Tuy vậy, tưởng có thể thăm dò nguyên nhân bất bình của thanh niên Pháp, một cách gián tiếp, ở chỗ khác. Chẳng hạn, được hỏi : Ở PHÁP, cái gì tốt nhất, cái gì tệ nhất ?

Kết quả trả lời :

710% cho rằng tình hình tự do khá quan nhất.

850% cho rằng con đường tiến thân của thanh niên đáng ngại nhất.

So với cuộc điều tra năm 1957 thì hồi đó số bạn trẻ hài lòng về tình hình tự do cao hơn (770%,) và số lo ngại về đường tiến thân thì lại ít hơn nhiều (640%). Rõ ràng là sau 10 năm, bây giờ thanh niên Pháp nhận thấy mình khó có cơ hội thành công ngoài đời hơn trước. Có phải vì vậy mà họ bất bình ?

Ở Ý, C.Barilli nói :

Rắc rối lắm. Tại nước Ý, cho tới những năm gần đây, sinh viên là một

hạng người ưu đãi. Họ có cảm tưởng thuộc về một thành phần ưu tú, mai sau sẽ điều khiển quốc-gia. Đến khi mà số sinh viên ở các trường đại học tăng lên gấp đôi gấp ba, khi ấy họ thấy rằng mình sẽ không còn là thành phần ưu tú của tương lai nữa, rồi sẽ chỉ là những cán bộ hạng trung. Lúc bấy giờ họ không chấp nhận lối đào tạo phi lý bằng những phương pháp không thể tha thứ mà họ đang chịu đựng nữa.

Đồng thời cũng có sự thay đổi về tình cảm. Ở Ý bây giờ người ta khám phá và người ta bắt đầu lấy làm hồ thẹn về tình trạng của các lao xá, của những bệnh viện thần kinh, của các bệnh viện nói chung, của các cơ quan dành cho nhi đồng. Rốt cuộc có những quái trạng bắt người ta phải tưởng tượng. Giới trẻ họ không chịu nổi sự giả dối của xã hội. Đối với họ, những giá trị mà ai nấy không ngớt ca tụng ngoài miệng phải được thể hiện ra thực tại. Họ chiến đấu chính là nhân danh các giá trị ấy, và sức mạnh của họ do đó mà ra.

Ở Đức, H.G. Schulte nói :

— Lý do của cái mà các ông gọi là sự nổi giận của sinh viên, trước hết tôi cho là thực ra nó không giống nhau ở Prague và ở Madrid, ở Paris và ở Berlin, Tại Đức, người ta có thể nhận ra một số yếu tố. Trước hết sự bất ổn ở trong Đại học như các ông vẫn biết đây, sĩ số tăng gia, thiếu lớp, thiếu giáo sư v.v... Rồi thì, sâu xa hơn, lại còn nảy sinh ra một thái độ ngờ vực đối với nền tảng của một số khoa học, nhất là các khoa học về nhân văn.

(Tiếp theo H.G. Schulte đưa ra lý do thứ hai thuộc về tình hình sinh hoạt chính trị riêng của nước Đức.)

Lý do thứ ba có tính cách tâm lý. Ở xứ chúng tôi có một sự gián đoạn rất rõ

rệt giữa thế hệ 35 tuổi và thế hệ 20, 25 tuổi. Hồi 1945 nước Đức thực tình ở điểm 0, và bấy giờ tiện nghi trong đời sống là một giá trị xác thực. Ấy là một cuộc chiến thắng cảnh hỗn loạn. Đối với lớp cha đẻ ra những thanh niên ngày nay khẩu hiệu then chốt là : vượt khỏi quá khứ, Và theo người Đức vượt khỏi quá khứ: trước hết là phải vượt về phương diện vật chất. Trước hết là ăn, Tiến bộ kinh tế, cái ấy đâu có dễ. Bởi vậy bấy giờ thực sự đó là cả một giá trị luân lý, một cuộc chiến đấu, Một cuộc vận hội bắt đầu từ chỗ hư-vô.

Thế rồi đến 1968 lại gặp một thế hệ không hề biết đến cuộc chiến đấu ấy. Do đó mà có một mối thù hận ghê gớm của lớp cha ấy đối với lớp con 20 tuổi ấy, lớp con coi cảnh an-lạc quốc gia như là chuyện dĩ nhiên phải có và chỉ trích cái mà chúng gọi là xã hội tiêu thụ.

Trường hợp ở HOA-KỲ là trường hợp đặc biệt hơn cả. Theo J. Hoffmann ở đây không hề có chuyện thanh niên chống lại xã hội tiêu thụ, không hề có chuyện thế hệ trẻ chống lại thế hệ già.

Ông cho rằng danh từ «xã hội tiêu thụ» không phải là một danh từ Mỹ. Ý niệm ấy không phát sinh ra ở Mỹ. Điều này chắc chắn làm nhiều người trong chúng ta ngạc nhiên : hóa ra quốc-gia sống thừa thái phong phú nhất không phải là quê hương của tư tưởng chống đối sự thừa thái. Ở đó chưa có ai chán tiện nghi vật chất. Cái chán ngấy này chính là cảm tưởng của Âu châu, của những xã hội chưa tiến trọn con đường dẫn tới phồn thịnh. Nhận xét tuy có bất ngờ, nhưng ông S. Hoffmann đã đưa ra bằng chứng : danh từ «société de Consommation» là chữ Tây,

đâu phải tiếng Mỹ, ở Mỹ có ai nghĩ đến chuyện đó đâu mà có tiếng nói ?

Ở Mỹ cũng không có những người trẻ chống lại người già. Họ nổi loạn ư ? Không. Họ nổi chỉ các bậc cha anh đấy. Các bậc cha anh của họ đã từng tranh đấu cho lý tưởng, chống cái này nọ; bây giờ lớp đàn anh không còn sức lực, không còn sự hăng hái, dũng cảm và khả năng để đấu tranh nữa ; vậy lớp trẻ tuổi phải đứng lên. Thế thôi. Chuyện bênh vực một lý tưởng là chuyện chung, hết lớp này đến lớp kia luân phiên nhau, kế tục nhau ; đâu có chống đối nhau. Về điểm này S. Hoffmann cũng có bằng chứng hồi : tháng 4-1968, xảy ra trường hợp quá đáng một thanh niên đại náo gây cảnh máu lửa ở Columbia. Người ta phỏng vấn bà mẹ anh ta, bà mẹ lấy làm hãnh diện về đứa con cách mạng, bà luôn mồm nói « my son, the revolutionnary ».

Thế thì nguyên do bất bình của thanh niên Mỹ ở chỗ nào ? S. Hoffmann cho rằng ở cuộc chiến tranh Việt nam. Đối với người Mỹ, cuộc chiến tranh này đưa tới hai hậu quả. Trước nhất là sự mất tín nhiệm ở chính quyền. Từ trước tới nay dân Mỹ vẫn tin cậy ở người họ bầu ra cầm quyền ; bây giờ họ khám phá ra rằng Tổng thống Johnson đã có nói dối về chiến cuộc này. Họ đâm ra ngờ vực chế độ, xã hội : thì ra chế độ họ đang sống cũng không có gì hay ho, một chế độ mà để cho nhà cầm quyền đối với quốc dân thì phải được xét lại. Thứ đến, là họ nhận thấy sự bạo động có lúc cũng ích lợi. Từ trước tới nay, dân Mỹ cho là dân chủ không đi đôi với bạo động ; bây giờ họ khám phá ra rằng cũng có khi bạo động phụ một tay đầy

mạnh dân chủ tiến tới cho được nhanh hơn. Về điểm này những kẻ nổi loạn có chịu ảnh hưởng của tư tưởng H. Marcuse, và của những biến cố xảy ra ở Cuba và Trung cộng :

Tuổi trẻ và giới lao động

Tại PHÁP, hỏi rằng biến cố tháng 5-1968 là đáng mừng hay đáng lo ?

Đáp : Đáng mừng 41 0/0
Đáng lo 47 0/0
Không ý kiến 12 0/0

Lại hỏi rằng thành quả của biến cố tháng 5-1968 là tốt hay xấu, thì trong giới sinh viên có 460/0 khen, 400/0 chê ; trong giới lao động có 360/0 khen, 530/0 chê. Quan điểm đôi bên khác hẳn nhau. Cái khác ấy, một công nhân đã nói rõ « Được tăng lương, phải trả thêm thuế, rồi vật giá leo thang lại sẽ làm cho lương có tăng cũng như không. Thêm thuế để cho ai ? Để cho các ngài sinh viên làm bông lơn với cách mạng ».

Tại ĐỨC, H.G. Schulte trả lời :

Ở Đức, mối thù hằn của thợ thuyền đối với sinh viên rất mạnh mẽ, cực kỳ rõ rệt.

Tại Mỹ, S. Hoymann bảo :

Ở Hoa kỳ tuyệt không có sự gặp gỡ nào. Một phần là vì tầng lớp thợ thuyền Mỹ tuyệt đối bảo thủ (...)

Nghĩa là S. Hoffmann cũng xác nhận là sinh viên với lao động không hợp nhau. Nhưng đó là lỗi tại lao động. Giới thợ thuyền ở Mỹ lạc hậu quá, nhảm quá : họ chỉ biết có mỗi một điều là đạt cho được miếng bánh lớn hơn và hết sức tránh cảnh thất nghiệp. Họ không quan tâm đến những lý tưởng cấp tiến của sinh viên. S. Hoffmann cũng cung cấp một bằng chứng : Khi

người ta hỏi người thợ trung bình :
« Anh nghĩ thế nào về các sinh viên ở
Columbia ? » anh ta trả lời : « Nói làm
gì cái bọn báo đời chuyên gây lộn xộn
ấy ? »

Tuổi trẻ và tinh-thần quốc-gia

Về phương diện này, các chuyên gia
về thanh niên Âu Mỹ đã nêu lên một
nét tâm lý khá lạ lùng.

Tại PHÁP, hỏi : Hiện tại, vấn đề
nào quan trọng nhất đối với nước Pháp?

Kết quả cuộc điều tra ;

Việc hạ giá đồng bạc	29%
Các vấn đề kinh tế và canh nông	17%
Lương bổng, mức sống	12%
Nạn thất nghiệp	11%
Thanh niên, sinh viên	9%
Sự ổn định của chính quyền	5%
Nền hoà bình thế giới	5%
Các vấn đề xã hội	4%
Vấn đề Âu Châu	2%
Vấn đề nhà ở	1%
Vấn đề Algérie	—
Uy tín quốc gia	—
Linh tinh	3%
Không ý kiến	11%

Mọi chuyện đều có kẻ quan tâm tới,
từ chuyện bao la như hòa bình thế
giới cho tới chuyện thực tế như nhà
ở..., ngoại trừ một vấn đề chẳng ai
thèm nghĩ tới : là uy tín quốc gia.

« Uy tín quốc gia », cái lẽ sống
của một đời phục vụ tận tụy của lớp
người như De Gaulle, cái đó đối với
lớp trẻ hôm nay nó không thành vấn đề!

Tại ĐỨC, H.G Schulte cũng nhận
thấy một xu hướng tương tự :

— (...) Nhưng tôi muốn xin ông lưu
ý đến điểm này : là theo kết quả cuộc
điều tra của các ông, tinh thần quốc gia
không còn có ý nghĩa gì nữa đối với
lớp trẻ. Tôi cho rằng có một cái
gì vô cùng xác thực trong đó, nó cũng
đang xảy ra ở Đức, và có lẽ sẽ tràn ra
ngoài phạm vi Âu-châu. Vấn đề quốc gia
tuyệt không còn một chút quan trọng gì
với tư cách là vấn đề quốc gia, có một
thứ gần gũi về tâm lý đang thành hình,
một sự thống nhất, nó đang thể hiện ra
ngay cả ở hình thức thời trang. Trước
đây mười năm, ông có thể phân biệt
ngay ngoài đường một thiếu nữ Đức với
một thiếu nữ Ý, hay Pháp. Bây giờ
không phân biệt được nữa.

Tiếp theo hiệp-ước Pháp-Đức ký kết
năm 1963, người ta có thành lập một
Cục thanh-niên Pháp-Đức. Chúng tôi tổ
chức những cuộc hội thảo nhằm nối lại
tình thân hữu Pháp Đức, ban đầu thanh
niên hai nước đều thích. Ai nấy bàn
cãi sôi nổi. Bây giờ thì ý-thức-hệ
Pháp Đức, họ không khoái nữa. Cái gì
làm họ khoái, đó là những hoạt động
cụ thể với một nội-dung kỹ-thuật thật
rõ ràng (...)

Trở về giới trẻ ở Pháp, là Fran-
çoise Giroud tổng-kết cuộc điều tra
của tạp chí L'Epress có một nhận xét
phù hợp với lời của H. G. Schulte ở Đức:
« Nói chung, họ (thanh niên) quan
tâm tới sự liên đới nhân loại, quốc tế.
Chứ không phải đến sự liên đới quốc-
gia. Tinh-thần quốc gia đối với họ, thành
xa lạ, hoặc lỗi thời, gần như nguy
hiểm.»

Điều lý thú là trong khi giới thanh
niên ở Pháp và Đức lần lần xao lãng
chuyện quốc gia đề hướng về trách

nhiệm quốc tế, thì ở Hoa - kỳ lại có một chuyển hướng trái ngược.

S. Hoffmann nhận xét :

— (...) Lớp người 25 tuổi sau cuộc Đại-chiến có một ý-thức rất minh-bạch về các trách-nhiệm quốc-tế của Mỹ quốc. Lớp trẻ ở Hoa-kỳ bây giờ không phân biệt xu hướng chính trị, lại nhìn về quốc nội hơn là về quốc ngoại, và hơi chán ngấy các trách nhiệm quốc tế.

Không phải họ chủ trương biệt lập, co về sống một mình, mặc kệ thiên hạ bốn phương. Trong thế giới hiện đại, một quan-niệm như thế không thể có. Những lớp trẻ ở Mỹ bây giờ, họ không muốn Hoa - kỳ đóng vai trò cảnh sát quốc tế nữa, chuyện gì ở đâu cũng xia vô nữa. Đành rằng đối với chuyện đại sự, như Nga xâm chiếm Tây-Âu, Tàu xâm chiếm Ấn-độ chẳng hạn, thì họ phải ra tay. Nhưng còn những

chuyện cãi vã xích mích lật vật ở đó đây, thì tốt hơn là Hoa-kỳ nên làm lơ đi, để thì giờ lo giải quyết những việc trong nhà.

oOo

Tóm lại, giữa lớp trẻ ở Âu và Mỹ có những điểm giống nhau, có những điểm thật khác nhau, lại có những điểm trái ngược nhau. Càng gần giới trẻ càng thấy họ rắc rối. Còn có bao nhiêu điều cần phải tìm hiểu về họ. Và nhất là về mình : về giới trẻ của nước mình hiện thời.

Bởi vì hòa-bình mà trở lại, hết lo chuyện giặc giã rồi thì việc xây dựng tương lai là nhất. Và giới trẻ là tương lai, là lực lượng xây dựng. Chúng ta đã thực sự biết được gì về các bạn trẻ của chúng ta ?

3-1969

TRÀNG THIÊN

Sống tại miền Nam, yêu mến miền Nam, từ trước đến nay đã mấy ai có được những nhận xét về Văn-học Miền Nam nước Việt như NGUYỄN VĂN XUÂN trong cuốn :

KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI

THỜI MỚI vừa phát hành. Giá 90đ

CONAN

chuyên trị cảm cúm, nhức răng, nhức đầu, nhức bắp thịt, nhức khớp xương, phong thấp.

VIỆN THUỐC HỒNG
CỎ SINH-TÓ C

Neurotonic

KV. 785/BYT/GCĐP/16.4.4b

BOI BO ÓC, TANG CƯỜNG TRÍ NHỚ

TRÀM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH

4 / PHẠM-VIỆT-CHÂU

(Xin xem B K. T.Đ. từ số 290-291)

LÀO QUỐC

trong cuộc ngoại khiến nội chiến

(Xin xem bài này từ số 294)

Ngoại - khiến nội chiến

Hiệp-định Đình-chiến được ký kết ở Genève tháng 7-1954 đã quy-định quân-lực Pháp và Cộng-sản Việt cùng rút khỏi xứ Lào trong vòng ba tháng sau ngày đình-chiến (1), còn quân Cộng-sản Lào được trấn đóng ở hai tỉnh Phong Saly và Sầm Nứa (Sam neua) cho tới cuộc bầu cử thống-nhất xứ Lào vào năm 1955.

Hiệp-định Genève đương-nhiên đã là một văn-kiện chia cắt đất Lào và tạo ra những tranh-chấp nội-bộ dẫn đến cuộc ngoại-khiến nội chiến, một vết thương không biết đến bao giờ mới lành cho quốc-gia nhỏ bé này.

Khi trình bày quan-điểm của phái-đoàn Hoàng-gia Lào, đại-biểu Phoui Sananikone đã cho rằng :

— Lào vốn là một nước độc lập theo hiệp-ước 1953 với Pháp.

— Như vậy phe đối-chiến ở Lào không thể được coi như lực-lượng kháng chiến dành độc-lập mà chỉ có thể là lực lượng xâm-lăng của Cộng-sản Việt.

— Lực lượng xâm-lăng ấy phải triệt-thoái ra khỏi Lào.

Quan-điểm này có vẻ hơi cứng rắn, vì không giải-quyết được vấn-đề Pathet Lào. Có người đã nghĩ đến một giải-pháp mềm mỏng hơn là đưa vấn đề liên-hiệp ra ngay lúc ấy để tìm cách hòa-tan lực-lượng Pathet trong đại-khối quốc-gia Lào, nhưng dĩ-nhiên cũng lại gặp sự chống đối của phe Cộng. Bằng chiến-lược chung đã có sẵn, phe Cộng quyết duy-trì lực-lượng Pathet để sử-dụng sau này, do đó họ đã đưa ra đề-nghị lấy hai tỉnh Phong Saly và Sầm Nứa làm nơi tập trung quân Pathet. Mendès France, Thủ tướng và cũng là người cầm đầu phái đoàn Pháp, với tinh-thần vô-trách-nhiệm chỉ cốt cho xong việc, đã nhắm mắt chấp nhận đề-nghị này.

Bầu-cử 1955 đã được thực-hiện, nhưng Pathet Lào tầy chay không tham-dự. Tuy-nhiên sau nhiều cuộc điều-đình suốt hai năm, phe chính-phủ và

(1) Trừ 1500 người Pháp được ở lại với tư cách huấn-luyện-viên của Quân-đội Hoàng-gia.

phe Pathet đã đi đến một thỏa-ước (11-1957) theo đó hai tỉnh miền Bắc, Phong Saly và Sầm Nứa, được trả về chính-phủ trung-ương, 1.500 người trong số 9.000 quân-sĩ của Pathet được chính-quy-hóa, số còn lại được giải-ngũ. Tờ-chức Pathet Lào được hợp-thức-hóa và đồng-thời phe Cộng tạo-lập một mặt trận mới để tranh-đấu chính-trị mệnh-danh là Neo Lao Hak Xat (Mặt-trận Tờ-quốc Lào). Mặt trận mới này giữ hai ghế trong nội-các liên-hiệp : Bộ Nội-vụ và Bộ Ngoại-giao. Ủy-hội Kiểm-soát Đình-chiến được yêu-cầu rời khỏi xứ. Trong cuộc bầu cử bổ-túc vào năm 1958 để tuyển thêm 20 dân-biểu, Neo Lao Hak Xat đã chiếm đa-số. Quốc-gia Lào đã có vẻ thống-nhất thực-sự và mọi nỗ-lực của những người lãnh-đạo bấy giờ là chỉ cần nhằm vào hoạt-động phục-hồi xứ-sở qua đường lối chấn-hưng kinh - tế và phát-triển xã-hội. Tuy nhiên, sự liên-hiệp Quốc-Cộng, hay nói một cách chính-xác hơn là liên-hiệp ba chân — gồm phe thân Mỹ, phe có khuynh-hướng trung - lập thân Pháp (Thủ - tướng Phouma) và phe Cộng — chưa được bao lâu thì đã rạn nứt và đưa đến chỗ sụp đổ chính-phủ (7-1958) qua những chiến-dịch tố-cáo nhân-viên chính-quyền tham-những, phản - bội quyền-lợi quốc-gia, điều-hành bất chính ngoại viện.v.v..

Chính-phủ mới được thành lập do Phoui Sananikone cầm đầu với sự cộng-tác của một nhóm chính-khách trẻ thân Mỹ tự xưng là Hội-đồng Bảo-vệ Quyền-lợi Quốc-gia (Comité De La Défense Des Intérêts Nationaux). Sananikone chấm-dứt sự liên-hiệp bằng cách oai hấn thành-phần Pathet Lào ra khỏi

nội-các. Tranh-chấp giữa hai khối Đế-quốc Tư-bản Cộng-sản được thể-hiện rõ rệt ở Lào trong lúc này.

Souphanouvong tố-cáo chính-phủ vi-phạm thỏa-ước 1957 bằng cách dùng những biện-pháp khủng-bố các cựu cán-bộ lãnh-đạo Pathet Lào và đã ngỏ cửa cho Hoa-kỳ can-thiệp vào nội-tình xứ Lào. Cộng-sản Trung-hoa phụ-hợp theo và cảnh-cáo điều mà họ gọi là chính-phủ Lào đang tự biến xứ Lào thành căn-cứ quân-sự của Mỹ. Cộng-sản Bắc-Việt cũng lên tiếng ủng-hộ Souphanouvong trong sự kêu gọi tái-lập Ủy-hội Kiểm-soát Đình-chiến để điều-tra về sự vi-phạm Hiệp-định Genève của nội-các Sananikone.

Đầu năm 1959, nội-chiến bùng nổ. Pathet tấn-công ở miền Bắc để tái chiếm hai tỉnh Phong Saly và Sầm Nứa làm bàn đạp.

Chính-phủ Hoàng-gia kêu gọi Liên-Hiệp-Quốc cử phái-đoàn điều-tra về việc Cộng-sản Hà-nội nhúng tay vào nội-bộ xứ Lào. Phái-đoàn Liên-Hiệp-Quốc gồm đại-diện Nhật, Tuy-Ni-Di và Ác-Giăng-Tin, đã tới Lào, và như ai cũng đoán trước về khả năng của phái-đoàn trước những mưu-mô xảo-quyệt của Cộng-sản, phái-đoàn đã phúc-trình về Hội-đồng Bảo-an là « không có Cộng-sản Việt trong Lực-lượng Pathet ». Trên thực-tế, vũ-khí, đồ trang-bị, quân-lương và lớp lớp từng đơn-vị nhỏ của Hà-nội vẫn được gửi sang Lào để làm cho tình-hình ngày càng sa lầy thêm.

Nội-chiến vẫn tiếp-diễn. Vientiane vẫn chống đỡ trước những đòn tấn - công của Pathet trên chiến-trường cũng như chính-trường, nhưng đến mùa Hè năm đó thì Sananikone đã tỏ ra mất dần sự

cương quyết lúc đầu. Càng ngày người ta càng thấy ông rời bỏ vị-trí cũ trong phe hữu đề thiên sang trung-lập. Tuy nhiên, sự thay đổi lập trường của ông quá đơn độc, quốc-dân Lào thì hoang-mang trước thời-cuộc, những nhân-vật trong nội-các và quân-đội thì khuynh-hữu quá khích, vì vậy nên việc phải đến đã đến. Hai tháng sau lễ đăng-quang của vua Savang Vatthana (1). Sananikone đã bị lật đổ trong một cuộc đảo chánh êm nhẹm (1-1960) do một số tướng lãnh và những phần tử trong Hội - đồng Bảo-vệ Quyền - lợi Quốc-gia tổ-chức.

Chính-phủ thân Mỹ được thành lập. Kou Abhay làm thủ-tướng lâm-thời cho tới cuộc bầu-cử tháng 4-1960 thì Tiao Somsanith, nhân vật thuộc phe Phoumi Nosavan, thay thế. Chính-phủ này chỉ tồn tại được vài tháng thì bị Đại-úy Kong Lê (2) đảo-chính (8-1960). Tướng Nosavan, chạy sang Bangkok và sau đó trở về Savannakhet cùng Hoàng-thân Boun Oum lập Ủy-ban Cách-mạng sửa-soạn Bắc-tiến.

Kong-Lê mời Souvanna Phouma ra lập chính-phủ mới với nhiệm vụ điều-giải phe Bắc (Pathet) và phe Nam. Phouma, một lần nữa lại thất bại trong công việc điều-giải để chấm dứt nội-chiến cùng với chủ-trương trung-lập của ông. Ông phải bỏ Vientiane sang Cao - Miên, để lại một sứ Lào chìm đắm trong cảnh nồi da xáo thịt với một bên là liên-minh Pathet-Trung-lập (3) được Cộng-sản Việt, Cộng-sản Trung Hoa và Nga-sô yểm-trợ và điều-khiển, còn một bên là phe Boun Oum-Nosavan lệ thuộc hẳn vào Mỹ, trực tiếp qua Phái-bộ Cố-vấn và gián-tiếp qua Thái-Lan.

Phe Nosavan tái-chiếm Vạn - tượng, Hoàng-thân Boun Oum đứng ra lập chính-phủ mới. Nhưng không phải vì thế mà lực-lượng tả phái chùn bước, trái lại người ta còn nhận thấy hoạt-động của Cộng-quân có mỗi mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Mùa Hè 1962 Cộng-quân và Trung-lập đã tràn cả xuống Trung-Lào và một phần Nam Lào dọc theo triền Tây dãy Trường-sơn. Tình-hình nguy-ngập làm xôn xao dư-luận thế-giới. Không bỏ lỡ cơ-hội tốt này, Hoa-kỳ bèn lợi-dụng tình trạng rối bời ở Đông Nam-Á, đem Thủy-quân Lục-chiến đổ bộ vào Thái-Lan, nói là để trấn-an vùng này, nhưng thực-sự là một hành động nằm trong kế hoạch của Ngũ-Giác-Đài nhằm cố gắng đặt chân vào đất liền để có địa-bàn vững chắc.

Sau những cuộc cãi vã và mặc cả quốc-tế, vấn đề đã được giải-quyết bằng cách lại tái-lập chính-phủ Liên-hiệp với Souvana Phouma làm thủ-tướng, Soupha nouvong và Nosavan cùng là phó thủ-tướng, (6-1962). Tiếp theo đó là kết-quả Hội-nghị Genève thứ hai với thành phần phái-đoàn của 14 quốc-gia (4). Bản Hiệp-định mới này bảo-đảm nền

(1) Kế vị vua cha là Sisavang Vong băng hà tháng 11-1959.

(2) Kong-Lê là một người thuộc nhóm thiểu số ở Tchépone. Khi ấy ông ta đang chỉ huy Tiều-đoàn 2 Nhảy-dù, tiều-đoàn thiện chiến nhất của Quân-đội Hoàng-gia Lào. Nhằm ngày hầu hết nhân viên chính-quyền đang tụ họp ở Luang Prabang để sửa soạn dự lễ hỏa-táng vua Sisavang Vong, Kong-lê liền đem quân chiếm Vientiane và đã thành công dễ dàng.

(3) Lực-lượng Trung-lập do Kong-Le, khi ấy đã là Trung-tướng, chỉ-huy.

(4) Hội-nghị này đã khởi họp từ 15-5-1961 và kết-thúc ngày 23-7-1962.

trung-lập của Lào và sự rút lui tất cả quân-đội ngoại-quốc ra khỏi xứ Lào trong vòng 75 ngày (1).

Mọi việc lúc đầu có vẻ trôi chảy, nhưng rồi chẳng bao lâu sau nội-chiến lại tái phát (1963) và dai dẳng cho đến ngày nay.

Cuối 1967 đầu 1968, những cuộc hành quân của phe Cộng đột nhiên trở nên quy-mô hơn và chiến tranh càng khời rộng hơn. Phe Pathet Lào được chỉ-thị đẩy mạnh chiến-tranh tạo thêm một mặt trận mới đề yểm hộ cho chiến-trường Việt-Nam do kế-hoạch chung của khối Đế-quốc Cộng-sản.

Riêng Phouma, ông vẫn đứng vững ở chức vị thủ-tướng trong sáu năm nay, nhưng chính-phủ liên-hiệp của ông đã không còn mang đúng danh-nghĩa liên-hiệp nữa, vì đã thay đổi nhiều phen qua sự ra đi của phe Cộng và mấy cuộc

chính-biến dẫn dắt của phe hữu. Dần dần, dầu muốn dầu không, Phouma vẫn phải càng ngày càng lệ thuộc vào Mỹ trong cái thế chiến-tranh chung ở Đông-dương. Vì chiến-tranh. Lào không hơn không kém chỉ là cái đuôi của chiến tranh Việt-Nam. Lào không thể tự giải-quyết hoặc nhờ quốc-tế giải-quyết được chiến-tranh nếu Việt-Nam chưa có hòa-bình.

Xứ Lào đau khổ là hình-ảnh của một nạn-quốc trong cái nạn chung của các nhược-tiểu dân-tộc trước những tham-vọng thống-trị thế-giới của hai phe Đế-quốc Tư-bản và Cộng-sản.

(còn tiếp)

PHẠM-VIỆT-CHÂU

(1) Vấn-đề thứ hai này nhằm vào Mỹ và Cộng-sản Bắc-Việt. Nhưng với Cộng-sản Bắc-Việt thì rất khó kiểm-soát nên chỉ riêng thiệt cho Mỹ. Sở dĩ Mỹ chấp nhận sự việc này là vì đã đồ được quân lên Thái-Lan và Nam Việt-Nam, nên Mỹ thấy không cần thiết phải đồn trú một lực-lượng nhỏ ở một vùng túi kệt khó yểm-trợ về mọi mặt như xứ Lào.

Tăng cường sinh lực bằng,

CETONIC

VITAMINE C 250mg

(Xin xem B. K. T. Đ, từ số 293)

Ý-thức tôn-giáo và ý-thức dân-tộc

Mեն тэng sinh vián Đại học Huế,
đề kỷ niệm một buổi nói chuyện không thành
(Huế. 2-2-69 L. C. T.)

II. – NHỮNG ĐỨA CON CỦA THIÊN-ĐÀNG

(Tiếp theo BK. số 294)

Như đã thấy ở phần trên, dự phóng nguyên thủy của dân tộc là tồn tại vĩnh viễn trong trần gian, dự phóng nguyên thủy của tôn giáo là vĩnh viễn thoát khỏi trần gian: đó là mối mâu thuẫn sâu xa nhứt giữa tôn giáo và dân tộc. Nguyễn đình Chiểu, đại diện cho ý-thức dân-tộc, đã thấy rõ vấn-đề khi lên án cả Phật-giáo lẫn Thiên-Chúa-giáo là “phận gần chẳng đoái, đoái hoài phận xa.”

Tuy nhiên, có lẽ vì nghĩ đến cái “phận xa” của con người mà các tôn giáo phồ-biến đã góp một phần quyết định vào việc cải thiện chính cái “phận gần” của con người; có lẽ vì muốn cho con người được “thăng lên Trời” mà Phật-giáo và Thiên - Chúa - giáo đã là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp của nhiều tiến-bộ lớn lao của con người trên mặt đất.

Có vượt khỏi trần gian mới nhìn thấy nó toàn diện và phê phán nó toàn diện. Có ý-thức được một thực-tại tuyệt đối ngoài trần gian như cái duy nhứt hoàn hảo, mới cảm thấy bất mãn trước những thực tại tương đối trong trần gian. Và có phê phán, bất mãn,

mới có tiến bộ. Cho nên, giả như tôn giáo có hoàn toàn bất động đi nữa, nguyên sự hiện diện của nó đã là một thách đố đối với trần gian, bắt buộc trần gian phải tự đặt nó thành vấn-đề và tự cải-thiện.

Mà tôn giáo đâu phải là đã không làm gì cho trần gian! Nếu khách quan nhìn lại lịch sử, làm sao phủ nhận được ảnh hưởng quyết định của các tôn giáo lớn trong sự phát triển của văn minh nhân loại.

Chính tôn-giáo đã nâng cao giá-trị của con người đến chỗ siêu-việt, đặc biệt là những con người thấp hèn nhứt, đã bị khinh bỉ và chà đạp mấy ngàn năm. Những kẻ nô lệ trong Đế - quốc La-mã, những người cùng đinh (paria) bên Ấn-độ, chắc chắn đã cảm thấy chơn trời như đột nhiên mở rộng trước mặt họ, khi lần đầu tiên họ nghe giảng rằng tất cả mọi người là anh em vì là con một Cha trên Trời và đều có thể hưởng hạnh-phúc đời đời, hoặc bất cứ ai cũng có Phật tính và đều có thể Giác-ngộ để đạt tới niềm cực-lạc. Lẽ dĩ nhiên giá-trị của họ mới chỉ được

nhìn nhận trong ý-thức và cuộc giải-phóng chỉ được hứa hẹn cho đời sau, do đó, tôn giáo thường bị lợi dụng để làm cho họ ngoan ngoãn an-phận. Nhưng điều cốt yếu vẫn nằm ở chỗ họ không còn là một con số không trước mắt chính họ cũng như trước mắt kẻ khác và số-phận họ không còn được xem như tự nhiên, tất yếu và vĩnh viễn. *Khi kẻ nô lệ, người cùng đinh biết rằng họ có thể được giải phóng, dầu là ở đời sau, thì cuộc giải-phóng đã thật sự bắt đầu.*

Chính những giá-trị đạo đức do các tôn-giáo sáng tác, đặc biệt là đức Bác-ái và đức Từ-bi, đã là những động lực thúc đẩy con người chấm dứt những hành vi bạo động trong mối tương-giao giữa người và người. Lẽ dĩ nhiên, những giá-trị này đã không giải quyết được toàn diện vấn đề bạo-động, hơn nữa, lại thường bị lợi dụng để trấn an lương-tâm của chính kẻ bạo-động và xoa dịu lòng căm phẫn của những nạn nhân của bạo động. Nhưng điều cốt yếu vẫn nằm ở chỗ con người không còn đứng đứng trước bạo động và bắt đầu cảm thấy cái đòi hỏi thiết lập một thể-thức tương-giao mới, nhân-bản hơn, nghĩa là công bằng và huynh-đệ hơn, giữa người với người.

Xét trên khía cạnh trần-gian, những cộng-đồng tu-trì trong Phật-giáo và Thiên-Chúa-giáo có thể được xem như những cố gắng đầu tiên và bền bỉ nhằm sáng tác, duy trì và phổ biến thể-thức tương-giao nhân-bản nói trên. Mặc dầu có tính cách hạn hẹp và ngoại-lệ, sự hiện diện của những cộng-đồng này là một tấm gương, đồng thời là một thách đố đối với những xã-hội bạo-động.

Riêng tại Tây-phương, ý niệm công-

bằng đã được các triết-gia thời Thượng-cổ ý-thức rõ rệt và phân tách chính xác nhưng nó không có một chút ảnh hưởng nào trong thực tế và phải đợi sự xuất hiện của Thiên-Chúa-giáo mới thấy được một *tâm trạng phẫn nộ* trước những hoàn cảnh bất công, đưa đến những cố gắng kiên-trì nhằm thực hiện công-bằng trong xã-hội, mà những cuộc Cách-mạng sau này chỉ là những biểu-hiện quyết-liệt nhứt. Đối với các Giáo-phụ, của cải trong trần gian là của chung, do Thiên-Chúa tạo nên cho tất cả mọi người và phải được chia sẻ đồng đều cho tất cả :

« Chính vì một vài người đã muốn chiếm hữu cho riêng họ cái gì là của chung mà những cuộc cãi vã và chiến tranh đã nổ bùng, như thể thiên-nhiên phải nổi giận vì thấy con người, bằng một lời nói lạnh lùng : « của anh », « của tôi », đã gây sự chia rẽ nơi nào mà Thiên-Chúa đã đặt sự hiệp nhứt... Những chữ « của anh », « của tôi » không có một ý nghĩa nào mà cũng không biểu-hiện một thực-tại nào... Chế-độ tập-sản là một nếp sống thích nghi hơn chế độ tư sản, và là chế độ duy nhứt phù hợp với thiên nhiên » (1).

« Lúa gạo mà các ông dự trữ thuộc về kẻ đói khát, quần áo mà các ông cất đi thuộc về kẻ trần truồng, vàng bạc mà các ông chôn giấu thuộc về người túng thiếu » (2). Đây không phải là tiếng nói đơn độc, ngoại lệ của vài nhà tu hành có « đầu óc xã-hội » mà là tiếng nói *chơn chánh và nguyên thủy*

(1) Thánh Jean Chrysostome, dẫn trong Gérard walter : Les origines du Communisme — Payot-Paris 1931, tr.150-151.

(2) Thánh Basile-sđd tr. 125-128,

của truyền-thống Thiên-Chúa-giáo. Lẽ dĩ nhiên, các Giáo-phụ không « làm cách mạng » (1), và các nhà cách-mạng sau này không ai sẽ nhớ tới họ. Nhưng không thể nào hiểu được tinh-thần và hướng đi của Cách - mạng Tây - phương nếu không đặt nó vào toàn bộ « hệ-thống vấn đề » (problématique) của văn minh Tây-phương và nếu không đạt tới cái nguồn mạch phong phú nhất của văn minh Tây-phương là Thiên-Chúa-giáo. Ngay cái ý-niệm tiến-bộ — một ý-niệm căn - bản của văn minh Tây - phương, của Cách-mạng và hiện nay, của văn-minh toàn thế-giới — đã thoát thai từ Thiên - Chúa - giáo, như Emmanuel Mounier đã cho thấy trong một bài diễn thuyết tại Genève năm 1947 (2).

Sau cùng, chính các tôn - giáo phổ-biến, vì là phổ-biến, đã dạy cho con người biết vượt khỏi những biên-thùy của quốc gia, chủng tộc, màu da, để nhìn nhận kẻ khác là anh em và, lần đầu tiên, đã gieo vào lòng người cái đòi hỏi chấm dứt sự tranh chấp giữa các dân tộc, kiến tạo một nền hòa-bình trường - cửu trong một nhân-loại đại - đồng. Những tổ-chức quốc-tế đầu tiên của lịch-sử là những tổ-chức tôn-giáo. Chỉ trong những tổ-chức này, tình nhân loại, được một số triết-gia Đông-Tây ý-thức từ thời Thượng-Cồ, mới bắt đầu mặc một nội dung cụ thể. Lẽ dĩ nhiên, ở đây cũng vậy, tôn-giáo đã không giải quyết được vấn đề chiến tranh, nhưng điều cốt yếu vẫn nằm ở chỗ con người từ đây không còn xem chiến tranh như một hiện tượng tự nhiên, tất yếu, vĩnh viễn và bắt đầu cảm thấy cái đòi hỏi xây dựng một nền tảng thanh bình và hợp lý hơn cho sự tương-giao giữa các dân-tộc. Ngày nay,

với những vũ khí nguyên-tử, đòi hỏi ấy đã trở thành một nhu-cầu khẩn-thiết và sự hiện-hữu của bất cứ dân-tộc nào, dầu là giàu mạnh đến đâu, chỉ thật sự được bảo đảm khi nào nhân-loại kiến tạo được một nền hoà-bình phổ-biến và trường-cửu. Đó là con đường sống duy nhất của nhân loại và phải nhận rằng tôn giáo đã có công vạch ra con đường ấy trước tiên.

oOo

Như vậy, mặc dầu hướng về một cứu-cánh siêu-việt, vượt khỏi trần gian — và có lẽ chính vì thế — tôn giáo đã mang lại nhiều điều tốt lành cho trần gian, nghĩa là cho dân-tộc. Lịch sử các dân-tộc hiện-đại dính liền với lịch-sử các tôn-giáo lớn và gương mặt con người của chúng ta ngày nay là một công-trình chung của tôn-giáo và dân-tộc, dầu cho chúng ta có thuộc về một tôn-giáo nào hay không. Ngay khi chúng ta chống đối hoặc phủ-nhận một tôn-giáo hoặc mọi tôn-giáo, chúng ta vẫn thừa-hưởng di-sản tinh-thần của các tôn-giáo đó. Tuy nhiên, chính cái di-sản tinh-thần vô giá ấy đã gây nên một mâu-thuẫn căn-bản khác giữa tôn-giáo và dân-tộc.

Trong quá khứ, chúng ta thấy rằng sau một thời gian xua đuổi, cấm đoán, đàn áp có khi kéo dài nhiều thế-kỷ, dân tộc đã lần hồi chấp nhận những giá-trị tinh thần của tôn giáo khi đã thấy được

(1) Sự mạng của họ không nằm ở đó. Và chẳng, có muốn « làm Cách-mạng » trong thời đó cũng không làm được, vì thiếu những điều-kiện khách quan và chủ-quan.

(2) Le Christianisme et l'idée du progrès trong Progrès technique et progrès morale. Rencontre internationale de Genève 1947, Paris 1948. tr. 181 - 223.

sự tốt lành của chúng. Nhưng chính cái tính cách phổ biến của những giá trị này là điều mà các dân tộc khó chấp nhận hơn hết — và cho đến nay, chưa bao giờ chấp nhận hoàn toàn — ngay tại những nước mà hầu hết các công dân đã theo hẳn một tôn-giáo.

Dân-tộc đã chấp nhận đức Bác-ái, đức Từ-bi vì những giá-trị này chỉ có thể làm cho tình đồng-bào thêm phong phú. Nhưng dân tộc không chấp nhận chiều hướng phổ biến của đức Bác-ái, Từ-bi, vì dân tộc là một toàn thể đóng kín và phải đóng kín để tự vệ.

Trong một thế-giới gian manh, rùng rú, sắt máu, không bao giờ tha thứ cho một lầm lẫn, ngu đại hoặc sơ hở nào, dân tộc luôn luôn phải đứng trên thế sẵn sàng, căng thẳng như sợi giây cung để chiến đấu và không thể cho phép đức Bác-ái, Từ-bi của con dân mình đi lang bang ra ngoài biên giới. Cách đây vài năm, báo chí có thuật lại rằng trong một buổi họp của Hội-đồng Tổng-trưởng Pháp, khi ấy Couve de Murville, lúc ấy còn là Ngoại-trưởng, nói đến «những nước bạn của Pháp quốc» thì Tổng thống De Gaulle đã sửa lại : «Nước Pháp không có bạn mà chỉ có đồng minh». Dầu có thật hay không, câu chuyện nói trên bộc lộ cái thực tại phũ phàng của sự bang-giao quốc-tế : giữa hai dân tộc, chỉ có những liên-kết tạm thời dựa trên một giao-diềm tạm thời của hai quyền lợi cùng được xem là tối-thượng, kẻ đồng-minh hôm nay có thể là kẻ thù ngày mai, do đó không thể có tình bạn, nói chi đến Bác ái, Từ bi !

Trong hoàn cảnh ấy, đức Bác ái, Từ bi chỉ có giá trị trên bình-diện tương

giao cá nhân và ngay trên bình diện này quyền lực của dân tộc đòi hỏi phải giới hạn đức Bác ái, Từ bi vào khuôn khổ biên thùy quốc-gia, vì có như vậy mới gìn giữ được trọn vẹn khả năng chiến đấu của mình : Không ai có thể vừa « đánh giặc » vừa xem những người bên kia chiến tuyến là anh em.

Nhưng đặc tính căn bản, cốt yếu của đức Bác ái, Từ bi lại là tính cách phổ-biến của nó, như Thánh Phao-lô viết : « Không còn ai là Do-thái, ai là Hy-lạp, ai là nô lệ, ai là tự do, cũng không còn ai là đàn ông, ai là đàn bà ; vì tất cả các anh là một trong đức Ki-tô » (1). Kính Chúa yêu người, tự giác giác tha : không thể có một ranh giới nào cho hai quy luật nền tảng của Thiên-Chúa-giáo và Phật giáo. Một đức Bác ái có giới-hạn sẽ không còn là « bác ái ».

Cho nên tôn-giáo không thể chấp nhận những giới hạn của dân tộc nếu không muốn phản bội sứ mạng của mình. Mà dân tộc không thể không đòi hỏi sự giới hạn, vì cái nhu cầu tự vệ.

Một trong những biểu hiện cụ thể của sự mâu thuẫn nói trên là vấn-đề quân-dịch. Từ xưa tới nay, các tôn-giáo đều đòi hỏi cho các tu-sĩ của mình được miễn thi hành nghĩa-vụ quân-dịch hoặc ít nữa là được hưởng một quy chế đặc biệt nào đó trong quân đội. Đòi hỏi này hợp lý vì không có gì mâu thuẫn với sứ mạng tu-sĩ cho bằng việc chém giết, dẫu là để tự-vệ. Nhưng nó gây nhiều vấn đề hết sức khó khăn cho dân - tộc. Trước hết ít nữa là trong thời chiến, sẽ có một số người sợ chết và giả bộ đi tu để trốn lính : làm sao phân biệt ai tu thiệt, ai tu giả ? Thứ đến, sẽ có

1) Epître aux Galates, III, 27-29.

một số người khác, không sợ chết, cũng không đi tu, nhưng lại có một tinh thần tôn giáo chân thành như các tu sĩ và cảm thấy lương tâm họ không cho phép họ chém giết kẻ khác : đó là trường hợp những người « từ chối quân dịch vì lương - tâm » (objecteurs de conscience). Nhưng ở đây cũng vậy : ai là giả, ai là thật ? Và nếu chấp nhận cái nguyên-tắc cho phép « từ chối quân-dịch vì lương tâm », thì bất cứ ai cũng có thể viện cớ lương-tâm để trốn quân-dịch (1)

Trong một nước giàu mạnh và ít cảm thấy bị đe dọa, những vấn đề trên có thể được giải quyết một cách tương đối dễ dàng hơn là tại một nước nhược tiểu luôn luôn phải vận dụng toàn lực để bảo tồn sự hiện hữu của mình. Nhưng dầu có được giải quyết cách nào đi nữa, những đòi hỏi của tôn giáo về một quy-chế quân-dịch đặc-biệt cho các tu-sĩ, trên căn bản, vẫn mâu thuẫn với những đòi hỏi của ý-thức dân-tộc.

oOo

Sự mâu thuẫn nói trên càng trầm trọng hơn khi ý-thức tôn-giáo không phải chỉ hiện diện trong nếp sống riêng tư của một số cá nhân, mà còn nhập-thể vào một *tổ-chức quốc-tế* bao trùm một *cộng-đồng rộng lớn, siêu-dân-tộc*.

Vấn đề này liên hệ tới tất cả các tôn-giáo phổ-biến, vì đã là phổ biến thì phải có tính cách quốc-tế được biểu hiện bằng một *tổ-chức tối thiểu* nào đó. Nhưng nó liên hệ trước hết và cách riêng tới *Giáo-hội Công-giáo La-mã*, vì trên thế-giới ngày nay, chỉ có Giáo-hội này đã bành trướng mạnh mẽ trên khắp năm châu mà vẫn giữ được một

tổ-chức thông-nhút chặt chẽ dựa trên một hệ-thống tín-điều phân-minh, một nền-tảng pháp-lý vững chắc và một guồng máy hành-chánh thật tinh vi, mô phỏng theo guồng máy của Đế-quốc La-mã thời Thượng-cổ. Trong gần hai ngàn năm lịch-sử, *tổ-chức* này đã trải qua nhiều cơn khủng hoảng trầm trọng, nhưng ít nữa là cho đến ngày nay, nó đã tỏ ra có khả năng cải-tiến để thích-ứng với mọi hoàn cảnh mà vẫn bảo tồn những đặc tính căn-bản của nó. Cho nên sự mâu thuẫn giữa Giáo-hội La-mã và các dân-tộc bao giờ cũng gay gắt hơn những tôn-giáo khác và chỉ cần nghiên-cứu sự mâu thuẫn này là có thể thấy được những mâu thuẫn kia, ở một trình độ nhẹ hơn.

Đề mĩa mai các *tổ-chức quốc-tế* của phe xã-hội chủ-nghĩa, Charles Maurras thường nói : « Chỉ có một thứ Quốc-tế đứng vững, đó là Tòa Thánh Vatican. » Đề ra ngoài cái dụng ý mĩa mai đặt không nhằm chỗ, phải nhận rằng nhận xét trên là đúng và Giáo-hội La-mã quả là một hiện-tượng lạ lùng, có một không hai trên thế-giới.

Xét trên bình diện chánh-trị điều nghịch lý là cơ quan đầu não của Giáo-hội lại là *một quốc gia* còn theo chế-độ quân-chủ chuyên chế, một quốc gia tí hon chỉ gồm vài chục mẫu đất và vài trăm dân, nhưng có đầy đủ tư cách của một quốc-gia độc lập và có một thế lực đáng sợ vì vị nguyên-thủ của nó có thể ra lệnh cho bốn trăm triệu người thuộc đủ màu da, chủng tộc, văn-minh, đang sống trên khắp thế-

(1) Cho nên ngay tại những nước tự-do rộng rãi nhất, vấn đề này đến nhưng vẫn chưa có giải đáp.

giới, từ Bắc cực tới Nam cực, Viễn Đông đến Viễn Tây. Bất cứ một bức thông-diệp nào của Đức Giáo-hoàng đều phải được giải thích cho mọi người Công-giáo, từ ông triệu-phủ ở New-York đến chú chăn bò ở Congo, qua nhà trí thức ở Paris. Và mọi người công-giáo, trên nguyên-tắc, đều có *bổn phận tuân lệnh Đức Giáo-hoàng*, không những trong hành động cụ thể bên ngoài, mà cả trong nội tâm. Lẽ dĩ nhiên những chỉ-thị ấy chỉ liên-hệ tới đời sống tôn-giáo và đạo-đức của các tín-đồ (và những vấn-đề trần-gian chỉ được đề-cập đến khi có tương quan với đời sống tôn giáo và đạo đức), nhưng chúng vẫn *ảnh hưởng ít nhiều đến, đời sống chánh-trị xã-hội của các dân-tộc* vì các tín-đồ cũng là phần-tử của dân-tộc.

Xét trên khía cạnh tôn-giáo, Giáo-hội là một *toàn thể* như dân-tộc, nhưng một toàn thể đã đạt tới mức độ hoàn hảo vì nó tự ý-thức như một *cơ-thể duy nhất*: Giáo-hội là « *huyền thể* » (Corps mystique) của Đức Ki-tô, nghĩa là sự hiệp-nhút giữa các tín-đồ, dựa trên niềm tin nơi Đức Ki-tô, có tính cách khắn khít như giữa các tế-bào của một cơ-thể.

Theo đạo Công-giáo không phải chỉ là nhìn nhận Sự Thật của Phúc-Âm, tuân hành lời dạy của Đức Kitô, mà cốt yếu là *gia-nhập* Cộng-đồng đức tin là Giáo-hội, vì Sự Thật của Phúc-Âm chỉ được bộc lộ toàn diện và chín-chắn trong Giáo-hội, đại diện duy nhất của Đức Kitô trong trần-thế, vì sự thể-hiện lời dạy của Đức Kitô đòi hỏi sự hiệp nhút với Ngài, mà sự hiệp nhút này chỉ được thực hiện trong Giáo-hội, qua các phép bí-tích.

Chịu phép rửa tội không phải chỉ là được « tái sinh », trở thành một « con người mới » theo nghĩa đạo đức cá nhân, mà còn là *gia-nhập một dân-tộc, mang một « quốc tịch » mới, trở thành công-dân của « đô-thị Thiên-Chúa »* theo lời thánh Augustin (1). Giống như dân Do-thái xưa kia, Giáo-hội cũng tự xem là dân tộc « được chọn lựa », nhưng một dân tộc « siêu dân-tộc », hành trình trong thời gian đề tiến về vinh-cửu, với cái sứ mạng rao giảng « tin mừng » cho toàn thể nhân loại, giải thoát nhân loại khỏi gông cùm tội lỗi và đưa nhân loại về với Thiên-Chúa. Cho nên Giáo-hội trong trần gian là một Giáo-hội « chiến đấu » (Eglise militante) và chiến đấu không ngừng cho đến ngày tận thế, nghĩa là ngày hoàn tất lịch sử, ngưng chiến đấu với những *võ khí tinh thần*, như Thánh Phao-lô đã mô tả người chiến sĩ của Đức Kitô : « thắt giầy lưng chân lý, mặc áo giáp công bằng,... mang thuẫn đức tin, đội mũ cứu rỗi và cầm gươm Tinh-thần, tức là lời Thiên-Chúa » (2), vì đối tượng duy nhất của cuộc chiến đấu là tội lỗi của trần gian.

Tóm lại, cũng như dân tộc, Giáo-hội là « Mẹ và Thầy » : dân tộc đã sinh ra tôi và cho tôi một chỗ đứng trong « đô-thị trần-gian », Giáo-hội đã sinh ra tôi và cho tôi một chỗ đứng trong « đô-thị Thiên-Chúa » Điều đáng buồn là hai đô-thị này khó có thể hòa hợp với nhau.

1) « Đô thị » (civitas) thời Thượng-cổ, có nghĩa là quốc-gia.

(2) Epître aux Ephésians VI, 14-18. Người chiến sĩ nói trên có hơi khác người chiến-sĩ của cổ đức Hồng-y Spellman, khi ông ta gọi binh lính Hoa-kỳ tại Việt-nam là « chiến-sĩ của đức Ki-tô »

Đối với Giáo-hội, đô thị trần gian, tự nó không phải là xấu : nó là một tổ-chức cần thiết cho sự sinh tồn của con người trên cõi quê hương tạm bợ này. Nó chỉ trở nên xấu khi nó tự xem là một cứu cánh tự tại, khi nó đóng kín trong một ý-thức tự-mãn. Khi đó, nó trở thành « đô thị của Satan » :

« Xã hội loài người, khi nó tự xưng là cái Tuyệt-Đối bằng cách thờ lạy dân tộc, chế-độ dân-chủ, thuyết tiến-bộ, sẽ là đô-thị của Satan đối lập với đô-thị Thiên-Chúa » (1) Như vậy, một xã-hội có thể là rất tốt lành: tiến bộ, dân chủ, công bằng v.v.. nhưng nó vẫn là « đô thị của Sa-tăng » nếu nó tự xem là cái Tuyệt-Đối, nghĩa là nếu nó không hướng về Thiên Chúa.

Mà, như đã thấy trong phần nói về ý-thức dân tộc, đô-thị trần-gian không thể không tự xem là cái Tuyệt-Đối, không thể không đóng kín trong một ý-thức tự-mãn. Cho nên sự mâu-thuẫn giữa hai đô-thị phải nổ bùng thành tranh chấp : dưới mắt Thánh Augustin, lịch-sử chính là cuộc tranh chấp không ngừng giữa hai đô-thị :

« Hai đô thị, đô thị của những kẻ tội lỗi và đô thị của những người thánh thiện, cùng hành trình trong lịch sử, từ ngày sáng thế đến ngày tận thế... Tất cả những người đang vui sướng trong ý chí cường quyền, tinh thần thống trị, trong những ảo tưởng to lớn của danh vọng trần gian, tụ họp trong đô-thị thứ nhứt... Trái lại, những người đang khiêm tốn phục vụ sự vinh quang của Thiên-Chúa, thuộc về đô-thị thứ hai » (2)

Cuộc tranh chấp chỉ chấm dứt vào

ngày tận thế, ngày chiến thắng của đô thị Thiên-Chúa. Trong khi chờ đợi, người Công-giáo sẽ luôn luôn bị xâu xé giữa hai « quốc tịch » của mình, vì mặc dầu thuộc về đô thị Thiên-Chúa, họ vẫn phải sống trong đô thị trần gian.

oOo

Nếu cái « đô-thị Thiên - Chúa » của Thánh Augustin chỉ là một cách nói ẩn dụ để chỉ sự hiệp nhứt của các tín đồ trong niềm tin nơi Thiên Chúa và trong cố gắng thánh-hóa đời sống để xứng đáng vào nước Thiên-Đàng, thì cuộc tranh chấp nói trên chỉ diễn đạt, dưới một hình thức gay gắt hơn, sự xung đột trường cửu giữa ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc mà tôi đã phân tách trong phần trên (3).

Nhưng đô-thị Thiên-Chúa không phải là một hình ảnh tượng trưng : nó là Giáo hội Công giáo La-mã do Tòa Thánh Vatican lãnh đạo (4) Mà tòa Thánh Vatican là một quốc gia. Dầu chỉ là một quốc-gia tí hon, nó vẫn có những quyền lợi riêng tư, và đồng

(1) Jean Daniélou : Essai, sur le mystère de l'histoire. Seuil, Paris 1953, tr. 36.

(2) De Catechisandis rudibus, 31.

(3) Xem Bách-Khoa số 294. (1-4-69)

(4) Thật ra, Thánh Augustin có nhấn mạnh rằng đô thị trần gian và đô thị Thiên-Chúa pha lẫn mật thiết với nhau và, trước ngày tận thế, không thể biết chắc ai thuộc về đô thị nào (chẳng hạn một Đức Hồng-y cò xúy chiến tranh không chắc gì thuộc về đô thị Thiên-Chúa mà có nhiều may mắn là công dân của đô thị Sa-tăng, và một số người hiện nay bị xem là thuộc về đô thị Sa-tăng có thể là công dân của đô thị Thiên-Chúa...). Nhưng trên đại cương, đô-thị Thiên-Chúa vẫn ăn khớp với những tổ chức hiện có của Giáo-hội hữu hình (Eglise visible), vì nếu không thì còn ai vào Giáo-hội làm gì !

nhất thiết dính liền với quyền lợi của đạo Công-giáo và có thể mâu thuẫn với quyền lợi của một quốc-gia khác.

Nó cũng có một *đường lối chánh trị*. Lẽ dĩ nhiên, cứu cánh tối hậu của đường lối này là « mở mang nước Chúa », nhưng sự mở mang nước Chúa đôi khi đi ngược lại quyền lợi của một số dân-tộc. Chẳng hạn từ thời Phục Hưng cho tới những năm gần đây, chánh sách của Vatican, trên căn bản, vẫn là cầu kết với các cường quốc Tây-Phương, theo gót những đoàn quân viễn chinh để giảng đạo và trong các nước thuộc-địa, biến các Giáo-hội bản xứ thành những rường cột của chế-độ thực-dân (1)

Mặt khác, Giáo hội La-mã là tôn giáo đầu tiên đã phân biệt rõ rệt *thần quyền* (*pouvoir spirituel*) với *thế quyền* (*pouvoir temporel*) và luôn luôn đòi hỏi sự *độc lập của thần quyền*. Sự phân biệt nói trên rất hợp lý và là một tiến bộ lớn so với sự lẫn lộn đạo với đời trong những tôn giáo cổ sơ. Sự căng thẳng giữa hai quyền bính có thể là điều kiện tốt để cả hai bên tự cải thiện, đồng thời tránh được sự lợi dụng lẫn nhau, ít nữa là trên nguyên-tắc.

Nhưng sự phân biệt thần quyền - thế quyền đã gây nhiều mâu thuẫn nhứt giữa Giáo-hội và các quốc gia, và như linh mục Jacques Leclercq viết, « những khó khăn này sẽ không bao giờ được san bằng hoàn toàn ». (1)

Trước hết, hai lãnh vực đạo và đời, trong thực tế, chồng chéo lên nhau, ảnh hưởng lẫn nhau và không thể phân biệt rõ rệt như trong lý-thuyết. Cho nên, dầu chánh quyền có chấp nhận sự phân biệt, thì vẫn còn nhiều cơ hội để xung đột với giáo quyền trong

những phạm vi gọi là « *pha chè* » (*domaine mixte*), nghĩa là những phạm vi mà cả hai bên đều có những quyền lợi phải bảo vệ, chẳng hạn phạm vi *giáo dục*. Giáo-hội cần có một nền giáo dục công-giáo độc-lập như một môi-trường thiết-yếu, không những để truyền bá giáo-lý mà còn để đào tạo thanh thiếu niên theo tinh-thần công-giáo.

Nhưng quốc gia cũng cần nắm giữ tất cả thanh thiếu niên của mình để đào tạo chúng theo tinh thần quốc gia. Nếu quan niệm về « tinh thần quốc gia » mâu thuẫn với tinh thần công giáo (chẳng hạn trong một quốc gia theo xã-hội chủ-nghĩa) thì sự xung đột sẽ nổi lên và hầu như không thể giải quyết êm thấm được. Nhưng ngay trong những quốc gia không có một ý-thức-hệ mâu thuẫn với đạo Công giáo hoặc do chính người công giáo lãnh đạo, sự xung đột vẫn ngấm ngấm.

Thứ đến, quaa niệm của Tòa Thánh Vatican về sự độc lập của thần quyền rất là đặc biệt: Tòa Thánh không phải chỉ đòi độc lập đối với Quốc-gia, mà còn đòi hỏi *đứng trên và chế ngự Quốc-gia*, như Linh mục Leclercq viết:

« Cứu cánh tinh thần là cứu cánh tối hậu, cao quý nhứt, là điều duy nhứt đáng được gọi là cứu cánh, còn những cứu cánh trần gian chỉ là những *phương tiện*..., cho nên cái xã hội có sứ mạng dìu dắt con người đạt tới cứu cánh tinh thần (tức Giáo-hội) phải ở trên cái xã-hội chỉ có nhiệm vụ lo cho những

(1) Xem Nguyễn-văn-Trung: « và Cộng sản »; Đất-Nước số 8.

(2) « Jacques Leclercq: « Leçons de Droit naturel » Tome II (L'Etat et la Politique) — Louvain 1948, tr. 120.

cứu cánh trần gian,, Cứu-cánh tinh thần phải đứng đầu, nếu không thì sẽ không còn cứu cánh tinh thần ; Giáo-hội phải đứng-trên Quốc-gia, nếu không thì sẽ không còn Giáo hội » (1)

Lập luận nói trên thật là lô-gích, nhưng các nhà lãnh-đạo quốc-gia khó lòng mà nuốt cho trôi cái lô-gích siêu việt đó, dầu họ là người Công giáo. Nói cho đúng, Tòa Thánh chỉ đòi hỏi cái địa vị « ăn trên ngồi trốc » với các Quốc gia công-giáo, nghĩa là những quốc-gia mà toàn thể hoặc đại đa số dân chúng là người công giáo và được cai trị bởi một chánh quyền công giáo. Còn đối với các quốc gia không công giáo. Tòa Thánh chỉ yêu cầu được xem như một tổ chức độc lập có nhiệm-vụ chăm sóc « phần đạo » của các tín đồ. Nhưng đây chỉ là một thực-trạng (état de fait) mà Tòa Thánh phải chấp nhận như một điều bất như ý : Cái lý tưởng vẫn là một thể-quyền công-giáo từng phục thần-quyền của Tòa Thánh.

Mà ngay sự độc lập mà Tòa Thánh xem như « bất như ý » đó, đã là một vấn-đề lớn cho quốc gia, vì trước hết nó có nghĩa là chánh quyền không được can thiệp vào sự bổ nhiệm hàng Giáo phẩm bản xứ (nghĩa là các Đức Giám-mục). Hàng Giáo phẩm hoàn toàn độc lập đối với Chánh quyền, và chỉ tuân phục Đức Giáo-hoàng. Nếu Đức Giáo-hoàng là một Giáo-chủ thuần túy thì không có gì đáng ngại. Nhưng Ngài cũng là Nguyên-thủ của một quốc gia mà những quyền lợi có thể mâu thuẫn với những quốc-gia khác. Và khi có mâu thuẫn, thái độ của hàng giáo-phẩm bản-xứ sẽ là một mối lo ngại lớn cho quốc gia. Vì lẽ đó, các chánh quyền ôn hòa đều tìm cách thỏa hiệp với Tòa Thánh La-mã để có thể tham dự

phần nào vào sự bổ nhiệm hàng giáo phẩm và các chánh quyền cực đoan sẽ tìm cách tách rời hàng giáo phẩm ra khỏi Tòa Thánh, chẳng hạn tạo ra những phong trào « Giáo-hội tự trị » như tại Trung-quốc vào những năm 1951, 1952. Những phong-trào này không phải là sáng kiến độc đáo của những chánh quyền « vô thần » vì ngay từ thế kỷ 17, dưới triều nhà vua công giáo Louis 14, cũng nảy sinh một phong trào tự trị trong Giáo-hội Pháp do Giám-mục Bossuet khởi xướng (2). Thật ra, những phong trào nói trên chỉ biểu hiện một cách cực đoan sự mâu thuẫn giữa chủ quyền của quốc gia và sự độc lập của Giáo-hội, một Giáo-hội mà cơ quan đầu não lại là một quốc-gia.

Cho nên cuối cùng, vấn đề nằm ở đây : sự phân biệt thần-quyền với thế-quyền mà chính Giáo-hội đòi hỏi với các quốc-gia, Giáo-hội lại không tôn trọng trong quốc-gia Vatican : nơi đây, giáo quyền với chánh quyền là một, Đức Giáo hoàng vừa là Hoàng đế vừa là Giáo-chủ và không có một sự phân biệt nào giữa quốc gia Vatican và những cơ quan trung ương điều khiển Giáo hội phổ biến. Sự hàm hồ đó là nguyên nhân căn bản của sự nghi kỵ sâu xa của những người không công giáo đối với Giáo hội và là nguồn gốc của hầu hết những sự xung đột giữa Tòa Thánh và các chánh quyền, công giáo cũng như không công giáo.

(1)sdd. tr 122 Linh mục Leclercq, giáo sư tại Viện Đại-học Louvain, là một nhà tư-tưởng rất ôn hòa, cởi mở. Ở đây, ông chỉ trình bày lập trường cổ-diễn và chính-thống của Tòa-Thánh Vatican.

(2) Phong trào « Gallicanisme »

(Còn tiếp)

LÝ CHÁNH TRUNG



NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC



D. Eisenhower, thời kỳ vinh quang
(1956)

Dwight D. Eisenhower

*người chiến-sĩ của
Hòa - bình và của
Tình thương.*

Cựu Tổng Thống Dwight Eisenhower đã từ trần ngày 28-3-1969. Tin này được loan đi. Thế-giới không bàng hoàng như cái chết của Kennedy, vì ông năm nay đã 79 tuổi và đã chống chọi với tử thần từ mấy năm nay, chịu mấy cuộc giải phẫu về mật về tim rồi lại về ruột. Giữ vững được đến ngày nay kể cũng là một kỳ công của y-học.

Thế là thêm một người của thế-hệ vi-nhân đã nằm xuống. Hiện nay còn sót lại mấy người? Vị Tổng-Thống thứ 34 của Hoa-kỳ, một trong hai vị tướng năm sao của Mỹ-Quốc còn sót lại! Dwight Eisenhower đã đi vào lịch-sử Hoa-kỳ và lịch-sử thế-giới như là một vi-nhân! Thời-đại của ông là thời-đại chiến thắng vẻ vang của Hoa-kỳ, thời-đại mà Hiệp-chủng-quốc được biết những ngày thịnh-vượng và an-lạc nhất. Lúc chết, những lời cuối cùng của ông lại là những lời ưu ái nhất, đầy tình thương với gia đình và đất nước. Câu nói chót đó là : « Bao

giờ tôi cũng yêu vợ tôi, yêu con tôi, cháu tôi và bao giờ tôi cũng yêu nước tôi. »

Vì thế mà nhân-dân Hoa-kỳ đã vô cùng tiếc thương ông. Tổng-thống Nixon đã ra lệnh đề tang 30 ngày và lễ quốc-táng đã được cử hành trọng-thể ở thủ-đô Hoa-thịnh-đốn ngày 31-3-1969. Linh-cữu của cố Tổng thống. Eisenhower đã được đưa từ điện Capitol (Quốc-hội Mỹ) đến nhà thờ tin-lành ở Hoa-thịnh-đốn. Tổng-thống Nixon và phu-nhân đã dẫn đầu đoàn người 2000 chính-khách quốc-tế trong số đó có nhiều vị Quốc-trưởng và Thủ-tướng. Đặc biệt nhất có Tổng-thống De gaulle người chiến-hữu đồng tuổi của cố Tổng-thống đã đến nghiêng mình trong giây lát trước linh cữu người quá cố.

Quan tài có phủ quốc-kỳ Mỹ được đặt trên một cỗ xe tám ngựa từ từ tiến giữa hai hàng rào có tới hàng triệu con người đứng suốt dọc đường

đề chiêm ngưỡng. Có tới 25.000 cảnh-sát-viên được huy động bố trí suốt dọc đường, cả trên các nóc nhà và cửa sổ để đề phòng mưu sát các chính-khách quốc-tế. Đi hai bên và đằng sau linh cữu còn có các đơn-vị quân-đội đại-diện cho các binh chủng và lòng lấy hơn cả là đoàn sinh viên sĩ-quan đại-diện cho các trường Đại-học quân-sự Hoa-kỳ.

Sau lễ phép xác ở nhà thờ Tin lành linh cữu được chuyển lên xe lửa đi Abilene thuộc tiểu-bang Arkansas là nơi chôn cất các vị anh hùng Mỹ quốc và cũng là quê hương của Eisenhower. Chiếc xe lửa đặc biệt chở linh cữu gồm 14 toa, trang hoàng long lẫy phải đi mất 2 ngày mới tới Abilene và lễ mai táng sẽ cử hành vào ngày 2-4-1969 trước sự hiện diện của Tổng-thống Nixon, người kế nghiệp và người con tinh-thần của cố Tổng-thống. Mọi người đều biết hiện nay cháu trai cố Tổng-thống Eisenhower đã lấy con gái Tổng thống Nixon.

Dwight D.Eisenhower sinh ngày 14-10-1890 ở Texas, người mà dân Hoa-kỳ vẫn thân mật gọi là Ike, là một người có một thành công hiếm có ở đời. Ông có một binh-nghiệp lấy lừng đến tột đỉnh của danh vọng, rồi lại giữ một chức-vị cao trọng nhất của Hoa-kỳ trong vòng 8 năm liền. Những năm còn lại của cuộc đời ông chỉ dành để viết hồi-ký. Hồi-ký đó là lịch-sử của Hoa-kỳ trong vòng 20 năm ông nắm trong tay vận mệnh của toàn thế-giới.

Ông là con trai thứ ba của ông bà David Eisenhower. Thuở thiếu thời ông theo gia-đình ở tỉnh Abilene (tiểu bang Arkansas). Sau khi tốt-nghiệp trung-học, ông thi vào trường Hải-quân,

sau lại đổi sang trường võ-bị West-Point vào năm 1911, và ông tốt nghiệp xuất sắc vào năm 1915 được bổ nhiệm làm Trung-úy Trung Đoàn 79 Bộ-binh tại San Antonio (Texas). Ở đây ông gặp gỡ Mamie (18 tuổi) và làm lễ thành hôn ngày 1-7-1916. Ông hiện nay chỉ còn một người con trai sinh năm 1922 tên là John S.D.Eisenhower.

Trong hồi thế-chiến I, ông phục vụ khu kinh-đào Panama. Sau tốt nghiệp thủ khoa trường chỉ-huy và tham-mưu lục-quân ở Fort Leavenworth (1926). Từ đó ông lên rất nhanh: năm 1935 ông là phụ tá cho Tướng Mac Arthur ở Phi-luật-tân. Khi thế chiến II bùng nổ, ông làm Tham-mưu-trưởng Đệ-tam quân đoàn lúc Hoa-kỳ tham chiến. Đầu năm 1942, phục vụ dưới quyền tướng Marshall. Lúc quân-lực Đồng-minh sửa soạn đổ bộ lên nước Ý, ông được cử làm Tổng tư-lệnh lực lượng đồng-minh ở Âu-Châu. Chính ông đã chỉ-huy cuộc đổ bộ lên Bắc Phi, rồi cuộc đổ bộ thành công lên đảo Sicile và chiếm toàn bộ nước Ý khiến bọn phát-xít Mussolini phải hạ súng quy hàng, sườn phía Nam của Hitler bị hở một lỗ hổng lớn. Rồi đến năm 1944 ông lại được cử làm tư-lệnh tối-cao lực-lượng Đồng-minh, chỉ huy hơn 2 triệu quân, 11 ngàn phi-cơ và 4000 tàu chiến làm một cuộc đổ bộ vĩ đại không tiền khoáng hậu lên bờ biển Normandie (Bắc Pháp). Cuộc đổ bộ thành công đưa đến việc đánh lại nước Pháp, giải-phóng Paris và dồn bại quân của Hitler đến hang ổ cuối cùng của chúng, bắt tay với Hồng-quân Liên-xô ở cửa ngõ của Bá-Linh.

Chiến thắng của Đồng-minh đem lại hòa-bình cho nhân loại đã làm cho danh tiếng của ông nổi lên như cồn,

khắp bốn biển năm châu. Mấy năm sau thế-chiến, không ai là người có thể thay thế ông trong chức vụ Tổng-tư-lệnh lực lượng Đồng-minh ở Âu-Châu. Ở chức vụ này, ông đã nhận ngôi sao thứ năm, tột đỉnh danh vọng của nền binh nghiệp Hoa-kỳ và thay thế tướng Marshall ở chức vụ Tham-mưu-trưởng. Lúc đó ông đã 61 tuổi. Để kết thúc 37 năm binh nghiệp vẻ vang, vị đệ nhất anh hùng của lực lượng Đồng-minh trong cuộc Thế chiến II đã không màng danh vọng, từ giã quân đội, trở lại đời sống dân sự với chức vụ Chủ-tịch Viện Đại-học Columbia ở New York. Nhưng danh vọng vẫn không buông tha ông...

Lúc đó Hoa-kỳ đang lâm vào cuộc chiến tranh Triều-Tiên hao người tổn của. Nhân dân Hoa-kỳ vừa thoát ra khỏi một cuộc đại chiến kéo dài tới 4 năm cả ở Âu lẫn Á, tuy thắng trận mà vẫn còn choáng váng vì những đòn ác liệt của quân thù, nay không muốn tiếp tục mãi một cuộc chiến tranh tốn kém. Eisenhower là một vị tướng tài của Hoa-kỳ mà lại là một người có lòng nhân ái, yêu chuộng hòa bình. Bỗng nhiên ông trở nên con người của thời cuộc. Đảng Cộng-hòa liền chớp ngay lấy cơ hội, tiếp-xúc với ông và đề nghị ông ra tranh cử Tổng Thống Hoa-kỳ với danh nghĩa ứng-cử-viên của đảng Cộng-hòa. Tuy có cảm tình với đảng Cộng-hòa nhưng tướng Eisenhower chưa bao giờ là một chính-khách. Ông chỉ biết phụng sự đất nước ông như là một quân nhân có kỷ luật. Việc chính trị ông không nghĩ tới. Lời đề nghị của đảng Cộng-hòa mời ông làm lãnh-tự đề ra tranh cử Tổng-thống làm ông lưỡng lự đôi chút nhưng rồi sau ông cũng nhận lời. Lẽ đương nhiên là ông đặc cử, bỏ xa đảng sau ứng-cử-viên

của đảng Dân-chủ là cựu Tổng-thống Truman. Vị Phó Tổng-thống cùng danh-sách với ông là đương kim Tổng-thống Nixon, lúc đó mới có 40 tuổi. Lúc giới thiệu ông Nixon với cử-tri-đoàn, tướng Eisenhower đã dùng câu « Here is my boy ! » Sự thân mật giữa hai ông đã bộc lộ ngay từ ngày đó.

Tướng ông là một quân nhân chuyên nghiệp có tài thì khó có thể là một chính-trị-gia lỗi lạc. Dân chúng Hoa-kỳ bầu ông là vì danh vọng của ông chứ không phải vì ông là một nhà chính-trị có tài.

Thế mà khi cờ đến tay, ông cũng tỏ ra là một chính-trị-gia ưu hạng. Chẳng thế mà ông lại ở ngôi Tổng-thống Hoa-kỳ được 8 năm liền nghĩa là hai nhiệm kỳ liên tiếp với ông Nixon làm Phó Tổng-thống.

Ông đã làm được những gì trong hai nhiệm kỳ Tổng thống ? Trước hết là ông đã chấm dứt được cuộc chiến tranh Triều-tiên, điều mà dân chúng Hoa-kỳ hằng mong ước và đem nửa triệu thanh niên Mỹ về nước phục vụ cho hòa-bình. Ông là một vị tướng lãnh mà lại tỏ ra không ham chém giết. Hồi còn là Tổng-tư-lệnh quân đội Đồng Minh ở Âu Châu, khi đổ bộ lên Bắc Pháp mới lo ngại chính của ông là sự thương vong quá lớn, nên kế hoạch phải hết sức tỉ mỉ, yểm trợ phải hết sức chu đáo. Ông đã đề cho các tướng lãnh Pháp có dịp lập công chứ không giành tất cả mọi chiến thắng. Ông là một vị tướng hiếu hòa thì nay ông cũng là một vị Tổng-thống hiếu hòa. Chính vì tính hiếu hòa đó mà ông đã không chấp thuận đề cho Hoa-kỳ trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương giúp cho Pháp gỡ rối trận Điện-Biên-Phủ. Vừa rút chân ra khỏi cuộc chiến tranh Triều-Tiên ông

không muốn cho thanh niên Mỹ lại sang đánh mướn ở trên chiến trường Đông Dương. Tuy trên chiến lược chống Cộng có thể là ông sai lầm vì đánh Cộng-sản 10 năm về trước dễ hơn là đánh Cộng-sản ngày nay. Nhưng đứng trên phương diện nhân đạo và phục vụ hòa bình thế giới, ông đã ghi được một điểm son. Nhờ có ông mà đảng Cộng-hòa không lãnh trách-nhiệm một cuộc chiến tranh Đông-Dương thứ II. «Vinh dự» đó lại trở về đảng Dân Chủ. Chính sách chống Cộng cứng rắn của đảng Cộng-hòa không phải là do nơi ông mà là do các cộng sự viên đặc lực của ông, thứ nhất là ông John Foster Dulles một lãnh-tụ chính trị của đảng Cộng-hòa, một vị Bộ-trưởng Ngoại giao có nhiều uy tín và ảnh hưởng sâu xa đến tư-tưởng và hành động của Tổng thống, cha đẻ của các Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương (NATO) Minh ước phòng thủ Trung-Đông (CENTO) và Minh ước phòng thủ Đông-Nam-Á (SEATO), người đã đề ra thuyết « domino » biện minh cho sự có mặt của Hoa-kỳ ở khắp nơi trên thế-giới, nhất là ở Đông-Nam-Á và ở Việt-Nam.

Đối với vấn đề chia cắt Việt-Nam, mối quan ngại đầu tiên của ông là làm sao cho tất cả những người Việt-Nam không muốn sống dưới chế độ cộng sản có thể tự-do di cư vào Nam lập nghiệp.

Ông đã ra lệnh cho hải quân Hoa-kỳ phải giúp đỡ họ làm kỳ được việc đó và xuất tiền viện trợ giúp cho họ xây dựng lại sự nghiệp ở miền Nam. Tập san *Sélection du Readers Digest* số tháng 11-1956, có đăng lại một bức thư của Ike viết cho một nông dân Việt Nam tên là Phan Tất Thành đề cảm ơn ông này đã tặng cho ông một pho tượng nhỏ là thần hộ-mệnh của gia-đình ông Thành từ mấy đời nay. Ông Thành đem theo pho tượng trong cuộc di cư vào Nam

và ông tin là pho tượng đã phù hộ cho ông gây dựng lại được cơ nghiệp ở miền Nam. Bởi vậy đề tỏ lòng biết ơn người đã giúp ông, gia đình và đồng bào ông thoát ách cộng sản và tạo dựng được cuộc sống mới, ông Thành đã gửi tặng vị Tổng thống Hoa-kỳ pho tượng quý giá của ông và nhận được lá thư như sau :

« Ông Thành thân mến,

Người ta vừa trao cho tôi pho tượng La Đông Tân mà ông đã có lòng ưu ái tặng tôi. Tôi biết rằng khi người ta đã phải bỏ quê hương xứ sở để tìm tự do, những của cải mà người ta có thể đem theo đều quý hiếm vô ngần. Việc ông, vì tỏ lòng biết ơn mà gửi tặng tôi một trong những kho tàng quý giá nhất của ông, đã làm cho tôi xúc động vô cùng. Tặng vật này, đối với tôi, sẽ tượng trưng cho ý chí chân thành của dân tộc ông quyết tâm chiến đấu để bảo vệ tự do.

Thân ái chào ông.

Dwight Eisenhower.

Vì lòng thương người vô hạn đó mà Ike đã tỏ ra hết sức bất bình trước nạn kỳ-thị chủng tộc, đàn áp người da đen ở Hoa kỳ.

Khi Tối-cao Pháp-viện, theo quyết định lịch sử của ông, yêu cầu tất cả các tiểu-bang không được phân biệt chủng tộc tại các trường học nữa, Thống-đốc Arkansas bất tuân thượng lệnh đã dùng vệ-binh quốc-gia của tiểu bang ông để ngăn cản không cho 9 sinh viên da đen nhập học tại trường Trung-học Little Rock. Việc này đã có tiếng vang khắp thế giới. Sau khi thuyết-phục vô hiệu quả, Ike đã thẳng tay ra lệnh liên-bang-hoá vệ-binh quốc-gia Arkansas và dùng quân-đội để bảo vệ cho các học sinh da đen nhập học

trước mũi bọn da trắng kỳ-thị chủng tộc. Cũng vì lòng nhân đạo đó mà Ike đã cho phép hàng ngàn người Hung-gia-lợi sang tỵ nạn định cư ở Hoa-kỳ sau khi cuộc khởi-nghĩa của họ bị thất bại và họ phải trốn tránh ra khỏi nước để tránh sự khủng bố trả thù của Cộng-sản Hung.

Khi đang làm Tổng-thống, ông đã từng nói : « Tìm kiếm hoà bình là một nhiệm vụ thiết yếu của một chính-khách ». Ông quyết tâm phục vụ hoà bình vì ông biết rõ hơn ai hết những khủng khiếp, bi thảm và phí phạm của chiến tranh. Ông tự thấy có bổn phận làm cho chiến tranh không thể tái diễn.

Vì thiết tha với hoà bình nên ngay trong nhiệm-kỳ thứ nhất của ông, ông đã đưa ra đề nghị nổi danh « nguyên-tử phụng-sự Hoà-bình » và đề ra kế-hoạch « Những chân trời rộng mở » (Open Skies) dùng làm bước đầu để tiến tới tài-bình. Các đại biểu Nga Mỹ đã nhiều lần gặp nhau ở Genève để thực hiện mục đích tài bình đó.

Trong cuộc đời làm Tổng thống, ông đã vượt Đại-tây-dương 2 lần để sang viếng Âu-Châu vì mục đích hoà-bình.

Lần thứ nhất vào tháng 7-1955, ông vượt đại-dương để sang họp hội nghị Thượng-đỉnh Tứ-Cường (Anh-Pháp-Mỹ-Liên-xô) ở Genève. Tại hội nghị này, ông đã biện minh cho thuyết dùng không-ảnh để kiểm soát việc tài giảm binh bị. Các bên đương sự sẽ trao đổi với nhau một bản địa-đồ bằng không ảnh của toàn thềm lãnh thổ để dễ bề kiểm soát việc tài giảm binh bị. Tuy nhiên kế-hoạch « Những chân trời rộng mở » của ông không được Liên-Xô chấp thuận.

Một tháng sau, nghĩa là tháng 8-1955,

một hội nghị Nguyên-tử phụng-sự hoà bình do Liên-Hiệp-Quốc triệu tập đã nhóm họp tại Genève để thảo luận về đề mục mà chính Tổng-thống Eisenhower đã nêu ra trong bài diễn-văn đọc trước Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc nhóm họp ngày 8-12-1953. Trong bài diễn văn đó ông đã nhấn mạnh : « Những phát minh phi thường của khoa học không phải để hiến dâng cho Tử thần mà để xử dụng cho đời sống của nhân loại ».

Lần thứ hai, ông sang dự hội-nghị của Tổ-chức Minh-ước Bắc-Đại-Tây Dương họp tại Paris vào tháng 7-1957. Trong dịp này ông có gặp tướng De Gaulle — hồi đó còn chưa làm Tổng-thống — là chiến-hữu của ông.

Năm 1959, Nikita Khrouchtchev đã sang công du Hoa-kỳ và thân hành đến thăm viếng Ike tại Camp David. Hai nhà lãnh đạo thế-giới đã đàm đạo thân mật với nhau trong không khí gia đình và chụp hình chung với nhau. Chính sự thân thiết nhau này đã làm cho Mao-Trạch-Đông nổi sùng. Cuộc tiếp đón Khrouchtchev ở Bắc-kinh có phần lạnh nhạt và hố chia rẽ giữa Nga-sô và Trung-Cộng bắt đầu đào sâu từ ngày đó.

Sau hai nhiệm kỳ Tổng-thống, Ike đã 70 tuổi, ông quyết đưa con gà nòi của ông là Nixon ra tranh cử, nhưng chẳng may thất bại trước cao thủ Kennedy.

Trong những năm về nghỉ của ông, Ike vẫn tỏ ra rất hoạt động. Ông về hưu trí nơi nông trại của ông tại Gettsburg (tiểu-bang Pennsylvania). Ông luôn luôn hoạt động : chơi gôn, vẽ tranh tiếp các nhân vật, thỉnh thoảng gặp các nhà báo, khánh thành một vài trường học, một vài Trung-tâm y-khoa,

Ông lại còn dành thì giờ rảnh để đùa dỡn với cháu nội của ông.

Trong những năm từ 1961 đến 1965, ông đã đề thì giờ viết 2 cuốn hồi-ký.

Cuốn thứ nhất lấy tên là « Ủy-nhiệm cho đổi-thay » viết về những ký-ức của ông khi ở tòa Bạch-Cung trong nhiệm-kỳ đầu. Cuốn này xuất bản vào đầu năm 1963.

Cuốn thứ hai nhan-đề là « Tranh đấu cho hoà bình » nói về nhiệm kỳ thứ 2 của ông, xuất bản năm 1965. Cả 2 cuốn gộp thành cuốn : « Những năm tại Tòa Bạch Cung ». Cộng với cuốn « Cuộc viễn chinh tại Âu Châu » mà ông đã viết sau hồi đại chiến II và bán tới mức hơn một triệu cuốn, đó là tất cả những nét đo chính ông ghi lại của cuộc đời binh nghiệp và trị nước lừng lẫy của mình.

Ông bắt đầu thọ bệnh từ năm 1965, giải phẫu về mật rồi lại giải phẫu về tim, sau cùng giải phẫu về ruột.

Trước khi nhắm mắt, ông đã hài lòng vì thấy người ông coi như con nay đã đắc cử Tổng-thống Hoa-kỳ và trước mắt ông, hai họ đã được nối lại với nhau thân mật hơn bằng mối giây hôn phối.

Cuộc đời của cố Tổng-thống Eisenhower là một chuỗi dài những thành công hiếm có. Nhưng nếu ông đi vào lịch sử Hoa-kỳ như một vĩ-nhân chính là nhờ ở đức độ và tình thương nhân loại thiết tha của ông. Được như vậy là nhờ ở đức độ và tình thương của ông khiến ông đi vào lịch sử Hoa kỳ như một vị Tổng thống vĩ đại.

V.P.

Đã phát hành khắp nơi

NĂM VẠ

tập truyện ngắn đặc sắc của Bùi
Hiền thời tiền chiến do

Trường Sơn xuất bản

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

CONAN

CHUYÊN TRỊ CẢM CÚM,
NHỨC RĂNG, NHỨC
ĐẦU, NHỨC BẮP THỊT,
NHỨC KHỚP XƯƠNG, PHONG THẤP.

Đường lên cung quảng

● TRẦN-LƯƠNG-NGỌC

Trong vòng sáu tháng gần đây cuộc leo thang lên cung trăng đã tiến dồn dập đến nỗi Đường-Minh-Hoàng có còn sống cũng phải lắc đầu mà than : « Hậu sinh « khả úy ». Các phi-thuyền Apollo 7, rồi 8, rồi gục theo nhau bay đi rồi lại trở về như đi chợ. Các hành khách cũng thế : ra đi mày râu nhẵn nhụi, béo tốt phương phi, trở về râu ria lồm chồm có người sút hẳn 5 kí, nhưng vẫn ăn ngủ, đùa, rờn, có khi lại cảm cúm, ói mửa, gắt gỏng như một bà già khó tính mới đi máy bay lần đầu. Những chuyến bay bình thản và tuyệt-hảo đến nỗi người ta coi đó là sự thường. Các báo hàng ngày ở Saigon chỉ loan tin với những hàng « tí » không lớn lắm. Còn thiên-hạ bên trời Âu-Mỹ thì theo dõi các chuyến bay qua vô-tuyến truyền-bình, thản nhiên như là xem một chương trình khoa- học giả-tưởng hàng tuần. Ít ai nghĩ rằng chỉ đầu thế-kỷ này anh em ông Wright mới chế ra được cái máy bay, bay khỏi mặt đất được oom trong đúng 59 giây.

Lúc đó, giá có người tiên đoán năm 1969 loài người sẽ lên thám hiểm mặt trăng chắc thiên hạ phải cho là quá giàu tưởng tượng nếu không hẳn là loạn trí.

Vậy mà ngày đó sắp tới. Vào trung tuần tháng sáu năm nay, nếu không có gì trở ngại, hai phi-hành-gia Mỹ

sẽ bước xuống mặt trăng, chụp mấy bức hình kỷ niệm, lẽ dĩ nhiên là cầm một cái cờ, rồi lấy mấy cục đá trèo lên phi thuyền trở về trái đất.

Cuộc hành-trình

Cũng như các chuyến đi trước, họ sẽ khởi hành từ mũi Kennedy. Họ sẽ chui vào phi thuyền Apollo 11 trên đỉnh hỏa-tiến Saturn 5 cao 110m, (gần bằng tháp vi-ba đặt tại Bru-điện Trung-ương Saigon) nặng 2. 813 tấn và có sức đẩy mạnh 3400 tấn.

Tới giờ khởi-hành cả cái khối đồ sộ nặng gần 3000 tấn đó sẽ gầm thét chuyển mình, tuôn ra những giòng sông lửa khiến cho lớp bê-tông cốt sắt ở dàn phóng chảy ra như nước và mặt đất trong khoảng 5 cây số rung lên bần bật như mặt trống. Chỉ hai phút sau, tòa nhà đồ sộ đó đã lên khỏi mặt đất 90 cây số. Ném lại cái vỏ đã hết nhiên-liệu, tầng thứ hai của hỏa tiến khai-hỏa, gia-tăng tốc-độ của hỏa-tiến và đưa hỏa-tiến lên cao tới 190 cây số. Rồi tầng thứ ba S.4B sẽ khai-hỏa đặt hỏa-tiến và phi-thuyền vào quỹ-đạo vòng quanh trái-đất, với tốc độ 128.000. km/giờ. Sau khi đã bay quanh trái đất một vòng để phi-hành-đoàn và căn-cứ phối-kiểm các dữ-kiện và kiểm soát lại các bộ phận quan trọng, hỏa-tiến S.4B

sẽ lại khai hỏa một lần nữa, gia-tăng tốc-độ phi-thuyền lên khoảng 40.000km một giờ, tức là « tốc độ thoát ly » đủ để đưa phi-thuyền ra khỏi vùng trọng-lực của trái đất. Lúc đó, phi-hành-đoàn sẽ lộn ngược đầu phi-thuyền lại để móc phần đồ bộ xuống mặt trăng, gần ở mũi hoả-tiến S.4B. Rồi bỏ vỏ hoả-tiến lại phía sau, cả phi-thuyền gồm phần đồ bộ (hình con nhện bốn chân), phần chỉ huy (hình nón) và phần điều hành (hình ống, chứa 18 tấn nhiên liệu), nhắm mặt trăng tiến tới.

Vì ảnh-hưởng của trọng-lực trái đất, tốc độ phi-thuyền càng giảm dần như một cái xe hết trớn khi leo lên dốc. Tới đỉnh « dốc » trọng-lực, cách xa trái đất 317.318 km thì tốc độ của phi-thuyền chỉ còn có 3573km/giờ. Từ điểm này, chịu ảnh-hưởng của trọng-lực mặt trăng, phi-thuyền lại bắt đầu càng ngày càng đi nhanh. Cứ cái đà như vậy, khi tới mặt trăng tốc độ phi-thuyền sẽ lên tới 9152 km/giờ. Trọng lực của mặt trăng yếu quá, không hút được một vật đi nhanh như vậy. Và phi thuyền sẽ chỉ vòng qua phía sau mặt trăng rồi lại trở về trái đất. Vì vậy, khi gần tới mặt trăng, phải khai-hoả hoả-tiến phản-chiều, giảm tốc độ của phi-thuyền xuống còn 5.800km/giờ. Ở tốc độ tương-đối thấp này, phi-thuyền sẽ được trọng-lực của mặt trăng hút và đặt vào quỹ-đạo vòng quanh mặt trăng cao 110km.

Cung Quảng.

Trong khi phi-thuyền bay trên quỹ-đạo, hai phi-hành-gia sẽ theo một cái ống nối chui từ phần chỉ-huy sang phần đồ-bộ, chuẩn-bị đáp xuống. Sau khi đã kiểm điểm lại một lần cuối, phần đồ bộ sẽ tách rời khỏi phi-thuyền chính, giảm bớt tốc-lực và bắt đầu hạ

xuống. Trong khi đó phi-thuyền chính vẫn tiếp tục bay trên quỹ-đạo như một chiếc tàu lớn đi lại ngoài khơi, đợi chiếc xuống nhỏ đã đem toán người thám hiểm vào bờ thăm thú.

Khi còn cách mặt trăng khoảng 200m, phần đồ bộ sẽ dừng lại lơ lửng để các phi-hành-gia lựa chọn điểm đáp xuống tương đối có vẻ an-toàn nhất trong số ba điểm đã chọn sẵn. Sau đó phần đồ bộ mới nhẹ nhẹ đáp xuống.

Nhìn qua cửa sổ, các Đường-Minh-Hoàng tân thời sẽ không thấy những cung điện nguy nga, xiêm y lả lướt, nhã nhạc vang lừng mà sẽ chỉ thấy một vùng đất xám, hoang vu, lổm chổm và im lặng. Vừa lên đến nơi, công việc đầu tiên của họ là chuẩn bị... đi về. Sau khi đã xem xét kỹ lưỡng và thử tất cả bộ phận khai-hoả cũng như điều-khiển của phi-thuyền và thấy không có gì khác thường, các phi-hành gia mới chuẩn bị bước ra ngoài. Một trong hai người sẽ thận trọng dò từng bậc thang bước xuống còn người kia chụp hình, quay phim và ghi nhận những cảm tưởng của giờ phút lịch-sử. Trong khi ở lại mặt trăng khoảng 24 đến 26 tiếng đồng hồ để làm các thí-nghiệm và quan sát, hai khách du-lịch sẽ nhặt lấy vài tảng đá nho nhỏ mang làm quà cho các nhà bác-học ở nhà nghiên, tán, phân chất, và thí nghiệm.

Ngày trở về

Sau đó họ lại chui vào phi thuyền, lên đường về. Phần dưới của phần đồ bộ gồm bốn cái chân và một cái đế phẳng bây giờ đã biến thành một giàn phóng nho nhỏ. Từ đó phần còn lại của phi-thuyền đồ-bộ sẽ khai-hoả, bay lên, đón lấy phi-thuyền chính ở trên quỹ-đạo. Rồi cả người lẫn đồ nghề, đất đá

lũng cũng sẽ theo ống nối mà chui về phi-thuyền chính. Phần đồ bộ, sau đó, sẽ được bỏ lại đi lang thang trên quỹ đạo mặt trăng, còn lại phần điều khiển và phần điều-hành sẽ khai-hỏa để trở về trái đất.

Năm mươi bảy tiếng đồng hồ sau, khi tới gần trái đất, phi-hành-đoàn sẽ vứt bỏ phần điều-hành (bây giờ chỉ còn có 4 tấn nhiên-liệu dự phòng khi bắt trắc), hướng mũi chấn nhiệt về phía trước và phi-thuyền bắt đầu lao vào vùng khí quyển với tốc độ 40.000 km/giờ. Những phút cuối cùng của cuộc viễn-du cũng rầm rộ chẳng kém gì lúc ra đi. Chịu sự cọ sát của không khí, phi-thuyền nóng tới 13.000 độ, đỏ rực như một trái cầu lửa, xẹt ngang bầu trời Thái-bình-dương như một vì sao lạc, phát ra hai tiếng nổ như tiếng sét. Rồi, ở cao độ 3500 m, ba cánh dù mở ra và phi thuyền đu đưa hạ xuống biển. Cuộc hành-trình xa nhất trong lịch-sử nhân-loại thế là chấm dứt.

Việc đón tiếp đầu tiên của những người ở nhà là đem ba vị anh hùng đó nhốt vào một chỗ biệt lập, ít ra là vài tuần, để cho các nhà bác học đem cả người lẫn đá ra thử và khám. Khi biết chắc cả đoàn không đem theo những vi-khuẩn lạ có thể gieo rắc các chứng bệnh nan-y cho nhân-loại, lúc bấy giờ họ mới được thả về sum họp cùng vợ con và đại gia-đình thế-giới.

Nỗi gian truân.

Cuộc phiêu lưu kỳ thú và hấp dẫn đó không phải là không có những bất chắc hiểm nghèo, tuy không có những mối ẩn thối người, những bầy ác thú nhe nanh múa vuốt hay những loài thủy-quái gớm ghiếc. Người ta còn nhớ rõ trường hợp ba phi-hành-gia, Virgil

1. Grissom, Edward H. White II và Roger B. Chaffee, chết cháy trong khoảng khắc cũng trong phi thuyền Apollo vào tháng Giêng năm 1967. Rồi sau đó, phi-hành-gia Nga Vladimir M. Komarov đã tan xương nát thịt khi phi-thuyền trở về trái đất. Rồi hình ảnh chó Laika, vật tế thần đầu tiên của kỷ-nguyên không-gian, chết dần mòn trên quỹ-đạo. Và trong các chuyến bay mới đây, chỉ một sự cảm cúm, nhức đầu, sổ mũi, chóng mặt qua loa của phi-hành-đoàn cũng đã là một điều đáng ngại. Có thể nói những bất trắc hiểm nghèo luôn luôn theo gót phi-hành-đoàn từ lúc bước vào phi-thuyền cho tới khi trở về trái đất.

Tất cả phi-thuyền Apollo có 2.000.000 bộ phận, 587.000 chỗ phải xem xét và 47 động cơ. Đó là chưa kể 42 động cơ của hỏa-tiến Saturn 5 và 3 động cơ của cần thoát hiểm đã được vứt đi ngay sau khi phi-thuyền rời khỏi dàn phóng. Trong khi bay, phi-hành-đoàn luôn luôn phải theo dõi hoặc điều khiển 24 dụng-cụ, 566 nút bấm và 40 hệ-thống báo hiện tình trạng các bộ phận của phi-thuyền. Chỉ một sự lầm lẫn nho nhỏ cũng đủ thất bại hoặc nguy đến tính mạng. Hỏa tiến có thể nổ ngay trên giàn-phóng thiêu hủy cả phi-thuyền lẫn người. Phi-thuyền có thể bị kẹt lại trên mặt trăng biến phi-hành-đoàn thành những kẻ biệt xứ trong một môi-trường không có nước, không có không khí. Hoặc có thể lạc quỹ-đạo biến phi-hành-đoàn thành những xác ướp đi lang thang trong Thái-dương-hệ. Ngoài ra còn có những rủi ro bất ngờ như các trận bão phóng-xạ mỗi khi mặt trời nổ. Những trận mưa vẩn, thạch làm thủng lớp áo giáp khiến cho máu sôi lên và người sẽ chết trong khoảng khắc,

Giai-đoạn trở về cũng lại là giai đoạn

nhieu thử thách nhất. Từ một khoảng cách 400.000km, và lúc tốc độ lên tới 40.000 km/giờ, các phi-hành-gia sẽ phải điều khiển phi-thuyền vào vùng khí quyển trái đất dưới một góc nhất định, không lớn quá $7;4$ mà cũng không nhỏ quá $5;4$. Khoảng an-toàn này là một hành lang rộng từ 10 tới 16 km và dài khoảng 40 km ở cách mặt đất khoảng 160 km. Lọt ra ngoài hành lang đó là ... « một đi không trở lại, một đi là mãi mãi ». Nếu vào vùng khí quyển với một góc lớn quá, phi-thuyền sẽ chịu sức giảm tốc lớn gấp 20 lần trọng-lực của trái đất (người nặng 60 kg sẽ trở nên nặng 1200 kg). Đồng thời nhiệt-độ ngoài phi-thuyền cũng lên quá 13.0000, quá sức chịu đựng đã trữ liệu. Cả phi-thuyền lẫn người sẽ biến thành hơi trong nháy mắt. Nhưng nếu phi-thuyền vào vùng khí quyển với một góc nhỏ quá, khi chạm vào khí - quyển phi-thuyền sẽ nảy lên như mảnh ngói thia-lia khi ta ném xuống nước, và vào một quỹ đạo bầu dục rất lớn chạy quanh trái đất. Số dưỡng-khí dự trữ trên phần chỉ-huy của phi-thuyền có thể sẽ không đủ để cho phi-hành-đoàn sống cho tới khi phi-thuyền lại trở về vị-trí có thể đáp xuống được.

Những chặng đường.

Tất cả những cái gì gọi là tinh xảo nhất của nền khoa học và kỹ thuật hiện đại đã được đem ra để bảo toàn sinh-mạng cho ba phi-hành-gia. Chương trình Mercury và Gemini đã mở đường cho chương trình Apollo. Sau đó từng thành phần của hệ-thống phóng phi thuyền Apollo, từ hỏa-tiến Saturn 5 cho tới túi đựng nước tiểu cho phi-hành-đoàn, cũng đã được đem ra thử đi thử

lại trong những điều-kiện tương-tự như khoảng không-gian.

Sau khi đã hoàn toàn thỏa mãn rồi, các nhà kỹ-thuật mới bắt đầu cho phi thuyền rời khỏi mặt đất. Chỉ sau khi đã phóng phi thuyền Apollo lên tất cả 4 lần, các nhà kỹ-thuật mới bắt đầu thực hiện chuyến bay có người đầu tiên, Apollo 7, vào trung tuần tháng 10 năm 1968. Những chuyến bay Apollo 8 và 9 sau đó và Apollo 10 sắp tới chỉ có một mục đích duy nhất là chuẩn bị đưa Apollo 11 lên mặt trăng và trở về trái đất an toàn.

Apollo 7

Apollo 7, do Walter Schirra, Donn Eisele và Walter Cunningham điều khiển đã bay 163 vòng quanh trái đất trong 260 giờ 8 phút. Trong chuyến bay, phi thuyền đã đón và ráp vào vỏ hỏa-tiến S-4B trên quỹ-đạo. Trong chuyến bay lên mặt trăng sắp tới, đây là động tác đầu tiên phi-thuyền sẽ phải làm để móc vào phần đồ bộ, được gắn ở đầu một hỏa-tiến S-4B tương tự. Trong chuyến bay Apollo 7, hỏa-tiến điều khiển phi-thuyền cũng được khai-hỏa 8 lần để thử độ chính-xác và độ nhạy. Hỏa tiến này cần chính xác để đặt phi-thuyền vào quỹ-đạo mặt trăng và, sau khi hoàn tất nhiệm vụ, để đưa phi thuyền trở về trái đất. Sự chính xác của hỏa-tiến này cũng lại là vấn-đề sinh-tử cho hai phi-hành-gia ở trong phần đồ bộ. Nếu vì lý do gì phần đồ bộ mất khả năng tự điều khiển, phi-thuyền chính sẽ có nhiệm vụ phải đến đón phần đồ bộ để cứu hai phi-hành-gia kia. Chuyến bay Apollo 7 chứng tỏ các bộ phận ráp nối và điều

khiến đã có thể tin cậy được. Nhưng mới chỉ ở trong môi trường vòng quanh trái đất. Rất có thể ở trong môi trường mặt trăng khi cách xa trái đất hàng 300.000km thì lại khác. Rất có thể phi-hành-đoàn, mất tự tin, sẽ phản-ứng một cách khác và các cơ-năng viễn-trắc (telemetry) của phi-thuyền cũng sẽ trở nên kém chính xác. Cần phải thử lại một lần nữa. Và đó là mục đích của chuyến bay Apollo 8.

Apollo 8

Đúng 4 ngày trước Lễ Giáng-sinh năm 1968, Apollo 8 đã rời khỏi giàn phóng mang theo ba phi-hành-gia Frank Borman, James Lovell và William Anders. Và đến ngày Giáng-sinh thì họ đã đang bay vòng quanh mặt trăng và đã gửi những bức hình mặt trăng đầu tiên do người chụp về làm quà Giáng-sinh cho trái đất. Phi-thuyền đã bay hai vòng trên quỹ-đạo cách mặt trăng 112 tới 312km. Sau đó, động cơ trên phi-thuyền lại khai-hoả và đưa phi-thuyền xuống một quỹ-đạo tròn cách mặt trăng 112km. Phi thuyền lượn quanh mặt trăng thêm tám vòng nữa, trong khi đó phi-hành-đoàn chụp hình, truyền hình về trái đất, quan sát mặt trăng và đặc biệt là những vùng dự định đáp xuống. Tới ngày 25 tháng 12, phi thuyền khai-hoả trở về trái đất. Chuyến bay đã thử tất cả những giai-đoạn quan trọng của cuộc hành-trình. Và các bộ phận đã hoạt động một cách hoàn hảo ngoài sự mong ước của các nhà chế-tạo. Giai-đoạn đáp xuống là giai đoạn gay go hơn cả. Vậy mà sau cuộc hành-trình dài 800.000 cây số, lâu hơn 6 ngày, phi thuyền đã hạ xuống cách nơi đáp xuống dự định có hơn hai ngàn thước.

Apollo 9

Nhưng chuyến bay 7 và 8 vừa qua, chưa thử bộ phận then chốt cần cho việc đáp xuống mặt trăng : đó là phần đồ bộ. Phần này được chế tạo đặc biệt để hoạt động trong khoảng chân-không và trong vùng trọng-lực yếu như trên mặt trăng. Cho tới nay, phi-thuyền mới được thử ở dưới đất và trong những môi-trường tương-tự như khoảng chân-không và đã có những trục trặc rắc rối đáng ngại. Chuyến bay Apollo 9 vào đầu tháng ba vừa qua là lần đầu tiên bộ phận này được đem ra thử trong không gian. Trong chuyến bay lâu gần mười ngày đó, phi hành đoàn đã tập dượt phần đồ-bộ như trong một chuyến bay lên mặt trăng thực sự. Trong khi bay quanh quỹ-đạo trái đất, ba phi-hành-gia James A. Mc. Divitt, David R. Scott và Russell L. Schweickart đã điều khiển phi thuyền chính móc phần đồ-bộ ra khỏi vỏ hỏa-tiến S.4B. Sau đó McDivitt và Schweickart đã theo ống nối bò sang phi thuyền phụ. Hai phi thuyền sau đó đã tách rời nhau ra và bay cách xa nhau khoảng 160 cây số. Sau đó Mc Divitt và Schweickart đã điều khiển phi-thuyền phụ tìm gặp lại và ráp nối với phi thuyền chính như trong một chuyến bay xuống mặt trăng thực sự. Schweickart cũng còn bước ra ngoài không gian 40 phút để thử những hành động cần thiết khi mở cửa phi-thuyền phụ bước xuống mặt trăng. Các phi-hành-đoàn Mỹ đã đi và hoạt động ngoài không-gian trước đây bảy lần và đã có khá đủ kinh-nghiệm về phản-ứng và cách hoạt-động của con người trong khoảng chân không. Lần này họ muốn thí nghiệm thêm bộ phận mà các phi-hành-gia sẽ đeo trên

lưng dễ thở và liên lạc với căn cứ cũng như phi-thuyền khi bước xuống mặt trăng.

Apollo 10

Những thí nghiệm thực hiện trong ba chuyến bay Apollo 7, 8, 9 đã có những kết quả khích lệ. Nhưng các thí nghiệm đó đã được thi hành trong những chuyến bay riêng biệt. Chuyến bay Apollo 10, vào tháng 5 sắp tới, sẽ là một cuộc tổng duyệt thực sự. Toàn bộ phi-thuyền Apollo 10 gồm phần điều hành, phần điều khiển và phần đồ bộ sẽ nhắm mặt trăng trực-chỉ. Khi tới mặt trăng, phi-thuyền mẹ sẽ ở trên quỹ-đạo cao 110 km

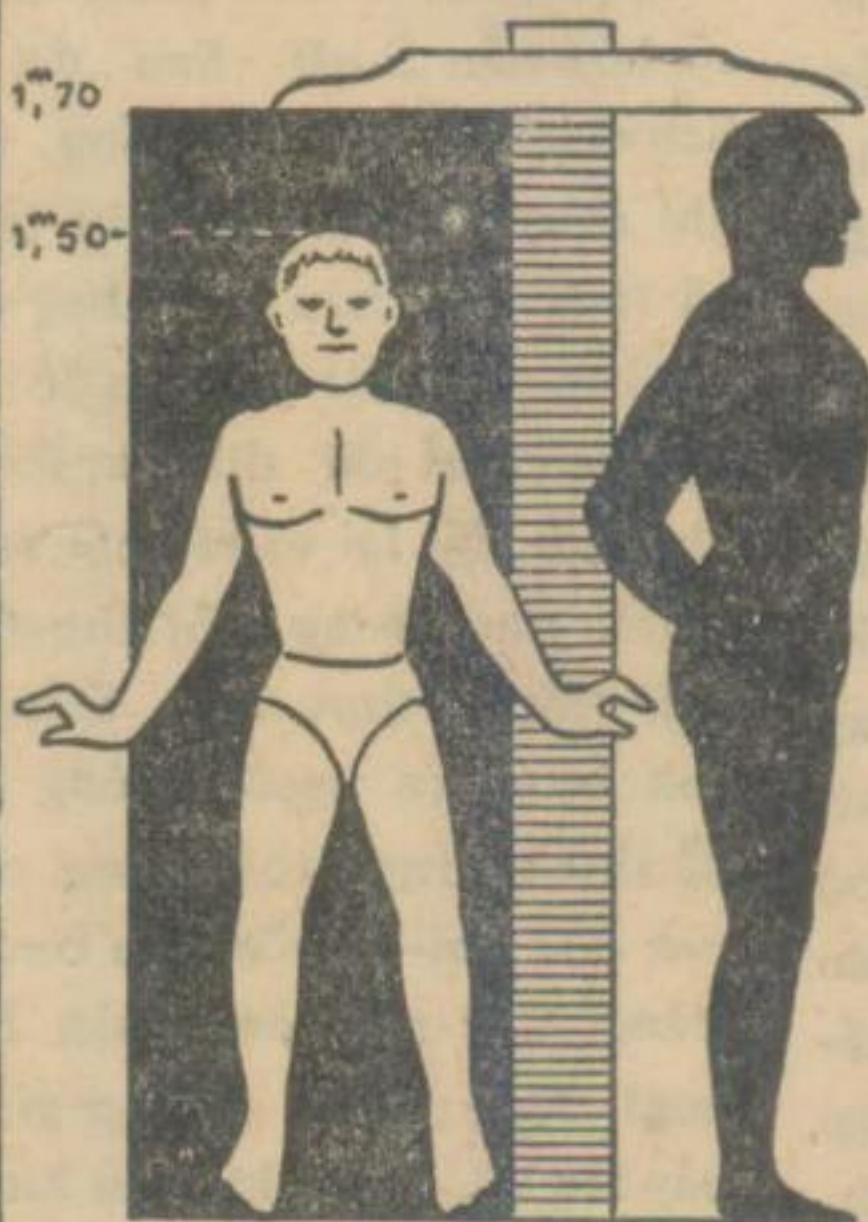
còn phi-thuyền con sẽ tách ra từ từ hạ xuống nhưng không hạ xuống hẳn. Cách mặt trăng độ 20km, phi-thuyền con sẽ dừng lại lơ lửng để cho phi-hành-đoàn quan sát địa thể một lần nữa và cũng để thử lại các bộ máy điều-chỉnh một lần nữa. Sau đó sẽ lại bay lên gặp phi-thuyền mẹ và phi-thuyền mẹ sẽ mang phi-hành-đoàn trở về trái đất.

Nếu chuyến bay này hoàn mỹ thì trong vòng tháng sáu hoặc tháng bảy sắp tới, Apollo 11 sẽ đưa người đầu tiên đặt chân vào cung Quảng.

TRẦN-LƯƠNG-NGỌC

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BÔ?

S6 KN 78 MBYT/QCĐP

Sự cầu kết giữa Trung-cộng với Hoa-kiều ở Cao-miên và Việt-nam

Có thể nói toàn thể người Trung-Hoa ở hải-ngoại đều hướng về Tổ quốc họ.

Ở Cao miên, hầu hết Hoa kiều đều ngả về Bắc-kinh nên việc hoạt động của bọn Tàu đỏ không mấy gì khó khăn. Thoạt tiên khi Sihanouk viếng Bắc kinh vào tháng 3-1956 thì ở Nam-vang còn Tòa Đại-sứ của Trung-hoa Quốc-gia do ông Hiu Nai làm Đại sứ từ thời Pháp thuộc. Vì còn dính líu về phương diện ngoại giao nên chánh phủ Cao miên còn nể vì một số ít Hoa Kiều có tinh thần quốc gia và gìn giữ những thủ tục « ngoài mặt » y như đối với Tòa Đại-diện Việt-nam Cộng-hoà, còn bên trong thì vì đã ngọam số tiền viện trợ đầu tiên của Bắc-kinh, chánh quyền Miên làm lơ cho bọn Tàu Cộng tổ-chức các cơ-sở.

Nói về hệ-thống tổ chức của chúng thì không khác gì một quốc-gia trong một quốc gia, đã có sẵn từ đời nào đến bây giờ. Mỗi khi đề chân lên lãnh thổ nào, người Tàu lo buôn bán để nắm các nguồn lợi trong nước, kể đến là thành lập các Bang-trưởng để liên lạc với chánh quyền địa phương. Số người trong một bang nhiều ít gì cũng mặc, nhất định phải có một vị Bang-

tá đứng đầu nhóm Hoa Kiều thuộc bang ấy. Đó là những « viên chức » của giới Hoa-kiều tôn lên để dìm dặt họ đối với chánh quyền và đối với xã hội của họ. Những vị này đóng vai quan Tòa để phân xử những vụ xích mích giữa đồng bào họ, gọi là Điều giải hội. Họ muốn gìn giữ thể thống lẫn cho nhau, không muốn đề ngoại bang phán xét hành vi của họ. Khi nào Hoa kiều có việc lỗi thời với người bản xứ thì họ mới ra Tòa án hoặc Hội-đồng xã mà thôi.

Tổ chức Bang-hội xong, họ cất chùa, miếu thờ ông Quan Công, ông Bồn, Bà Cửu thiên Huyền nữ v.v... Ngoài mặt, những nơi thờ phụng ấy thuộc về tín ngưỡng, nhưng bên trong là nơi hội họp của họ mỗi khi có việc cần phổ biến cho nhau. Đó là trụ sở của Bang trưởng, là Tòa Án của Điều giải hội, là nơi Thông tin, tuyên truyền, là trạm tạm trú của những người mới đến.

Sau chùa, miếu là trường học. Tất cả Hoa-kiều ở một xóm, một làng, một tỉnh hùn nhau mở một hoặc nhiều lớp học tùy theo số trẻ con và rước thầy về dạy quốc-ngữ của họ. Dù chánh

quyền có bắt buộc bao nhiêu điều kiện gắt gao thế nào cũng mặc, họ vẫn kiên gan chịu đựng để gìn giữ nơi duy trì chữ Tàu cho đám trẻ và vận động giới thanh thiếu niên. Dưới thời pháp thuộc, họ bị bắt buộc phải dạy mỗi tuần 1 giờ chữ Pháp do một giáo viên Việt đảm nhận. Họ vâng lời, mỗi tháng trả lương cho ông giáo ấy, còn vấn đề ông ấy có dạy hay không họ bất cần. Người Pháp rút lui, họ bị bắt buộc phải dạy chữ Việt ở Việt-nam và chữ Miên ở Cao-miên, còn Hoa ngữ gần như một sinh-ngữ. Họ vẫn vui vẻ vâng lời rước giáo viên Việt, Miên đến trường vào những giờ Chánh phủ bắt buộc, còn ngoài ra thì giáo viên Tàu phụ trách truyền bá chữ Tàu. Không nghe ai nói đến việc kiểm soát họ dạy những gì và dạy bao nhiêu giờ, chỉ thấy trẻ con nói và viết chữ Tàu giỏi hơn chữ Việt và chữ Miên !

Trên phương diện Y-tế, họ cất dựng đường, nhà bảo-sanh riêng cho đồng bào họ. Cho đến nay họ chỉ thực hiện được ở thủ đô Cao-miên và ở Cholon còn ở các tỉnh thì chưa có.

Những hoạt động trước khi có sự giao thiệp chánh thức

Trước khi Châu-Ân-Lai, Thủ tướng Trung Cộng sang Cao Miên đáp lễ vào tháng 8 năm 1956, nhiều cán bộ cộng sản giả dạng khách thương từ Hong-kong đến Nam-vang mua bán. Mỗi tên mang theo vài quyển sách đề tựa như tiểu thuyết tình cảm, gọi là đề giết thì giờ trên phi-cơ. Nhân viên kiểm soát phi cảng không thể biết sách đó thuộc loại gì, cũng như không bao giờ kiểm duyệt nổi. Và lại, không lẽ tịch thu một quyển sách của

du khách vào xứ mình để đọc xem, có gì nguy hại cho dân tộc mình haysao ? Lối 2 tháng sau, trong giới Hoa-kiều ở Cao-miên có hàng ngàn cuốn sách y như thế, in ở Nam-vang, in lậu và đề tên ẩn quán ở Hongkong y như cuốn sách mẫu. Sách có đề giá bán hàng hoàng để qua mặt chánh quyền. Sau này phát giác ra thì đó là sách tuyên truyền cho chủ nghĩa Cộng sản ! Chúng in rồi phát không khắp lãnh thổ qua tay các nhà buôn và các giáo viên mỗi tỉnh. Hằng ngày bọn gõ đầu trẻ này vừa dạy chữ Tàu vừa giảng giải tư tưởng Mao Trạch-Đông cho bọn trẻ nghe ! Điều đáng ghi nhớ là học trò Hoa-kiều rất lớn tuổi, nhà trường không bắt buộc bao nhiêu tuổi học lớp nào ; mục đích của họ là đi học để giữ gìn quốc ngữ mà thôi. Thế nên các trường học của họ là nơi truyền bá chủ nghĩa thuận tiện nhất. Chánh phủ Cao-miên đành làm thinh trước một sự đã rồi, không thể tịch thu lại được và cũng không dám làm, sợ mịch lòng ông quan thầy vĩ đại mà mình mới vừa ve vãn. Sản cái đà đó, bọn Tàu đổ tiếp tục in thêm nhiều tài liệu khác. Chúng chỉ có thể ẩn hành ở Nam-vang vì trên phương diện ngoại giao chúng chưa được quyền nhập cảng các ấn-loát phẩm từ Trung hoa lục địa vào, và chỉ có thể hoạt động lén lút, ngấm ngấm mà thôi. Nhưng chỉ bấy nhiêu đó cũng là một thắng lợi đáng kể của chúng rồi.

Phương pháp thứ nhì là vấn đề hối lộ. Công chức Cao Miên ăn hối lộ công khai và có hệ thống hàng hoàng từ một viên chức hạng bét đến ông to lớn nhất. Người Tàu sống ở đất-miên dùng món khí giới đó làm phương tiện làm ăn. Chính người Tàu dạy cho quan chức Miên ăn hối lộ tập cho họ ăn hối lộ và nuôi dưỡng hối lộ để được rộng tay hoạt động.

Một tên bán hủ tiếu mỗi buổi sáng phải nộp cho viên cảnh sát gác đường và vợ ông mỗi người một tô, phải chịu phạt vì cảnh về tội làm dơ thành phố, mà vẫn vui vẻ ‘cúng’ hủ tiếu, nộp tiền phạt để được bán. Thì ra, hẳn bột bánh, bột thịt ở các tô bán ra để bù vào chỗ mất thì đâu vẫn hoàn đầy, số lời của hắn vẫn y nguyên.

Một cửa hàng, một xí nghiệp phải nộp bao nhiêu món hối lộ cũng mặc, người chủ bán mắc hơn một chút, tính giá cao một chút thì ‘lấy lại’ ngay số vừa xuất ra. Tất cả người tiêu thụ là dân Miên phải gánh chịu số tiền ấy. Một viên chức ăn hối lộ thì cả trăm ngàn dân chúng gánh trả số tiền ấy cho con buôn. Trong kho tàng tục ngữ Cao-Miên có câu: *Cắt cò thặng Chết thì thặng Miên chết!* thì đủ biết cò nhân kinh nghiệm cái tài lo lót của người Tàu như thế nào?

Chánh phủ Miên ra lệnh cho các thương-gia làm xuất-nhập-cảng phải là người Miên mới xin được phép, nhưng toàn cõi Cao-miên có mấy ngoe Miên chánh cống có tiền làm xuất-nhập-cảng, hoặc có đủ tài hành nghề ấy? Bao nhiêu nguồn lợi trong nước đều nằm trong tay Hoa-kiều hàng mấy thế-kỷ rồi! Thế nên, các tay trùm Ba Tàu liền bỏ tiền ra lo lót được nhập tịch Cao-miên để giữ gìn công cuộc kinh doanh hoặc để mở mang ra thêm nữa! Số tiền hối lộ có cao bao nhiêu cũng mặc, họ sẵn sàng tuôn ra để lấy lại sau này. Hầu hết thương-gia Tàu biến thành dân Cao-miên khi qua đến Thái-lan hay Hong-kong đều chia giấy thuế thân Tàu ra chứ không xưng mình là dân bồ-hóc! Chính Thái-tử Sihanouk đã phát giác vụ này trong một

phiên họp báo vào tháng 5 năm 1956 tại Hoàng Cung! Nói gì đến việc buôn hàng lậu thuế? Ngân-sách quốc-gia Cao-miên hao hụt một phần lớn vì thủ-đoạn động trời của đám dân con Trời này.

Từ xưa, họ dùng hối lộ trong lãnh vực thương mại để sống và khuếch trương nghề nghiệp một cách hợp pháp, bây giờ trong lãnh vực chánh trị, họ dùng hối lộ che mắt các quan để làm chuyện phi pháp. Sẵn có ‘hệ-thống’, công việc tiến hành dễ dàng biết bao nhiêu! Các quan lữ ăn thua rồi không lẽ bới lông tìm vết hại ‘thân chủ’ mình hay sao? Ngay đến vị Lãnh tụ Miên quốc, sau này biết rõ Trung Cộng, Việt Cộng xúi dục Miên Cộng giết người Miên ở Battambang, Kom-pongspeu cũng chỉ còn biết la eo éo trên đài Phát thanh chứ có làm gì đến các cha, các ông Bắc-kinh, Hà nội đâu? Dân Miên có chết thì mặc xác nó, các ông, các cha vẫn nghề ngang làm ông làm cha như thường! Cái tội rước voi về dày mỗ, công rấn cắn gà nhà của Thái tử Sihanouk được ghi vào lịch sử Cao-miên như là một thành tích, một đại kỳ công!

Kết quả tốt đẹp của Tàu Cộng

Tinh thần thân Cộng của Hoa-kiều ở Nam-vang và tổ chức của Cộng sản trong các giới Hoa-kiều bộc lộ ngay ở buổi tiếp đón Châu-ân-Lai đến Cao-miên vào tháng 8 năm 1956. Hàng vạn Hoa-kiều, từ người lớn đến thanh niên thiếu nữ ở khắp lãnh thổ tự động sắm cờ Miên, Trung Cộng và biểu ngữ hợp với Hoa-kiều ở thủ đô Nam-vang, đến phi trường Pochentong từ hai ngày trước đứng chờ đầy đặc sân bay và dọc theo hai bên lề đường vào thành phố dài 7 cây số. Họ tự tổ chức lấy

việc sắp xếp, giữ trật tự, nhân viên công lực Cao-miên khỏi mắc công gì hết và Chánh phủ Cao-miên không tốn một xu nào trong việc huy động dân chúng đón chào vị Thủ tướng Trung Cộng. Người Miên cũng nhìn nhận rằng chưa bao giờ họ thấy một cuộc tập hợp vĩ đại như thế !

Tiếp đó, vào tháng 11 năm 1956, Phái đoàn Thương mại Trung Cộng đến Nam Vang vào 10 giờ đêm cũng được tiếp rước không kém phần long trọng. Nhân viên một nhật báo Hoa-ngữ thức suốt đêm soạn số đặc biệt, sáng ra có bài tường thuật kèm theo hình ảnh Phái đoàn khi đến phi-trường!

Tuy chưa được chánh thức liên lạc ngoại-giao, nhưng chúng dọn đường trước bằng cách thuê một tờ báo Miên ngữ có tiếng đứng đầu, do một người Việt gốc Miên chủ trương, viết loạt bài đả kích thủ tục lập Bang trưởng của "Hoa-kiều. Người ký giả viết mướn này lập luận rằng đó là một sản phẩm thoái hóa của thực dân Pháp bày ra để nắm quyền kiểm soát Hoa-kiều, và các ông Bang là tay sai của Đế quốc là đầy tớ của kẻ thống trị, là người làm hại đồng bào chứ không ích lợi gì cả ! Quả thật lý lẽ của Cộng sản, nói xuôi, nói ngược gì cũng trôi ! Chế độ Bang-hội của người Tàu là một chánh phủ trá hình chuyên giữ gìn quyền lợi cho Hoa kiều ở hải ngoại về vật chất và tinh thần, thế mà bọn chúng lại vận vẹo biến thành một tổ chức ác ôn ! Bài báo kéo dài được 5 số không gây được tiếng vang gì trong giới quần chúng Cao-miên vì họ chẳng cần gì đề ý đến chuyện Ba Tàu, nhưng đối với chánh phủ Cao-miên thì đó là một cái cớ rất hay để các quan dựa vào đó

mà dẹp tổ chức Bang hội. Ấy là kết quả của một vụ hối lộ chứ không phải là kết quả của những lý do mà ông ký-giả viết thuê đã đưa ra. Các quan ngoạm một số tiền kếch sù rồi dùng bài báo ấy cho rằng cần cứ dư luận quần chúng, thề theo nguyện vọng của toàn dân, chánh phủ buộc lòng phải hủy bỏ các ông Bang Tàu cho hợp với lòng dân !

Ông ký giả đang đói rách vì tờ lá cải ít độc giả, được lãnh một số tiền khá to, vụt trở thành ông chủ quán bán sách, báo, đồ dùng của học trò ngay khu chợ cũ Nam-vang. Quả là trúng số độc đắc không bằng. Quán của ông chuyên bán sách Việt-ngữ của Hà-nội xuất bản năm 1956 do máy bay của Ủy hội quốc-tế đưa vào và của Bắc-kinh gửi theo Phái đoàn thương mại Trung-cộng.

Sau chiến dịch này, một chiến dịch khác nổi lên trong làng báo Miên ngữ : phỉ báng Trung-hoa quốc-gia ! Các ký giả Cao-miên đang đói meo vụt no đủ, sắm quần áo mới, xe đạp mới, tung tăng khắp phố, có mặt trong các buổi họp báo, tiếp tân, xem rất ư là nhộn nhịp. Các ông sung sướng ra mặt khi nhìn nhận rằng bán chút ít linh hồn cho Quỷ đỏ quả có lợi cho tấm thân quá nhiều, tội gì ôm bụng đói, mặc áo rách suốt đời hay sao ?

Kết quả mỹ mãn của chiến dịch là Đại-sứ Hiu Nai của Trung-hoa quốc-gia được Chánh phủ Sihanouk mời về Đài loan nhường chỗ cho Tòa Đại-sứ Trung cộng đến với số nhân viên kỷ lục, đông hơn tất cả các Tòa Đại sứ khác là 199 người. Việc này xảy ra vào cuối năm 1957,

(còn tiếp)

LE-HƯƠNG

TRẦN - TRUÔNG

Truyện ngắn của TRẦN-VĂN-HIỆU

Đã mười ngày Cộng quân tấn công Huế — Mười ngày Thạnh chạy như chó đập lửa từ Tây-lộc ra Tri-Vụ, xuống Đông-Ba rồi trở về Tây-Lộc, chạy đâu cũng nghe lấp bắt tiếng súng A.K, chạy đâu cũng gặp từng tốp Cộng quân chân trần chập lúp xúp qua các ngã đường như lũ quỷ câu hồn. Thấy đồng bào ủa xuống Tây-Linh, Thạnh cũng chạy theo. Vượt khỏi sân bay là có chiến xa trấn giữ. Trên các nẻo đường Tây-Linh đồng bào chạy giặc chen lấn nhau. Nhà thờ, Trường học, tư gia đầy ắp người. Trong nhà thờ người ta nấu cơm cả trên cung thánh đang lững thững trên đường đến chợ, bỗng có tiếng nổ, đồng bào đạp nhau chạy. Thạnh chưa kịp phản ứng thì một tiếng nổ khác tiếp theo, chàng cảm thấy mát lạnh sau lưng và bay xuống nằm bên mé đường. Nằm gần Thạnh là một người đàn ông mặt nát bầy, ruột lòi ra máu phun thành vòi và một thằng bé úp mặt xuống đất không biết sống hay chết. Trên đường thấy nằm một loạt không biết mấy người. Bây giờ Thạnh mới biết là Việt-Cộng pháo kích. Thạnh cố bò dậy nhưng lại ngã xuống. Thạnh cố rút tay trái ra khỏi túi quần nhưng bất lực, hình như cánh tay đã rời khỏi thân. Máu bắt đầu chảy ra ở cánh tay phía trên. Máu chảy ở chân, ở sườn.

Thạnh thầm nhủ chắc mình sắp chết mà sao không thấy đau? Thạnh thấy mình rất tỉnh táo, chợt nhớ đến câu: ngọn đèn sắp tắt. Chàng đọc kinh sám hối và đợi chết, cái chết, nó như thế nào, sao đợi mãi chẳng thấy Thạnh dùng chân và tay phải, cố lết vào căn nhà gần đó. Đã có nhiều người hốt hải đi nhìn mặt nạn nhân. Một người bạn nhận ra Thạnh chạy đến bỗng chàng lên nhưng vì hấn kinh hoảng quá nên bỗng lên lại rớt xuống, cuối cùng thì hấn cũng dlu Thạnh đi được. Thạnh mừng vì thấy chân mình còn bước được nhưng thất vọng vì cánh tay gãy. Người bạn an ủi, tay anh chưa gãy đâu, đừng lo lắng làm gì. Một chiếc xe Hồng-thập-tự chở các bệnh nhân vào bệnh viện sư đoàn. Thân nhân của Thạnh không có ai đến kịp ngoài một người bạn thân là Hòa theo xe vào đồn. Thạnh được đặt trên chiếc băng-ca, tay phải chuyễn nước biển, mấy anh y-tá cắt áo quần của Thạnh để băng bó, chàng chỉ còn lại chiếc quần lót. Trời đã đổ mưa không biết từ bao giờ, tiết tháng Giêng thật lạnh. Một binh sĩ thương tình ném cho Thạnh một cái mền. Thình lình có tiếng nổ và ánh lửa chớp sáng. Mọi người chạy tán loạn. Bác-sĩ, y-tá, binh lính, cả những kẻ bị thương không còn ai, chỉ còn Thạnh nằm trên băng ca, tay còn găm kim chuyễn nước biển. Có

tiếng quát : mọi người cầm súng lên thành chiến đấu, ai không lên tôi bắn. Đạn pháo kích vẫn giã đều đều, mảnh bắn tung toé vào cửa kính. Thạnh dùng miệng cắn kim chuyền nước biển ra cắn xuống đất. Anh quấn mền quanh người tay nắm chặt tờ giấy có ghi tên họ và vết thương, cố lật đọc theo các hành-lang để tránh đạn.

Nhà cửa rung rinh như sắp đổ. Những người lính bỗng súng chạy qua không ai buồn để ý đến Thạnh đang nằm úp mặt vào vách. Ngoài trời mưa liên miên, súng vẫn nổ rền, đạn rơi chát chúa, cứ mỗi quả nện xuống là Thạnh ù tai long óc. Không biết nó rơi vào đâu và bao giờ sẽ rơi vào đầu Thạnh. Trời thật lạnh, trùm kín mền Thạnh vẫn còn run. Các vết thương bị động, máu ứa ra thẫm ướt lẫn vải loang xuống nền nhà. Một anh lính dù đi qua. Thạnh nói. Này anh, nếu tôi chết xin anh gói xác tôi trong mền rồi chôn và nhớ là tên tuổi tôi có ghi trong tờ giấy, anh lính gật đầu và ngồi xuống bên cửa chia mũi súng ra ngoài. Một lần nữa Thạnh nghĩ đến cái chết, chết ra thế nào, có dễ sợ lắm không? Chúa ôi xin thứ tha tội lỗi. Thạnh thầm thì nguyện cầu sám hối trong khi ngoài kia đạn pháo kích vẫn nện đều như muốn giã nát đồn Mang Cá. Người lính nhảy dù nói cho Thạnh biết là hỏa tiễn 122 ly có lẽ từ hướng La Chữ đưa về. Không yên tâm nằm một chỗ Thạnh cứ dọc theo các hành-lang lết vào phòng giải phẫu và chui vào dưới bàn mổ. Thạnh bắt đầu nghĩ đến mẹ và mấy em, có ai biết giờ này Thạnh đang quần quai không? Trời ơi nếu Thạnh chết họ biết tìm xác nơi đâu. Đến gần tối trận pháo kích chấm dứt, Thạnh bò lẩn về phòng khám bệnh. Căn phòng bị sập một phía.

Người ta khiêng xác anh lính dù, mà Thạnh đã nhờ chôn xác mình, đặt gần Thạnh. Chàng lấy cái mền đang đắp phủ lên tử thi. Người ta băng thêm vào tay trái Thạnh một cái sườn gỗ, cho Thạnh một cái mền khác và bỏ lên xe chở đến trại dân sự.

Trong ánh sáng mù mờ, Thạnh chỉ thấy người nằm ngồn ngang Thạnh được chuyền thêm nước biển và chàng lịm đi có lẽ vì ra máu quá nhiều. Sáng hôm sau Thạnh mới nom rõ nơi Thạnh nằm. Đó là một dãy nhà dài, sàn ván, mái tôn, vách che bằng lưới thép và nylon. Các nạn nhân được xếp thành hai hàng như những con mằm. Có người nằm trên giường bố có người nằm trên nền gỗ. Thạnh được nằm trên giường như cô gái phía tay phải, bị lủng ruột đang nằm rên hư hử. Bên trái Thạnh dưới sàn gỗ là một cậu bé bị thương ở đầu gối, nghe gọi là bé Minh, đang làm nũng với bà mẹ quá trời. Cô gái phía phải nước da tái nhợt, đầu tóc rối bù cứ càu nhàu bứt rứt mỗi khi có ai đi mạnh, nói lớn. Mấy anh quân-y bắt đầu làm thuốc, xương tay trái của Thạnh chỗ vết thương đã nát bét, không thể lấy mảnh ra. Thạnh chỉ nằm một bề không dám trở. Các vết thương khác không đến nỗi nguy hiểm nhưng vết nào cũng sâu. Trận chiến diễn ra ở đâu là ở đó có nạn nhân đem đến trại càng lúc càng nhiều. Cứ một người được khiêng vào là những người khác nhao nhao lên. Bị ở mô? Đường Đình-Bộ-Linh, cửa Đông Ba, trường Đoàn-thị-Điềm. Ban chiều lại nghe pháo kích Tây linh. Nạn nhân là một cô gái bị thương ở đùi. Người ta xếp nàng nằm cùng dãy với Thạnh cách ba bốn nạn nhân. Thạch nghe người ta gọi tên nàng là Mai chưa thấy rõ mặt nhưng chắc nàng đẹp lắm. Cứ nhìn

bộ điều lằng xằng của mấy anh y-tá là chàng biết ngay. Cảm thấy khó chịu trong người, Thanh hỏi bé Minh :

— Làm sao đi tiểu tiện ?

— Anh xin cái vỏ chai nước biển tiểu vào trong đó rồi để sát vách khi nào đầy nhờ mẹ em đi đổ cho còn đại tiện xin mấy anh y tá cái thau mà đi. Thanh nhìn quanh, thấy trên đầu mỗi nạn nhân, sát vách đều có một chai nước tiểu, trên cổ chai có buộc một sợi giây, ý chừng để xách cho dễ. Suốt ngày chỉ nghe tiếng rên la, Thanh cố nhắm mắt lại, để ngủ, để quên, để đừng thấy máu chảy thịt nát. Đến bữa người ta phát cho Thanh một cà mèn cơm ăn với ruốc khô. May có cơm mà ăn chứ không chết vì đạn cũng chết vì đói, Thanh nghỉ thế.

Trời tối dần, trong đời Thanh đã có lắm buổi chiều buồn nhưng chưa có buổi chiều nào ảo não như thế. Thanh nằm đây, mình đầy thương tích bên cạnh những thân tàn ma dại khác. Ngoài kia súng vẫn nổ, biết còn sống đến ngày mai hay không ? Anh Lạc, người y-tá, trưởng-phòng đốt lên mấy ngọn đèn cây màu đỏ, cắm rải rác để soi đường cho bệnh nhân. Nhìn đèn, Thanh nhớ đến đêm cả gia-đình chàng nằm nép đạn ca-nông dưới hầm cát bên cạnh hai xác chết với ngọn đèn cây màu đỏ.

Chợt có tiếng la hốt hoảng, tiếng chân chạy thành thịch, Thanh giật mình ngơ ngác. Nhiều người xúm lại chỗ có Mai, thì ra Mai còn bị một vết thương gần chỗ kín, vì e thẹn nên Mai chỉ cho làm thuốc vết thương ở vế, còn vết thương ấy nàng lấy tay bịt không cho chảy máu và giấu mọi người. Bấy giờ

máu ra nhiều quá Mai ngất xỉu. Nhờ thế mà mấy anh y-tá mới khám phá ra. Có tiếng anh Hai, viên y-tá trẻ nhất trại mà có cô nào bị thương mới đem đến, anh đều bị ghép đôi, không can gì đâu, bằng bó lại, chích một mũi thuốc là khoẻ ngay. Bà mẹ của Mai thều thào.

— Khờ quá con gái lớn lên, gì cũng thẹn, nó giấu cả tui !

Sau vụ đó, căn trại yên hàn, xa xa vẫn tiếng đại bác gầm và từng tràng AK nổ lốc bốc.

Thanh gọi Anh Sắc, viên y-tá phát cơm cho Thanh hồi chiều :

— Nhờ anh dìu tôi ra kia đi tiểu một chút.

— Anh đi chưa được mô, còn yếu lắm, để tôi kiếm cho anh chai serum.

— Không cho tôi ra ngoài kia.

Anh Sắc dìu Thanh lần từng bước ra cửa. Sau đó Thanh không biết gì nữa. Khi mở mắt ra Thanh thấy anh Sắc còn bông chàng trên tay đang từ từ đặt xuống giường. Anh Sắc nói :

— Anh yếu quá, chưa ra đến cửa đã ngất xỉu. tôi phải bông vào, Bữa ni anh đừng đi nữa.

Nói xong anh Sắc đi tìm cho Thanh một vỏ chai nước biển. Chiếc Radio của một bệnh nhân nào đó vẫn đọc thông-cáo : Đồng bào hãy tin tưởng, quân Đồng-minh đang vây chặt thành phố. Chính phủ trừng trị nặng những ai lợi dụng cướp của đồng bào. Ngoài kia súng vẫn nổ, Thanh xin anh lính một bao thuốc để qua đêm.

Trời sáng, Thanh cố ngồi dậy trên giường, mượn một cái ly nhựa, để đợi

lãnh phần sữa ban sáng của mình. Sữa chứa trong thùng đạn, từ nhà bếp khiêng lên chỉ phát cho người bệnh nặng, Hôm nay có Bác-sĩ khám. Anh Lạc đặt trước mặt mỗi nạn nhân một tờ giấy ghi rõ tên tuổi và bệnh tình của mỗi người.

Mấy anh y-tá đến tháo băng từng người để vết thương trần cho Bác-sĩ khám.

Một bà già cụt cả hai chân lên đến bắp vế. Chết đi có sướng hơn không, sống làm gì nữa cho khổ thêm. Một em học sinh chừng 13.14, tuổi, mặt thật dễ thương, chân phải bị cụt ngang đầu gối. Anh Lạc vừa tháo lớp băng vải, Thanh vội ngoảnh mặt đi. Trời, những miếng thịt bầy nhầy những mảnh xương trắng bếu. Những dòng máu nhào nhẹt. Hắn không khóc nhưng sao hai hàng nước mắt vẫn chảy dài. Một em bé khác bị bom hơi, toàn thân xám xịt, trên đầu tóc quăn queo, đôi mắt hít lại. Còn nhiều nữa. Thanh đã nhìn thấy và cảm thấy nhức nhối như chính những vết thương đang hoành hành trên thân xác Thanh. Bác-sĩ hỏi Thanh mấy câu qua loa, với cô gái lưng ruột bên cạnh Thanh, với người đàn ông tên Nghị ở trước mặt Thanh cũng thế. Nghe mấy mụ đàn bà kháo láo với nhau. Thanh biết anh Nghị làm to lắm có mấy đứa con trai đẹp như tranh vẽ. Anh Nghị bị mảnh đạn ghim vào bắp vế, xương chỉ bị chóp chứ chưa gãy Thanh hỏi.

— Anh Nghị này, Bác-sĩ khám kiểu gì hay rứa hả.

— À, ông ta là Bác sĩ nội thương, bắt ông vào phòng ngoại thương thì biết gì? Chân tôi thế này mà lóng cháng bị cưa lăm ! Thanh nhìn cánh tay

của mình mà ngao ngán. Thình lình một tiếng nổ lớn tiếp theo là những tiếng rơi ào ào trên mái tôn. Người ta đập nhau chạy miệng la hốt hoảng : pháo kích ! pháo kích !

Anh Lạc chụp mũ đồng vào đầu, chụp súng hét lên : Nằm yên không được chạy. Nhưng không ai nghe lệnh. Ai còn chân chạy được đều chạy ra ngoài tìm hầm núp.

Lại một tiếng nổ khủng khiếp, mắt Thanh hoa lên tóc dựng đứng. Thanh lăn đại xuống nền nhà chiếc giường bố lật theo úp lên người chàng. Chai nước tiểu đổ ra lênh láng, mùi khai xông lên nồng nặc. Từng tiếng nổ như búng cả căn trại đề tung lên trời, mảnh đạn bay vèo vèo qua trên đầu Thanh. Chàng tuyệt vọng khi nhìn mái tôn và vách trại bằng lưới. Một niềm uất hận tủi nhục dâng lên làm Thanh nghẹt thở. Thanh khóc thành tiếng. Thanh gào lên : Chúa ơi, tại sao sinh con ra làm người Việt-Nam để ai muốn giết thì giết. Khóc một hồi, Thanh đâm ra liêu lĩnh nằm chờ chết một cách bình thản. Thanh cảm thấy thương thân phận mình một cách da diết.

Trận mưa pháo kích đã ngưng, người ta lục tục trở vào, có tiếng anh Sắc cười nói : Bé Minh nằm liệt giường liệt chiếu, sao hôm nay chạy lẹ thế ?

Mình ngồi xuống nói với Thanh : chắc vài ngày nữa em có thể ra khỏi viện. Thanh nói : em không chờ anh à ?

Người ta lại khiêng đến nhiều bạn mới bị thương từ cửa Chánh Tây, từ đường Đình-Bộ-Linh hai cha con bị bom từ La-Chữ, gia đình chết hết năm chỉ còn hai. Người đàn ông xin vành khăn trắng để tang vợ.

Trưa nay Thanh đã ăn được khá nhiều cơm. Tối đến hình như ai nấy quên cả chuyện pháo kích ban ngày, một anh lính đem trứng lộn đến bán 1 cái 2 chục đồng. Một anh khác bán kẹo mè xừng. Anh Nghị nói với Thanh.

— Mua trứng lộn ăn hề.

— Mặc quá.

— Mặc gì, giả như chúng mình chết rồi thì rằng ?

— Ừ phải.

Thế là hai người phất luôn 6 hột. Nói chuyện rộn ràng nhất là đám thanh niên bị thương nhẹ nằm ngay lối cửa. Không biết đang nói chuyện gì. Một người hứng chí hò lên mấy câu.

Khoai cao vòng thì tốt củ

Dâu ba lá vừa un

Mây trên trời cũng cuốn lại

Tui với O cùng cuốn lại !

Bà mẹ của cô Mai nạt lớn: Tụi bây hề hở ra thì hoang.

Cả đám cười lên sặc sụa. Cô gái lúng ruột nằm gần Thanh rên rỉ: Cười chi mà ác rứa, người ta đau cho họ nằm một chút. Đồ nớ quỉ không vật chết cho rồi !

Bỗng nhiên đầu góc trại một người đàn bà vật mình khóc thét: Ông ơi là ông ơi, ông chết lấy ai nuôi con ông ơi !

Thế là một người chết, chết giữa

những người khác đang ngất ngư. Mấy mụ đàn bà chắc lưỡi thương hại. Anh Lạc thần nhiên lấy chiếc chiếu đắp lên tử thi. Một lát sau, chiếc GMC đậu xích trước cửa.

Người đàn bà một tay níu xác chồng một tay ôm mền chiếu khóc meo máo. Anh Sắc giật gói mền và nói: Đem mền chiếu đi làm chi ?

— Cho tui ở lại với ông cả đêm kéo tội nghiệp.

— Thắp cho ông cây sáp là được rồi. Mụ dám ở lại đêm nay trên đó với gần cả trăm xác chết tôi cho cả tháng lương.

Chiếc xe chạy vụt đi đem theo tiếng khóc thảm thiết của người đàn bà.

Ôi chao ôi. Thảm lắm ông ơi. Thanh nhắm mắt ru giấc ngủ. Nhưng vết thương hành hạ, cả cánh tay sưng húp lớn gấp đôi ngày thường. Bé Minh mới cười nói hồi sáng bây giờ nằm rên hừ hừ. Bà mẹ cuống cuống đi gọi y-tá.

Anh Lạc cầm đèn chạy lại, anh suy nghĩ một chút rồi nói: Em há miệng cho anh xem.

Minh chỉ há được một chút xíu. Anh Lạc lại giục: Cố nữa đi, em há to đi.

Minh lắc đầu Anh Lạc cũng lắc đầu. Thanh hỏi Tétanos phải không ? Anh Lạc gật đầu nói với chàng thuốc hết rồi chưa tiếp tế được. Nói xong anh

CONAN

CHUYÊN TRỊ CẢM CÚM,
NHỨC RĂNG, NHỨC
ĐẦU, NHỨC BẮP THỊT,
NHỨC KHỚP XƯƠNG, PHONG THẤP.

Lạc chuyển nước biển cho Minh và canh chừng suốt sáng. Thanh xin một bao quần-tiếp-vụ để thức qua đêm. Chiếc radio trên bàn vẫn đọc mấy thông cáo... Bỗng một tiếng nổ bừng cả người Thanh lên, mắt chàng hoa, tai ù và tóc dựng ngược. Thanh lăn xuống đất. Nhưng anh Lạc bình tĩnh hô lớn : Đó là súng của Mỹ bắn. Thiết giáp Mỹ đóng ngay trước trại, tiếng départ của đại bác làm rung chuyển cả lòng đất, bây giờ thì không ai có thể ngủ được nữa. Thanh nói một mình : Đại bác-bệnh viện ! rồi chàng thở dài. Người đàn bà không dám ở lại trên nhà xác đã trở về ngồi khóc tỉ tê trong góc. Thanh chỉ chớp mắt được một lúc. Khi gần sáng thức dậy, chàng cảm thấy bụng quặn đau. Anh Sắc cho Thanh mấy viên thuốc nhưng không thấy bớt. Anh đi tìm cho Thanh một két đạn không dùng nữa để chàng đi đại tiện.

Đau quá Thanh đành tìm một chỗ để đi. Chỉ còn chỗ bên cạnh đầu bé Minh là có thể đặt két sắt xuống. Thanh ngồi đặt bắp vế lên thành két đầu cúi gằm.

Nhưng chàng phải ngẩng đầu lên vì bé Minh bắt đầu quẩn quại. Người mẹ ghi cứng hai cánh tay không cho Minh vòng vây. Bé Minh cố mở miệng ra nhưng hai hàm xai đã khép cứng chỉ nhẹ được mấy cái răng đầy nhựa cơm. Người mẹ gọi anh Lạc đến. Nhưng anh Lạc đang bận làm thuốc cho một cô gái tóc thề. Nghe nói cô ta là một trong những hoa khôi trường Kiều mẫu. Thanh chưa biết cô ta làm sao. Cô cởi áo ra, lòng ngực trắng trẻo bị mảnh đạn bám vù như tổ ong. Nàng nhìn Thanh một cách bình thản, đôi môi hình trái tim hé mở, cười mà không ra cười, khóc mà không phải khóc. Thanh nhìn lại nàng cũng một cái nhìn bình thản đứng đưng. Rồi cả hai cùng sang cạnh đó, nơi hai anh y-tá đang đỡ cho bà già cụt hai chân đang đại-tiên trong một cái thau. Thanh nhìn cô gái mà mỉm cười như muốn nói : Cô ơi, chiến tranh đã cướp mất bà già đôi chân, cướp đi của cô và tôi sự thẹn thùng cũng như sắp cướp mất chính sự sống của bé Minh. Có gì đâu, con người khi vất vả khỏi tay Thượng-đế thì trở nên Trần Trường,

TRẦN-VĂN-HIỆU

các bạn yêu thơ đón đọc :

KỶ NIỆM NGƯỜI YÊU DẤU

Tập thơ thứ hai của ĐẶNG-TẤN-TỚI

VIỆN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỔ C

NeuroTonic

NI. 789/BTT/OCDF/16.4.44

BOI BO OC, TANG CƯỜNG TRÍ NHỚ

TIN HỒNG

Thơ PHẠM-THIÊN-THƯ

cồn mây phơi phơi
choàng áo cô dâu
hoa trắng cài đầu
mấy lòng côi núi
anh trao nhẫn cưới
ngọc khảm mặt trời
biển già mai mối
tán tụng không thôi
phương Bắc phương Đông
chim về dạ hội
rừng cũng xun xoe
áo vàng vội cỡi
suối khe nhạc trôi
lá hồng thiệp bay
sân đêm vũ hội
cỏ biêng biếc đời
mùa xuân cô dâu
thi nhân chú rể

ngiên mai biển sâu
gió trái lụa mời
nghìn con nhạn sa
bài thơ thảo vội
âm ba vời vời
mấy dòng sông ngâm
chim gấm ngập lối
chúc tụng trên đồng
đưa chúng ta đi
trăng cầm sào đợi
mùa hoa một thơm
trong vòng tay nổi
em nhìn xa xôi
mắt chìm ngọc tối
anh dậy làm thơ
ngọn sao thấp vội
hai đứa chúng mình
làm cuộc trùng sinh
một trần gian mới

Ba đêm trên quê hương Bình-định

Thơ HUY-LỰC

1. — trên rừng dừa Bồng-sơn
nham nhở những hố đạn
nét sần sùi quê hương
đêm ứ đầy nước mắt
vùng sâu đắm đuối buồn
tiếng réo lạ cõi chết
niềm tuyệt vọng long lanh
đời sống xa hiu hắt
người khô đen ngọn rời
trí óc mù xa lạ
gọi thăm quê hương ơi ?

2. — trên đồng quê Tuy phước
cỏ hoang và xác người
đêm xanh xao nước mắt
mưa đen giọt tình buồn
tiếng đạn xé tuyệt vọng
sự chết bùng long lanh
lửa gò xa leo lét
chó ai tru ngoài vườn
bàn tay mù xa lạ
quờ quạng tìm quê hương.

3. — trên đồng cỏ Bình Khê
trâu bò què bị đạn
nét tàn tật quê hương
đêm mù sâu hố mắt
để kêu nức nở buồn
truông cao bờ cõi chết
hơi thở thật mong manh
lịch sử rong rêu mốc
ngựa Quang Trung đá gầy
trên đường về xa lạ
khóc thăm quê hương đây

Những ngày bỏ trống

Thúy rót cô-ca vô ly của tôi, cười hoài mà không nói gì cả. Tôi bảo :

— Nếu không thích gọi bằng cô thì lại gọi bằng cách khác. Lúc này khi đèn đỏ bật lên ở ngã tư tôi thấy chị trẻ đẹp như cô nữ sinh mười bảy mười tám tuổi, ai mà không lầm.

— Quang quá khen, đứa con tôi năm nay đã bốn tuổi rồi đó.

Thúy đưa ly lên môi trong một cái nhún dài.

Chỗ hai người ngồi là một khoảng đất rộng thoáng mát. Mới hơn chín giờ đêm mà mấy cái quán nước đã bắt đầu vắng người. Thành phố vẫn có cái vẻ khép-nép, e-ngại thường lệ từ ngày khởi đầu những cuộc pháo kích. Nhà trong phố đã đóng cửa gần hết. Bức tường vàng xám cũ-kỹ của ga Saigon thấy lờ mờ sau ba bốn cây cột đèn.

Thúy rót thêm co-ca vào ly cho tôi. Dòng nước ngọt chảy tràn qua mấy sỏi đá nhỏ trong suốt, chao đi chao lại.

Tôi cầm cái ly lạnh buốt trong lòng bàn tay và giữ chặt mãi cho đến khi cái cảm giác lạnh buốt dịu xuống dần, Thúy hỏi :

— Quang vào Saigon lâu chưa ?

— Ba năm, nhưng không có ai thân cả.

— Bây giờ ở đâu ?

— Cư xá Minh mạng.

— Nghe nói ở đó ghê lắm mà ?

— Cũng không ghê gì. Lúc trước có sinh viên tổ chức đánh nhau với cảnh-sát. Cuộc sống ở đó hỗn tạp, bừa bãi bây giờ thì khá hơn nhiều tuy vậy ở đó có vẻ biệt lập với bên ngoài quá thành thử thứ bảy, chủ nhật chúng nó xách xe đi cả ngày. Nhiều khi tôi cũng chẳng biết đi đâu, Saigon lúc này trưa thì nắng, tối thì vắng hoe. Có lúc chán không muốn đi ăn cơm nữa.

— Thì ngày nào nghỉ lại mình chơi. Mình cũng đi làm suốt tuần chỉ được nghỉ chiều thứ bảy với ngày chủ nhật.

— Còn anh ấy ?

— Sĩ-quan... nhưng Quang cứ lại chơi tự nhiên không có gì phải ngại. Năm trước tôi cũng có quen một anh học được, anh ta thi rớt rồi, hình như đã đi lính hay sao. Tôi chơi hoài. à.

Tôi nhìn người con gái-một-con ngồi đối diện. Những bện hồ như thế xảy ra rất thường. Sau một cuộc tán tỉnh thoáng qua thường thường là tôi biết thêm được một cái địa chỉ mới, có khi địa chỉ thật, có khi địa chỉ ma nhưng dù sao cũng được ghi vào sổ tay cẩn thận cho người con gái yên lòng đề rồi không bao giờ đến. Có thể Thúy đã chết chồng hay chồng đi hành quân liên miên không về hay tất cả chỉ là bịa đặt. Nhưng không quan-hệ gì. Tất cả rồi cũng chỉ còn lại cái chán ngắt nghèo nàn của một cuộc sống lẫn lộn, buồn tẻ và tôi biết rằng mình sẽ không bao

giờ đến thăm người con gái vừa gặp.

oOo

Nhưng những tối thứ bảy thường làm như vậy. Tôi đã quen với những chuyến lang thang một mình trong những ngày nghỉ, lười biếng và thiếu thốn.

Làm thẳng học trò thì chỉ có mỗi một việc là học, từ xưa nay người ta vẫn bảo như thế, nhưng đời sống bây giờ nó có khác bởi vì tụi sinh-viên lớn đầu như chúng tôi không những lo học mà còn lo bị gọi nhập ngũ, lo không biết rồi tình thế có đề yên cho mình học, mình sống không hay lỡ một mai bom đạn nó vô tình, thêm vào đó thấy tụi chính-khách chúng nó múa may làm trò khi hoài cũng giận thành ra nghỉ thôi, học làm quái gì. Thế rồi cái lười vốn là một loại vi-trùng độc hễ khi nào nó thấy « tinh thần cán-binh bắt đầu suy-sụp » thì nó bành trướng mãnh liệt làm cho trí óc nặng nề, cánh tay nhọc nhằn không lật nổi trang sách, làm cho chữ-nghia trở nên dày đặc, làm cho hy-vọng, trở thành một nghi ngờ. Và những lúc đó người ta còn biết làm gì ngoài việc đi tìm những nàng Doanh-Doanh cho dù nàng đã có một con đi nữa. Như thế vẫn còn khá hơn những buổi đi học. Vừa ăn cơm trưa xong là đã phải vội vàng đến chực ngay trước cửa cái giảng đường rộng như cái rạp hát. Đúng 2 giờ, hai cánh cửa mở ra. Tụi sinh viên chen lấn nhau ủa vào, hỗn độn như cái chợ. Những tấm thân liều bồ cũng tỏ ra quyết-liệt không kém gì nam giới, mặt hoa đỏ ửng, robe jupe cũng xạc xài, lâu lâu lại xảy ra mấy vụ cãi vả vì một bàn tay vô kỷ luật nào đó. Nhưng dân ta vốn nòi hiếu học nên mặc dù cái cảnh chen lấn vất vả như thế đã diễn ra mấy năm nay mà không ai buồn phản đối.

mãi đến khi có một nàng bị đập ngã chúi xuống đất, rớt mất lắc vàng khóc sụt sùi thì vị giáo-sư mới mở miệng phản-nàng rằng bộ Giáo-dục không chịu lo cho sinh-viên có đủ phòng học, rằng xã hội này đầy dẫy tham nhũng v.v... thầy nói một hồi lâu mới trực nhớ chiếc lắc của cô học trò vừa bị rơi mất nên thầy mới hỏi to lên rằng ai là người nhặt được chiếc lắc vàng của cô này xin đưa lại. Lập tức từ cái đám đông gần một ngàn sinh-viên ấy dấy lên câu trả lời: « Đem đến tiệm cầm đồ rồi ». Sau đó là một tràng cười tập thể làm vị giáo-sư phải bịt cả hai tai lại.

Và buổi học bắt đầu trong những tiếng quạt máy vù vù không dứt.

Cuối giờ học là lúc người ta cảm thấy nóng nực hơn cả. Vị giáo-sư ngồi ủ-rũ trên « sân-khấu » ở mãi tít đàn xa. Ông ta có vẻ đang trầm tư một điều gì thỉnh thoảng lại đưa ly nước lên môi. Bên dưới tụi sinh-viên đã bắt đầu nói chuyện. Mấy dãy ghế kê san-sát nhau mỗi lần mấy cô muốn ra ngoài thì phải lách mình đi qua trước mặt mình, khó nhọc, vướn víu, cái mông chỉ cách mặt mình có vài tấc, căn phòng lên và in rõ từng « vết hằn năm tháng ». Và bao giờ thì những món đó cũng hấp dẫn sinh-viên hơn là bài giảng của những vị giáo sư có mấy cái bằng tiến-sĩ.

Chính trong cái không khí ấy mà tôi quen Hồng, Nàng lúc nào cũng mặc mini-robe đen, mắt vẽ xếch lên, người nam mà nói giọng Bắc rất thạo làm tôi phải lằm trong buổi đầu. Tôi tán nham nhở. Cô bé cũng không vừa gì. Chiều hôm sau tôi đưa nàng về nhà, lại đem

n

hững câu chuyện cũ rích ra nói : mùa mưa ở Huế, mấy con sông con lạch, hoa lá nhảm nhí. Hồng nói đi thế này không tiện nhờ chú tôi bắt gặp thì khốn. Tôi bảo mình học cùng trường cùng lớp thì nói chuyện học hành với nhau cũng chẳng có lỗi gì. Nàng đáp. Nhưng mà anh không được theo tôi tận nhà đấy nhé. Má tôi la chết. Tôi bảo khi nào gần đến nhà thì báo động cho tôi biết để tôi chuẩn, ấy thế mà trước khi tôi chuẩn nàng còn cần thận cho một cái địa chỉ (lại cho địa-chỉ).

Đời sống thật không có gì vui. Những cuộc tán tỉnh như thế lâu rồi cũng chán ngắt, trơ trẽn và làm dịp cho mình tự khinh mình. Thế nhưng những buổi chiều ngủ dậy vẫn buồn không muốn đi ăn cơm. Tụi bạn đi chơi chưa về. Căn phòng thật bần thủ, giày vớ chúng nó vắt bừa ra trên đi-văng, trên sàn. Quần áo thì treo từng chùm như nơi hậu trường của một rap hát cải lương.

Tôi với lấy khăn lau mồ hôi chợt thấy mình gầy hơn trước nhiều quá. Phòng kế bên chúng nó đánh bạc suốt ngày. Tối nào mấy thằng y-khoa ở phòng tôi cũng phải đi chỗ khác mà học. Cứ hơn bảy giờ tối là đã nghe chúng nó vừa nói tục vừa ném bài xuống chiếu vừa la ồm tỏi nào xì, nào xập xám, cù lủ. Đến nửa đêm thì thằng bác-kỳ học được xách xe chạy về. Vừa tắt máy là nó chửi đồng : Đéo mẹ đi cả buổi mà đếch có con bò lạc nào cả. Gần sáng khi chợt thức dậy tôi hãy còn nghe nó ngâm thơ : Em ơi có tình nào đẹp cho bằng tờ giấy năm trăm. Tôi mỉm cười rồi ngủ trở lại. Sáng ra mở cửa thấy trời xanh biếc phía sau mấy vòm lá giao động, ngửa mặt lên mà huyết sáo

một bản nhạc không nhớ rõ lời. Chán rồi thì đi tắm. Khi trở vào bắc ghế ra ngồi nghe con chim hót trên cành cây đời sống bỗng chốc dễ chịu, thanh thoát như một nhà hiền-triết :

Nhất điều hoa gian minh

Tá vấn thử hà nhật ?

Xuân phong ngữ lời Oanh

Nhưng cuộc đời vốn không chịu dễ yên cho những kẻ muốn quên nó. Nó léo nhéo ngoài cầu tiêu và chửi đồng :

— Tiên-sư chúng nó, có học mà ngu như bò, ở bần như lợn. Ỉa trong hố tiêu không chịu ỉa lại cứ ỉa tràn ra. Khốn nạn lắm, chúng mày không biết công khó của tao quét dọn.

Và con chim sâu nhỏ bé của tôi cũng ngừng hót. Tôi trở vô phòng mở một cuốn sách.

oOo

Thường thì đến sáu giờ Dũng đi học về. Nghe mấy tiếng hắt hơi của chiếc vélo của nó trút ra trước cửa là tôi biết nga y. Nó là sinh-viên kỹ-sư điện năm cuối cùng, dáng người cao cao, hai tay dài như tay vượn. Chiếc vélo của nó vốn là một thứ Đông-phương Bất-bại. Cái sườn thì là sườn vélo solex nhưng guidon thì của xe goebel bánh sau là bánh xe Sach. Bộ máy xe vốn của một thằng nào đó đã vức ở gốc cây. Nó lấy về tháo tung ra chùi rửa, cho dầu mỡ cần-thận rồi mua vài bộ-phận mới thay vào những chỗ đã hư. Thế là máy lại chạy được.

Xe trông thì xấu xí nhưng được cái đức cần mẫn, nó đưa Dũng đi học mấy tháng trời mà không hề yêu sách chi cả, chỉ bậy cái là tiếng nổ không được nhu mì cho lắm, lúc nào cũng đi đà đi đạc đề rồi mỗi khi muốn dừng lại thì nó lại

thở hắt ra mấy cái rồi trút hơi thở cuối cùng không một lời di chúc. Dũng vốn hiền lành, anh hiểu tính người bạn bé nhỏ của mình và đã quen chịu đựng nên mỗi lần đến ngã tư đèn đỏ thì anh lại cần cù, cặm cúi, hì hục đạp cho xe nổ trở lại hoặc nếu cần thì nhảy xuống xe mà đẩy xình xịch cả một đoạn dài.

Cũng may chưa bao giờ nó chết máy hẳn. Dũng biết mình có duyên với nó. Đôi lúc đang đi học về nhìn xuống bộ dạng tiều-tụy, khô hôi của chiếc xe đang mệt nhọc rướn tới như một con ngựa già Dũng ứa nước mắt. Anh biết rằng trong cuộc sống nghèo khổ của mình thì nó là người bạn thân ái duy nhất. Dũng đưa tay vỗ vỗ vào yên xe, búi ngùi. Chưa bao giờ Dũng thấy kính yêu Charlot như lúc đó, cái xe của anh có đủ những cái khô hôi chua chát như tên hề Charlot trên màn bạc.

Gần tối, ở phòng ăn ra Dũng rủ tôi đi tà tà quanh quần trên mấy con đường cạnh cư xá. Hai đứa đi tới tối mịt mới về, nghe BBC rồi học. Đêm nào cúp điện thì ngồi nghe tụi cò bạc phòng bên cạnh chúng nó nói khôi hài hay ca hát vớ vẩn với nhau, nói chuyện đến khuya thì ngủ.

Vậy mà bây giờ tôi đã mất vĩnh viễn những ngày như thế. Dũng chết thật tình cờ. Đêm đó mọi người đang ăn uống. đàn địch thì nó ra đi tiểu, mặt đỏ gay vì rượu. Chúng tôi vẫn tiếp tục cuộc vui tấp nập, không để ý đến nó cho đến

khi người đàn bà dọn quyết cư-xá vừa chạy vừa la là có người chết. Chúng tôi chạy ra thì thấy nó nằm cứng đờ bên cửa phòng tắm. Mấy thằng sinh-viên y-khoa năm thứ tư, năm thứ năm xúm lại cời quần, bắt mạch... Dũng nằm trợn mắt. Trông đen chao qua chao lại. Tôi nghĩ chắc nó bị ngộ độc, đề nghị lễ thì mấy ông y-khoa vội ngăn rồi ngồi cãi nhau ỏm tỏi về bệnh trạng của nạn nhân bằng một tràng những danh từ y-khoa rắc rối. Một lúc sau tôi nghe nó nghiêng rãng treo treo. Tôi hoảng hốt nhìn đôi mắt trợn ngược của bạn vội đặt tay lên ngực nó thì cảm thấy như trái tim nó không còn đập dù người vẫn còn ấm ấm.

Đến hơn mười một giờ đêm, dường như mấy ông y-khoa vẫn chưa đồng ý nhau về bệnh trạng nên mới chờ Dũng lên bệnh-viện. Ở đó người ta ai cũng có vẻ mệt mỏi, lười biếng và lạnh lùng. Viên Y-tá trực hỏi trống một câu:

— Sao đó. Say rượu à?

Tôi giận đáp:

— Bất tỉnh. Bị ngộ độc sắp chết.

Anh ta ra hiệu cho đặt Dũng nằm trên một chiếc bàn dài trải khăn trắng. Dưới ánh điện neon hai cánh tay Dũng tái ngắt đi, xuôi xuống trong một dáng hoàn toàn buông thả. Trong giây phút tôi bỗng thấy như người ta sắp khâm liệm nó và chộp hoảng hốt. Viên y-tá

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

trực bỏ đi sang phòng khác. Tôi thở dài ngồi xuống chiếc ghế thấp, lưng tựa vào tường. Đến ba giờ sáng khi tôi đỡ chiếc khăn trắng lên thì đụng một bàn chân đã lạnh ngắt. Tôi như rớt vào hư vô. Một lúc sau cảm thấy mồ hôi tay rịn ra nhơm nhớp. Tôi nói như một tiếng khóc.

Quân chó đẻ!

oOo

Người ta đem đặt Dũng xuống huyết sâu rồi lấp đất lại, nên chặt rồi vun cao lên thành một nấm mồ, nấm mồ kín mít tối đen và dày đặc, không có một nẻo thông dù là nẻo thông về địa-ngục.

Chiều ba mươi Tết tôi tự dặn mình nhớ mua ít bánh mì và lạp-xưởng về ăn trong những ngày tết quán cơm đóng

cửa nhưng khi đi thăm một người bạn trở về thì chiếc Vélo của Dũng chết máy ở Phú - nhuận. Tôi đạp mãi mà nó không nổ, Giữa đêm cuối cùng của năm ấy tôi biết đào đâu ra một tiệm sửa xe nên tôi phải gọi xích-lô máy chở xe về cư-xá.

Sáng mồng một Tết khi trở dậy mới nhớ rằng chiều hôm qua mình đã quên mua bánh mì. Tụi sinh viên đã về quê ăn Tết hết, kể cả tụi cờ bạc phòng bên cạnh.

Ngoài phòng rửa mặt chỉ còn nghe tiếng vòi nước chảy rào rào cùng tiếng huyết sáo của một thằng nào đó vừa gõ nhịp trên cái lon sữa Guigoz nghe xa dần.

Saigon 1969
BIÊN - HỒ

CONAN

CHUYÊN TRỊ CẢM CÚM,
NHỨC RĂNG, NHỨC
ĐẦU, NHỨC BẮP THỊT,
NHỨC KHỚP XƯƠNG, PHONG THẤP.

ĐÃ CÓ BÁN :

NGUYỄN - PHƯƠNG

VIỆT-NAM THỜI BÀNH TRƯỚNG

TÂY SƠN

Bán tại Nhà sách KHAI TRÍ 62 Lê-Lợi Saigon

פניא

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Tình nhớ

(tặng bạn bè sau một ngày vui).

Đêm nay anh trở về căn phòng của một thằng bạn, anh thắp đèn sáp để viết thư cho em. Bỗng nhiên anh có ý nghĩ anh là một thằng buồn bã nhất đêm này. Đêm này có gì buồn đâu, có gì hiu quạnh đâu, vẫn có trăng sáng, vẫn những tiếng hát từ một căn nhà bên cạnh xoáy về, dập dìu. Nhưng chính anh tự dưng cảm thấy mình bơ vơ lạc lõng, anh đã trở về thành phố. Anh đã đi âm thầm trong đêm. Anh đã phóng xe Honda hết tốc lực, qua các ngã cấm, vừa lái vừa ca thật to : ngày chủ nhật buồn : ngày chủ nhật buồn. Anh nghĩ đêm này sẽ không thể nào ngủ được, nếu anh không ngồi trước bàn viết, soi mình dưới cây đèn sáp lẻ loi này. Trong căn phòng trống trải, bốn bức tường trắng, những đồng sách bề bộn, chiếc giường đóng bằng ván ép, những tiếng thì thầm của một con mối và ngoài sân Phú đang hát những ngày xưa thân ái, xin để lại cho nhau. Tất cả đều gây cho anh một niềm bứt rứt. Niềm bứt rứt đó cứ dai dẳng mãi theo những tháng năm, mà mỗi lần anh trở về thành phố, anh lại phải chịu đựng. Cách đây một giờ, anh ở một rạp xi nê với một cô gái điếm. Anh đã ngồi thu mình trong bóng tối, nghe ngóng, gặm nhấm. Ắ vẫn cười nói vui vẻ bên cạnh. Ắ vẫn làm những động tác quen thuộc. Cuốn phim tình cảm, một nữ tài tử có gương mặt giống em, cũng đôi mắt đen, cũng má hao gầy, cũng mái tóc xõa xuống, cũng những giọt nước mắt mà em đã đổ vào một ngày nào. Những giọng lệ ôi thân yêu, ngàn đời mà một người con trai sẽ nhớ mãi. Cô gái đó yêu một chàng thanh niên, đến thăm chàng một đêm mưa. Nàng đội dù dưới những hạt mưa đến cổng, thì người yêu cũng mang áo mưa, chịu lạnh đến cổng nhà nàng. Cốt chuyện tầm thường nhưng thật đẹp mà lại buồn, anh đã cúi xuống, mà nhớ em...

Khi ở rạp xi nê ra, anh nói hỏi hả với ả gái điếm : anh về trước, tối nay em ngủ với bạn anh nhé. Nói xong anh chạy xuống thang lầu. Anh đã chen giữa đám khán giả như một gã cuồng. Áo trận đã bỏ ngoài. Khẩu súng lục nhét trong túi, anh phóng từng ba cấp một. Ở đâu cũng vẫn như thế. Ở đâu cũng vẫn là con đường nhựa, ánh điện chan hòa. Ở đâu cũng là một quán cà phê và những thằng bạn anh, ngồi hút thuốc trong đó.

Nhưng ở đâu anh thấy em? Anh đi thất thểu trên hè phố rộng. Vài chiếc xích lô mời gọi. Người phu già khi nãy chờ anh và cô gái điếm, bây giờ chợt mừng rỡ. Mời cô thầy,...anh cười lắc đầu. Chỉ có một mình thầy sao? Lão cười, đôi má sâu cộp: cô đâu rồi. Anh không đáp, bàng hoàng, ngơ ngẩn trong đêm uống một cốc cà phê trong một quán ven đường, anh đã nghĩ nếu em hiểu, em sẽ thương anh hơn. Nếu em nghe những tiếng súng dồn dập, nếu em được cầm cây M16 được nằm trên đồi nghe cà-nông nhả đạn, nhìn những đốm lửa pháo kích, nghe lệnh tiếp viện, thì em sẽ hiểu. Hạnh phúc như bóng mờ, anh thì đang níu kéo, vô chộp, đang lao vào cuồng điên. Đang lẽ anh phải dừng viết những lời trên vì hiện giờ tất cả đều tầm thường ngay cả cái chết cũng vậy. Có một lần, trở về đón em ở phi cảng. Em trở lại sau hai tuần nghỉ Tết. Anh đã đứng trong nhà kiếng thu mình giữa đám hành khách để nhìn em. Tại sao anh lại không có quyền ra ngoài sân đó, để nói với em rằng những chuỗi ngày qua là những thời gian yêu dấu tha thiết nhất, vì anh mong em, nhớ em, vì lúc nào em cũng hiện bên anh, trước mặt anh, trong giấc ngủ, trong giờ dừng quân, trong lần lang thang, trong chiều uống rượu, trong đêm nằm phục kích. Thế mà anh vẫn đứng cầm nín để tìm em trong đám hành khách vừa bước xuống con tàu. Em, cười với lũ bạn trai gái. Một thằng — có lẽ là giáo-sư, mái tóc chải bóng loáng đến bên em nói vài điều, em bỗng cười rạng rỡ. Hắn xách dùm cho em chiếc giỏ mây. Anh đã chười thề, rồi buồn bã quay đi. Đến khi chợt thấy mình trong tấm kính lớn, với gương mặt đen xỉ, râu ria chưa cạo, thấy cái mũ vàng bần. Thấy cái huy hiệu thám kích trắng, thấy bộ quần áo trần bê bối, đôi giày mốc trắng thì anh mới ngượng cho chính mình. Em biết không. Ở trên đồi cao, anh đã theo dõi tin tức của em từng ngày từng giờ. Lần em về, anh đã dù từ một chiếc xe mang thực phẩm, ngồi trong một xó, trong khi trung đội còn nằm hoạt động tại một ngôi ấp: Phải về, phải về thăm em: Nhìn một lần cuối rồi cũng an lòng đi đánh giặc.. Phải về, anh đã hứa và anh đã về...

Anh đã bưng bưng n'í giận. Những tiếng cười nói riu rít ngoài sân. Những vết nắng dài đổ trên thềm, hôn trên mái tóc đen của con mèo nhỏ bé của anh. Thằng giáo sư chó chết, rồi có ngày anh sẽ gặp nó. Thành phố này, ai lại không biết anh, chỉ trừ em. Anh đã làm gì ở thành phố này, em cứ hỏi mấy tiệm cà phê, mấy quán giải khát, mấy vụ đập lộn...

Anh đã ôm vết thương vì những viên đạn cháy xéo trên da thịt, để ngỡ rằng em sẽ hiểu khi thành phố kết hoa đèn chào đón anh trở lại. Những đứa con gái choàng vòng hoa trên cổ. Những lời an ủi. Anh đã đứng trên ngọn núi cao, đây sương phủ, để ngỡ rằng sáng nay em bắt đầu mở cửa sổ, thấy những đám sương in trên dãy núi xa mà biểu anh. Anh làm bao nhiêu đó cũng chưa đủ sao...

Những bước chân đã trở về, nhẹ nhàng như một niềm yêu dấu. Anh bỗng nhiên hồi hộp lạ lùng. Tại sao em lại ngược mặt nhìn lên, gặp anh, nói anh Tân

rồi quay lại thẳng giáo sư chó chết đó. Anh Nam, đây là anh Tân, thiếu úy. người bà con của em.

Anh muốn la lên. Nói láo hả. Ai bà con cô, mà cô bảo bà con. Nhưng anh không nói, mà buồn bã bắt tay thẳng chó chết. Cái mặt trắng. hàm râu lún phún, nụ cười làm đom anh nhìn nó, quắc mắt. Nhưng nó lại bắt tay anh thật mạnh, cười khan. Anh cũng cười khan lại và hậm hực bóp tay mạnh hơn. Nó tưởng anh thân mật trong cái cử chỉ đó, nên vỗ vai. Trời, anh Tân, Mai nói đến anh luôn. Tôi từ lâu muốn thăm anh nhưng vì anh đi hoài... Nó mời một cách thật lịch sự. Mời anh Tân vào dùng một thứ giải khát và quay lại em: Mai, mời anh Tân đi.

Tự nhiên anh lại chấp nhận lời mời của nó. Đến bây giờ anh cũng không hiểu. Có thể nói là buổi trưa ấy nó vồn vã thực tình một cách đáng thương. Nó nài ép anh uống thêm một lon Ballantine, mời từng miếng thuốc. Nó hỏi thăm anh tại sao ra trường anh lại chọn đơn-vị ở một tỉnh xa xôi thế này. Anh làm bộ cười, tiếp tục nốc thêm một ngụm nữa. Ngụm này để chia xẻ nỗi buồn thêm một chút. Đó là vì em. Anh đã đi tìm em, bất cứ ở đâu, chỗ nào. Khi rời trường quân sự, giờ phút cuối cùng anh van vái được chọn trúng chỗ em ở. Và anh đã chọn đúng (tuy anh đậu gần chót).

Anh quay lại hỏi em vài câu thật ngỡ ngàng: Mai, ngoài nó bình yên không? Mưa nhiều hay ít. Đôi khi anh nhìn trộm em một cách mẫn nòng. Cổ gáy trắng, những sợi tóc mây. Cái má muốn cắn. Những ngón tay muốn ôm mà hôn. Em làm sao biết đôi mắt của anh đang rực lửa. Anh đang chờ thẳng chó chết của em có một cử chỉ nào sơ hở là anh cho nó rơi đài xuống khỏi chiếc ghế, rồi giông lên đồi mà tu cùng những ngọn tháp. Nhưng hời ơi, nó lẽ độ, mời mọc anh (lâu lâu lại nhìn em mỉm cười). Có lẽ nó ngỡ anh là thẳng anh bà con, nhiều quyền hành đối với em. Nó tán tụng anh lên mây lên gió. Nó phúi những vỏ hạt dưa trên áo trận của anh. Nó rót từng lời ngon ngọt. Còn anh thì buồn bã nhìn đôi giày trận hả hóm...

Em biết không. Anh vừa lợi gần ba chục cây số hôm qua. Máy ông nội không thấy tăm hơi, chỉ thấy toàn hầm toàn hố và giao-thông hào. Một đêm nằm trên gò kích cùng một trung đội. Sáng mai, rửa mặt bằng những giọt sương trên poncho. Sáng mai, bốn xe GMC chở đại-đội về hậu-cứ. Ở giữa đường, anh giao súng cho người lính xì-dầu, đón xe về để đón em đó. Hiệp-sĩ của lòng em đã về đó, em. Người trai kiêu hùng đã trở về rồi đó, em. Buồn cười thật. Anh uống từng ngụm đắng tê đầu lưỡi. Phi-đạo bên ngoài cửa kính chói lòa, lớp nhựa đen thẳng băng nhức nhối. Những hành khách đang ra cửa. Có vài chiếc khăn vẫy. Có một vài người cầm tay nhau. Thì Hiệp đến. Hắn vỗ vai anh, nói tự nhiên thẳng Hân chết rồi. Ở M.T. đứng mím. Lời báo cáo đó đầy ngăn ngủi của thiếu úy Hiệp làm anh choáng váng. Em thì quay mặt nhìn ra sân nắng. Tên giáo sư không đáp. Chắc hắn nghĩ đến sự vô vị

lạt lẽo của con người hắt. Anh đã bóp mạnh lon bia. Thăng Hân Maroc. Thăng Hân hiền như con gái. Những lon bia uống trong một quán cà phê có cô chủ chỉ biết ngồi suốt ngày và đêm thì biết đếm từng xấp bạc. Tao nhớ nụ cười của mày, kéo lê thê trong buổi chiều, chúng mình lái xe như bay trên con đường ven bờ biển để nhìn những tà áo sư phạm Qui nhơn phất phơ dạo mát. Anh nói với Hiệp, buồn rầu, nhưng anh đã gián tiếp nói cùng em. Hân chết chẳng biết ai tới đắp mồ, thấp nhang mà lạy. Nó hy sinh trong nỗi cô đơn buồn thảm. Tao không còn nhớ gì ở thân xác thăng Hân, chỉ nhớ dáng lúi thủi của nó trong một xó quán cà phê khi hắt về phép. Hân nói ở xa nào nước về thành phố. Nhưng khi về thì càng chán, tao sẽ không bao giờ về với lũ người bần tiện ở đây. Phải không Hiệp... phải không Mai (ngơ ngác, không trả lời). Tao mà nằm xuống, thì cũng như Hân vậy thôi.. à, càng khỏe. Mới nói xong, Hiệp vừa bắt tay từ giả thì đằng sau lưng anh, có tiếng vỗ nhẹ : Trời thăng Ba cận thị, mày ở đâu mà biệt tăm biệt tích. Anh quay đầu lại, sững sốt, muốn chết đứng, anh thốt lên : À chị, Ba Đen. Mới ra, hả chị. Anh nhìn thấy một lô gái nuôi của chị đang đứng quanh phòng. Vài cô cười Anh Ba cận-thị lâu ngày quá hen, có gì cho tụi này hông. Anh Ba cận thị, em nhớ cái kiếng của anh quá sá... Tiếng chị Ba Đen đều đều : Mày uống nước cam nghe. Chiều lên nhà tao chơi... Tao mới ra chuyển máy bay đỏ. Một quá mày ơi.

Chắc em giận anh và cho anh là một thằng phóng đảng phải không ? Anh không biết giải thích làm sao hơn. Nếu anh biết chị Ba Đen, cùng lũ gái nuôi của chị cùng đi trong chuyến phi cơ này, thì anh phải trốn rồi. Anh thấy em lấy bàn tay che mắt, lắc đầu lia lịa. Thăng giáo sư chó chết quay đầu đi chỗ khác, rồi cười cùng em. Anh giận sôi. Đến nước này, anh phóng đảng thì cho phóng đảng luôn. Anh trả thù em đó. Anh đã tát nhẹ vào má từng đứa con gái, nựng nịu : « Các em đi, anh buồn thúi ruột... Các em ơi...

Rồi em cùng thằng giáo sư chó chết hấp tấp từ giã anh đi về. Anh chợt đứng lặng lẽ, để biết rằng từ giờ phút này anh sẽ mất em.

Em tha lỗi cho anh vì những lời nói, việc làm của anh trong buổi đó. Cái buổi mà không bao giờ anh cảm thấy cô đơn hơn. Vùng trời thì mù mịt...

(Đời Thập Bách Ích Bình Định)

TRẦN HOÀI THƯ

PHÂN ƯU

Hay tin thân-phụ Thầy THANH TUỆ Giám-đốc nhà xuất bản An-Tiêm vừa từ trần tại Đà-lạt, ngày 6-4-69 (20 âm lịch Kỷ-Dậu).

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng Thầy, và cầu chúc linh hồn Cụ phiêu diêu nơi cõi Phật.

ĐÌNH CƯỜNG, BÙU Ý, TRỊNH CÔNG SƠN. DƯƠNG NGHIÊM MẬU, NGÊ BÁ LÍ, LÊ NGỘ CHÂU.

Mừng tuổi em gái

Thơ ĐÔNG-TRÌNH

(cho linh hồn Loan và Quế)

xin đặt đồng tiền lên bài vị mới
cùng với lòng anh vừa chớm trong xuân
địa ngục thiên đàng cho anh gửi tới
mừng tuổi các em chết được một năm

xin đặt áo quần vào va-li giấy
cùng với vở sách thơm tuổi học trò
các em ở đâu hãy về nhận lấy
nhìn mẹ bây giờ như chim ngọn khô

xin trồng hoa xuân lên từng nắm mộ
hoa không tàn chúc kẻ sống lâu
em tới sống lâu như cây vạn thọ
hoa và em ôi buồn như nhau

xin bọc trong hồn từng đêm tiếng khóc
khói thuốc bay tròn phổi rất từng đêm
tiếng khóc rất sâu nên ai biết được
anh khóc anh hay anh khóc em

mừng tuổi các em một bài thơ mới
mừng tuổi các em chết được một năm
quê hương chiều nay hồn bay từng sợi
ngút giữa đạn bom phảng phất hương trầm

ĐÔNG-TRÌNH

(30 tháng Chạp Mậu-Thân)

Nhà VÀO ĐỜI vừa xuất bản cuốn :

CON ĐƯỜNG HÀNH ĐỘNG

— Chính là cuốn Principes pour l'action của nhà tư tưởng nổi danh Lebret.

— Cuốn sách hứa hẹn những thay đổi lớn cho chiều hướng sống và hành động, lãnh đạo và hợp tác giữa dân tộc Việt xáo trộn hôn nay.

— Sách được tái bản 4 lần bằng Pháp ngữ và được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Bạn không thích tìm kiếm, suy tư, thay đổi và cầu tiến, xin đừng đọc CON ĐƯỜNG HÀNH ĐỘNG.

tiếng hát mẹ cha tôi yêu nòi giống
tiếng hát lịch sử tôi yêu đất đai
tiếng hát thiên nhiên tôi yêu nhân loại
tiếng hát trái tim tôi yêu người tình...

NHƯ NƯỚC TRONG NGUỒN

Tập thơ TRẦN THỊ TUỆ - MAI, bìa Thái-Tuấn, cơ-sở VĂN vừa phát hành năm ngàn cuốn, dày 136 trang, giá 30đ

Đã phát hành :

DẤU NGỰA HỒNG

*Tiếng thơ của những người trẻ sanh trưởng
miền cửa biển Phan Rí*

* MT XUÂN DIỄM * LÊ ĐÌNH THỤY * SONG LÊ THU
* CUNG TRẦN * THANH HUỲNH * CAO NHẬT VŨ
* HÀN SA * TÔ DUY BĂNG THẠCH * NH QUY
* NGUYỄN NHƯỘC THẢO TRIỀU * THY VŨ HÀ NHƯ
* NGUYỄN LỆ TUÂN.

Địa chỉ liên lạc : Nguyễn Lệ Tuân
12 Quang Trung Phan Rí.

ĐÓN ĐỌC VÀO HẠ TUẦN THÁNG 4-1969

TẠP CHÍ SÁNG TÁC VĂN NGHỆ :

MẶT ĐẤT số 2

TÔ THUY YÊN, trích Mười Lăm Năm Thi Ca Miền Nam của Nguyễn Đức Sơn • THƠ của Lê văn Ngăn, Hoàng Ngọc Châu, Trần thị Liên Nhụy, Phùng Khánh, Đặng Tấn Tới, Tôn Nữ Minh Ngọc, Trần xuân Kiêm, Thái Ngọc San, Nguyễn Đức Sơn • TRUYỆN NGẮN của Nguyễn Đức Sơn • NHỮNG ĐOẠN VĂN RỜI trích thơ văn độc giả • ATTENTE D. DIEU của Simone Weil, trích bản dịch Phùng Thăng.

Thư từ liên lạc gửi : Công Tằng Tôn Nữ Phùng Thăng, giáo sư Nông Lâm Súc Blao, nhờ trao lại Nguyễn Đức Sơn.

Thời-sự thế-giới

● THẾ-NHÂN

L. T. S. *Bạn Từ-Trì vẫn phụ trách mục này hiện đương theo khóa huấn luyện quân sự 9 tuần tại Quang-Trung nên bạn Thế-Nhân phải tạm thay đề mục « Thời sự thế giới » khỏi bị gián đoạn quá lâu. Sau thời gian nói trên, bạn Từ Trì lại sẽ tái ngộ bạn đọc trên mục quen thuộc này của quý bạn.*

Hồi-quốc : Tổng-thống Ayub Khan từ chức.

Sau hơn mười năm cầm quyền, Tổng-thống Mohammed Ayub Khan đã phải tuyên bố từ chức, nhường quyền lãnh đạo quốc-gia cho-quân đội, dưới sự lãnh đạo của tướng Yahia Mohammed Yahya Khan, Tổng-tư-lệnh quân lực Hồi-quốc.

Nguyên nhân chính của sự từ chức là những vụ nổi loạn trong 5 tháng gần đây tại Đông-Hồi. Dân Đông - Hồi bất mãn vì bị chính phủ bỏ rơi suốt trong mười năm qua, đã biểu tình nổi loạn bắt giết hơn 200 viên-chức cùng những nhân vật thân chính-phủ, và đòi ly khai khỏi Tây-Hồi để thành lập một quốc-gia liên kết. Nếu vậy quyền lực của chính quyền trung ương sẽ giảm đi nhiều và có thể sẽ bắt nguồn cho những phong-trào ly khai khác ngay tại Tây-Hồi.

Theo một số các bình-luận-gia khác, nguyên nhân sự từ chức của Tổng-thống Ayub Khan không phải chỉ do sự kỳ-thị địa-phương mà còn do ở nhiều yếu tố chính-trị và kinh-tế khác nữa. Phần lớn dân Hồi bất mãn với chính sách « dân chủ căn-bản » của Tổng-thống Ayub Khan trong đó chỉ có

120.000 người được quyền thay mặt cho 128 triệu dân để bầu dân biểu Quốc-hội và bầu Tổng-thống. Về mặt kinh tế, tuy Hồi-quốc đã có những tiến triển đáng kể từ khi Ayub lên cầm quyền, nhưng phần lớn những tài-nguyên của quốc gia lại tập trung vào tay một số nhỏ các đại kỹ-nghệ-gia, các công-chức và quân nhân cao cấp, trong khi đó mức sống của đa số dân chúng vẫn không thay đổi. Thêm vào đó lại có dư luận là họ hàng bà con của Ayub đã lợi dụng danh nghĩa của Tổng-thống để làm những công việc kinh-tài mờ ám.

Trước những sự bất ổn và bất mãn ngày càng gia tăng đó, Ayub Khan đã phải nhượng bộ, hứa sẽ thiết lập lại chế-độ phổ-thông đầu phiếu và chế độ lương-viện. Đồng thời ông cũng đã công bố, quyết định sẽ không ứng-cử lại khi hết nhiệm kỳ. Nhưng những nhượng bộ đó thay vì làm cho phe đối lập hài lòng lại khuyến khích họ gia tăng áp lực và phát động những cuộc biểu-tình và đình công làm tê-liệt cả cuộc sống kinh-tế và hành-chánh.

Rốt cuộc, Tổng-thống Ayub Khan đã phải trao quyền cho quân đội để văn hồi an-ninh và trật-tự. Công việc đầu tiên của tướng Yahia Khan là ban bố tình

trạng thiết quân-luật, trừng phạt nặng nề những kẻ gây rối. Đồng thời, ông tuyên bố sẽ cố gắng tái lập những điều-kiện thích-hợp cho việc thiết-lập một chính-phủ dân-sự hợp-hiến.

Hoa-Kỳ : Chính phủ Nixon xác định chính sách về chiến tranh Việt nam.

Từ ngày nhậm chức, Tổng-thống Nixon đã cố ý không tuyên bố rõ rệt về thái-độ của ông đối với vấn-đề kết thúc chiến-tranh Việt-Nam. Trong khi đó các cộng-sự-viên của ông tại Tòa Bạch-ốc và các giới lãnh-đạo quân-sự chính trị Mỹ tại Saigon cũng như Hoa-thịnh-đốn đã duyệt lại cục-diện chiến-tranh để tìm một đường lối mới. Trong hai tuần vừa qua, đã có các cuộc hội kiến giữa Tổng-thống Nixon và các cộng-sự-viên như Ngoại-trưởng William P. Rogers, cố vấn về an ninh quốc-gia Henry A. Kissinger, đại-sứ Ellsworth Bunker và tư-lệnh phó quân lực Mỹ tại Việt-nam, tướng Andrew Goodpaster, tại San Clemente, California để quyết định chính sách. Sau đó chính-phủ Hoa-kỳ đã tuyên bố sẽ không kết thúc chiến tranh Việt-nam bằng giải pháp quân sự mà bằng các phương sách hòa-bình. Ngoại-trưởng Rogers tuyên bố Mỹ sẽ triệt thoái quân-đội trong thời-gian ngắn nếu Bắc-Việt có hành động tương tự.

Việt-nam : Tổng thống Nguyễn-văn-Thiệu xác-định lập-trường thương-thuyết

Trong khi đó tại Việt-nam, Tổng-thống Nguyễn-văn-Thiệu tuyên bố sẵn sàng đàm phán riêng với Mặt-trận Giải-phóng, nếu họ muốn. Tuy nhiên Tổng-thống Thiệu nhấn mạnh rằng Việt-nam Cộng-hòa sẽ không chấp nhận cho Mặt-trận Giải-Phóng vào một Chính-phủ liên-hiệp và cũng không cho

phép đảng Cộng-sản tham dự vào các cuộc bầu-cử. Và để làm sáng tỏ lập-trường một lần nữa, trong bản thông-diệp đọc trước Lưỡng viện ngày 7-4-1969, Tổng-thống Thiệu đã trình bày 6 điểm căn bản đề văn hồi hòa bình. Đó là :

— 1. Cộng-sản phải, chấm dứt xâm lăng.

— 2. Cộng sản phải triệt thoái tất cả bộ đội và cán bộ của Bắc Việt cũng như của lực lượng phụ-thuộc của họ ra khỏi lãnh thổ Việt-nam Cộng-hòa.

— 3. Cộng sản Bắc Việt không được vi phạm lãnh thổ các quốc-gia láng-giềng của Việt-nam Cộng-hòa, dùng các nơi đó làm căn-cứ và vùng tập-trung để xâm lăng Việt-nam Cộng-hòa.

— 4. Việt-nam Cộng-hòa áp dụng chính sách hòa-giải quốc-gia và Đại đoàn-kết Dân-tộc.

— 5. Việc thống-nhất hai miền Việt-nam sẽ được định đoạt do sự lựa chọn tự do của toàn dân Việt-nam bằng các phương-thức dân-chủ.

— 6. Cần phải có một hệ thống kiểm soát quốc-tế hữu hiệu và những bảo đảm quốc-tế đáng tin cậy để chống lại việc Cộng-sản tái xâm lăng.

Và để thống-nhất ý chí và hành động của toàn dân, Tổng-thống Thiệu tuyên bố đích thân đứng ra tập hợp các lực lượng chính trị thành một khối duy nhất. Đồng thời Tổng thống cũng kêu gọi những ai không tán đồng chính sách của chính phủ cũng tập hợp, tổ chức thành một lực lượng đối lập.

Nếu những cố gắng tập hợp đó thành tựu thì người ta sẽ thấy xuất hiện chế độ lưỡng đảng trên chính trường Việt-nam.

THẾ-NHÂN

TIN KHOA-HỌC

Lục Địa trôi

Từ lâu các nhà khoa học đã nhận thấy các lục địa không đứng yên một chỗ mà lại di động luôn (BK TĐ. đã nói đến trong mục này). Các lục địa hai bên bờ Đại tây dương thì ngày càng xa nhau còn các lục địa hai bên bờ Thái bình dương thì lại càng ngày càng sát gần nhau. Dường như ở giữa lòng Đại tây dương có một sức đẩy huyền bí nào đó làm cho cả khối lục địa phải lay chuyển. Các nhà khoa học cho rằng lục này phát sinh ra do ở chỗ lòng bể Đại tây dương càng ngày càng lan rộng. Sự lan rộng này bắt nguồn từ một vết nứt khổng lồ ở đáy Đại tây dương, chạy dài từ Bắc xuống Nam. Các phún xuất thạch từ lòng đất đã theo vết nứt này thoát ra ngoài, nguội đi, rắn lại và đẩy các lớp đất cũ sang hai bên. Đó là thuyết đại dương mở rộng.

Những khám phá mới đây của chiếc tàu nghiên cứu Glomar Challenger đã tìm ra những bằng chứng cụ thể chứng minh cho thuyết đó : Được trang bị bằng máy khoan tương tự như máy khoan giếng dầu hoả, tàu Glomar Challenger đã đi dọc theo vết nứt ở giữa Đại tây dương từ Bắc xuống Nam để thăm dò đặc tính và ước lượng tuổi của lớp thủy-tra-thạch ở đáy bể. Các lớp thủy-tra-thạch đã được khoan lên ở những chiều sâu tới gần 1000 thước dưới đáy bể. Quan sát các di tích thực vật và động vật

lẫn trong thủy-tra-thạch các nhà khoa học có thể suy ra tuổi của lớp đất được đào lên. Các nhà khoa học thấy rằng dọc theo vết nứt, lớp thủy-tra-thạch chỉ dày có 300 thước và lâu khoảng 18 triệu năm. Trong khi đó, ở cách vết nứt độ 800 cây số, lớp thủy-tra-thạch lại dày tới 500 thước và lâu khoảng 85 triệu năm. Điều đó chứng tỏ phún-xuất-thạch thoát ra từ vết nứt đã đẩy các lớp thủy tra thạch cũ sang hai bên. Sức dồn ép đã khiến cho các lục địa di chuyển đúng như các ước đoán của thuyết lục-địa trôi và thuyết đại-dương mở rộng.

Ngủ nhiều chết sớm

Những phác giác của cuộc điều tra mới đây của American Cancer Society (Hội Nghiên cứu Ung thư Hoa kỳ) đã làm cho các vua đại lãn lo mất ngủ.

Theo cuộc điều tra năm 1959 của Hội với một triệu dân Mỹ từ 40 đến 75 tuổi, mà chưa mắc bệnh tim, thì từ đó đến nay số người ngủ trên 10 tiếng một ngày chết vì bệnh đau tim gấp đôi số người chỉ ngủ 7 tiếng trong một ngày. Số người ngủ nhiều cũng chết về bệnh đứt mạch máu gấp ba lần rưỡi số người ngủ ít. Tuy nhiên các bác sĩ cũng chưa dám cả quyết là những người đó có bệnh vì ngủ nhiều hay ngủ nhiều vì có bệnh. Rất có thể vì ngủ nhiều quá nên máu chạy chậm lại, do đó dễ bị tắc mạch máu ở tim và óc. Nhưng cũng rất có thể ngủ nhiều là vì các mạch máu đã bị nhỏ lại

lại khiến cho máu khó lưu thông lên đầu và làm cho người sinh ra buồn ngủ.

Cuộc điều tra nói trên cũng đánh đổ quan niệm thông thường cho rằng những người làm việc mệt nhọc, tinh thần căng thẳng thường hay chết về bệnh đau tim nhiều hơn là người sống nhàn tản. Những tài liệu thu thập được cho thấy số người dẫn thân bận rộn lại chết về bệnh đau tim ít hơn là những bậc tiêu dao thoát tục.

Radio gấp bỏ túi

Trong tương lai gần đây dân ghềnh radio sẽ khỏi cần xách cái radio theo mình nữa mà sẽ ... gấp nó lại, bỏ vào túi như cái khăn tay. Đó là nhờ một loại pin giấy đang được các hãng Philips và Westinghouse nghiên cứu đề tung ra thị trường. Pin giấy mỏng như lá bài gồm có bốn lớp: một lớp kẽm hoặc magnésium, một lớp thấm các tinh thể muối, một lớp tẩm persulfate de Potassium và than, và sau cùng là một lớp giấy dẫn điện. Loại pin này sẽ rẻ hơn và bền hơn loại pin hiện có. Chỉ cần chế ra được một loa phóng thanh mỏng như tờ giấy là ta có thể làm được loại radio khăn tay gấp bỏ túi.

Lột lông cừu

Để lấy lông cừu làm len, hiện nay người ta vẫn phải dùng phương pháp cổ điển là dùng tông-đơ để hót như

hót tóc. Với phương pháp đó một người thợ chuyên môn có thể hót xong một bộ lông cừu trong ba phút. Một khám phá mới đã giúp cho bất cứ người nào cũng có thể lột xong được bộ da cừu trong thời gian kỷ lục đó. Một nhà sinh-vật-học tên là Clair E. Terrill đã nảy ra ý nghĩ lột lông cừu trong khi thí nghiệm với vài loại thuốc trừ ung thư. Ông nhận thấy vài loại thuốc có đặc tính làm ngưng sự sinh trưởng của tế bào ở chung quanh chân lông của vật thí nghiệm. Trộn với thức ăn cho cừu, thuốc sẽ có hiệu lực trong 24 tiếng làm ngưng sự sinh trưởng của tế bào ở chung quanh lỗ chân lông, ngay dưới da; và làm cho lông chỗ đó nhỏ hơn các chỗ khác. Độ bảy ngày sau, khi chỗ lông bị ngấm thuốc mọc ra ngoài, ta có thể nhổ một cách dễ dàng. Bằng phương pháp này người ta có thể lột cả bộ lông cừu dễ như lột một lớp băng dính.

Hiện nay loại thuốc này hãy còn trong vòng thí nghiệm để xem có các hậu quả khác có hại cho cừu hay cho len không. Nhưng nếu được áp dụng, nó sẽ làm giảm giá len rất nhiều. Tiền công của một người thợ hót lông cừu hiện nay khoảng 2000đ. một giờ, trong khi đó, với phương pháp mới, người ta có thể dùng một người thợ không chuyên môn để lột lông cừu với tiền công khoảng 400đ. một giờ.

NGỌC

THỜI-SỰ VĨNH-NGHỆ

Di cảo của Boris Pasternak.

Một lần nữa, Tây phương lại tiếp tay với B. Pasternak.

Lần trước, cuốn *Bác sĩ Jivago* nếu không lọt qua Ý, không được in lậu,

không được đọc lậu ở Thụy điển, thì B. Pasternak đã trải qua tuổi già trong lặng lẽ cô tịch, thì Nga-xô đã mất đi một giải Nobel.

Lần này, lại một tạp chí Ý, tờ

Il Drame, có công giới thiệu với thế giới một tác phẩm nữa của B. Pasternak : cuốn *Người đẹp mù*. Bản thảo của tác phẩm này bị nhà cầm quyền Nga-xô tịch thu, tiêu hủy. Nhưng một bản sao đã lọt qua Ý, vào tay của Gian Carlo Vigorelli, chủ nhiệm tờ *Il Drame*.

Lần lượt, những tác phẩm quan trọng nhất của văn chương Nga ngày nay, của B. Pasternak, của A. Soljenit-syne v.v... đều ra đời tại các nước Tây phương. Có lẽ, rồi đây thanh niên Nga muốn hiểu biết về nền văn học hiện đại Nga, trước hết cần phải học ngoại ngữ. Ít nhất là tiếng Ý.

Hai mẫu chuyện

Nhà văn Hung gia lợi Bodigear, năm 1956, tham gia cuộc khởi nghĩa Budapest bị Nga bắt giam. Sau này Bodigear kể rằng có một hôm viên sĩ quan Nga canh gác ông ta đã vừa cười vừa nói thẳng vào mặt nhà văn Hung gia lợi rằng : Khi nào tôi tép nhảy lên trên gác chuông nhà thờ và hát vang trên đó, khi ấy chúng tôi mới rút khỏi nước ông.

Có người đem chuyện ấy kể lại cho Edouard Goldstucker, Chủ tịch Hiệp-hội nhà văn Tiệp-khắc, ông này lắc đầu : Trường hợp xứ tôi thì khác, đâu có được. Chúng tôi không chịu thế đâu.

Tuy vậy, không chịu cũng không được. Hiện nay nghe nói ở Tiệp-khắc còn loan truyền một mẫu chuyện mỉa mai hơn. Chuyện kể rằng một hôm Dubcek hỏi đức Giáo hoàng : «Ngài làm ơn mách tôi một lối thoát ». Giáo hoàng trả lời : « Vâng. Tôi có hai lối : một lối tự nhiên, một lối siêu nhiên. » Dubcek thưa : « Tôi là người mác-xít, tôi xin chọn phương cách tự nhiên. » Đức Giáo hoàng mách : « Thế thì hãy xin thánh Michel lãnh đạo một triệu thiên thần đổ bộ vào Tiệp-khắc để

đuổi quân Nga đi... ». Dubcek vội vã nói : « Nếu vậy xin ngài cho biết phương cách siêu nhiên ». Giáo hoàng bèn đáp : « Giản dị lắm. Chỉ cần quân Nga trở nên biết điều và tự động rút lui. »

Bệnh... bách khoa

Chứng bệnh ấy người Pháp đặt tên là *encyclopédite*. Một chứng bệnh mới toanh. Triệu chứng : ham đọc cái thứ tạp chí bách khoa, nghĩa là những tạp chí phổ thông kiến thức.

Người ta nghiệm thấy loại báo đó ăn khách quá đáng, ra đời liên tiếp. *Alpha, Tout l'univers, Les chefs-d'oeuvre de l'art, Les grands musiciens, Le million, Clefs des connaissances* v.v...

Những tờ *Alpha, Le million, Clefs des connaissances* đều ấn hành mỗi tờ vào khoảng trên dưới nửa triệu số mỗi kỳ. Như vậy đủ biết số người khao khát học hỏi ở Pháp đông đảo tới bậc nào.

Và trông coi những tạp-chí như thế là những tên tuổi như : Louis Armand, Jean Rostand, Alfred Sauvy, Maurice Genevoix, Pierre Kister...

Chủ bút tạp chí *Clefs des connaissances* phát biểu về chủ trương của mình : tránh từ ngữ chuyên môn. Kiến thức chuyên môn phải được diễn tả bằng ngôn ngữ thông dụng, cho ai nấy đều hiểu.

Người ta cho rằng kỹ thuật càng nhờ khoa học mà phát triển, thì giờ lao động của con người càng thu ngắn, thì giờ nhàn rỗi càng thừa thãi, thì sự khao khát kiến thức càng tăng gia. Như vậy bệnh bách-khoa là một căn bệnh mới của thời đại văn minh. Bệnh bách-khoa của thời đại, nói tắt là bệnh... bách-khoa thời-đại

Người thanh niên thuở trước

Dĩ nhiên người thanh niên thuở trước

hiện nay phải thành ra một ông cụ già.

François Mauriac già khú đế, sau bao nhiêu năm nghỉ sáng tác, bỗng trở lại viết tiểu thuyết, và vừa cho xuất bản cuốn *Un adolescent d'autrefois*. Cái « thuở trước » của Mauriac là một thuở xa xôi lắm lắm : tiền chiến, nhưng không phải là trước cuộc đệ nhị thế chiến, mà là trước đệ nhất thế chiến kia !

Bởi vậy, dư luận cho rằng đọc tiểu thuyết muộn của F. Mauriac không hứng thú gì cả. Trái lại, đọc những trang tạp ký hàng tuần của ông trên *Le Figaro littéraire* thì lại thú. Con người sáng tác nơi ông đã lạc hậu cũ kỹ rồi, nhưng con người ký giả nơi ông lại vẫn sắc bén. mỗi ngày mỗi quắc thước thêm.

Vonnegut... Ai vậy ?

Đó là tiểu thuyết gia được giới trẻ hâm mộ nhất ở nước Mỹ hiện nay. Giới trẻ nổi loạn.

Tác giả ấy không mấy trẻ : 46 tuổi. Tuy vậy, cũng như H. Marcuse, ông được lớp thanh niên chống đối hoan nghênh. Tác phẩm của ông được đưa vào chương trình đại-học ở Harvard.

Thi sĩ Charles de Gaulle

Trong những ngày khủng hoảng hồi tháng 5-1968, De Gaulle đột nhiên mất tích mấy giờ đồng hồ. Ông ta không có mặt ở điện Elysée, cũng không có ở tư gia tại Colombey-les-Deux-Eglises. Tổng thống Pháp đi đâu ? Cả một bí mật.

Philippe Alexandre, trong cuốn *L'Elysée en péril*, đã theo dõi những giờ bối rối của De Gaulle. Trong lúc lâm nguy, đột nhiên De Gaulle bay sang Đức, gặp tướng Massu, bàn bạc với

nhau những gì chẳng ai rõ. Mấy giờ sau, De Gaulle bay về, tinh thần đổi khác. Ngồi trên trực thăng, giữa tiếng máy nổ ồn ào, Tổng-thống Pháp bỗng cất tiếng ngâm thơ. Rồi ông ta quay sang hỏi người sĩ quan cận vệ :

— Flohic, anh biết mấy câu thơ ấy của ai không ?

— Thưa đại tướng... tôi không được biết.

— Không có gì lạ. Thơ tôi đấy.

Chiến sĩ Herbert Marcuse

Nhà Minuit lại vừa xuất bản một tác phẩm của Herbert Marcuse : cuốn *Vers la libération. Tiến về cuộc giải phóng*. lời hô hào của triết gia lần này đông đặc, hùng hổ như của một chiến sĩ cách mạng.

Mà quả thực lần này H. Marcuse kêu gọi làm cách mạng : lật đổ xã hội xa hoa phong phú của nước kỹ nghệ Âu Mỹ. Như thế thì còn khuya cách mạng mới thành công, chiến sĩ ạ. Cách mạng mà chống nghèo đói thì mới lắm kẻ tham gia, chứ cách mạng mà chống thừa thãi thì kết nạp đồng chí vất vả lắm.

Một câu quảng cáo trên báo Times

Báo *Times* ở Anh cách đây mấy tháng có đăng quảng cáo của một hãng y phục nọ cần tìm người thật xấu. Hãng cần thuê người thật xấu để làm mẫu, mỗi giờ 75 quan.

Ban đầu tưởng là chuyện đùa. Nào ngờ rốt cuộc có độ 1.000 ứng viên, và 150 được chọn. Họ đã mặc đồ vào người làm mẫu, và kết quả mỹ mãn : hàng bán chạy.

Nhóm quảng cáo *Ugly* gồm bốn người trẻ tuổi, họ giải thích chủ trương của

họ một cách thông minh. Tại sao cứ trình bày mãi hạng người mẫu tuyệt mỹ? Những cô đẹp như tiên ấy cách biệt phàm nhân, cách biệt người khách hàng trung bình. Ấy là những giấc mơ, đấy không phải là thực tại. Khách hàng không có hy vọng giống người mẫu quá đẹp. Hãy hạ thấp người mẫu xuống quá mức trung bình: thứ y phục mà người xấu mặc coi được thì hẳn nhiên là khách hàng nào cũng chắc chắn là mình mặc vào sẽ bảnh bao.

Hơn nữa từ ngày có T. V. người ta quen trông thấy hàng ngày trên màn ảnh những khuôn mặt thợ thuyền, lao động, tài xế v.v. . Quảng cáo người mẫu ra khỏi quần chúng, như một bất ngờ xa lạ.

Một cái cách của báo L'Express.

Báo L'Express khoe rằng họ vừa làm một việc không tiền trong làng báo Pháp quốc. Họ vừa công bố một bản Hiến-ước và một tờ Hợp-đồng mới, sẽ áp dụng từ đầu tháng 4-1969.

Các tài liệu này biểu hiện một tinh thần dân chủ thật là tiến bộ. Quyền chỉ huy tờ báo không còn thuộc về những kẻ bỏ vốn nữa, mà phải chia xẻ quyền ấy với bộ biên tập, với các ký giả. Một tờ báo phát đạt hay suy sụp không phải nhờ vốn liếng của các ông chủ, mà phần lớn là nhờ trí óc của các ký-giả cộng tác. Bởi vậy, quyền hành và lợi tức phải chia nhau cùng hưởng giữa kẻ bỏ vốn và người bỏ trí óc.

Quyền định đoạt các vấn đề trong tờ L'Express thuộc về một Ủy-ban chấp-hành, được bầu ra. Còn lợi tức, cuối mỗi năm, sẽ tính toán minh bạch, có phần chia ngay cho các nhân viên, có phần cho vào quỹ tiết kiệm của nhân viên.

Tòa soạn báo L'Express vừa công bố các tài liệu nói trên vừa bảo rằng không có ý đề nêu gương cho ai. Nhưng kỳ thực thì xem chừng họ có... nêu gương!

TRĂNG THIÊN
IV-69

oOo

Sách khoa-học

Những sách văn-học, những sáng tác văn-ngệ thường được xuất bản dồi dào nhưng sách khoa-học thì thật là hiếm. Có lẽ sách khoa-học bán chậm hơn những loại khác chẳng. Bởi vậy cuối năm 68 và đầu năm 69 người ta rất vui mừng thấy Cơ-sở Phạm-Quang-Khai đã cho ra liên tiếp được 3 cuốn sách khoa-học: 2 cuốn đầu của ô. Võ-quang-Yến, Tiến-sĩ khoa-học, là cây bút quen thuộc của bạn đọc Bách Khoa: « Nói chuyện khoa học » và « Vũ trụ và không gian » gồm những bài viết về các đề tài thời sự, trình bày những

khám phá trong các địa hạt vật lý, hóa học, sinh vật học, y học, địa chất học... những bước tiến của khoa học không gian trong mười năm vừa qua. Cuốn thứ 3 mới đây, mang tên: Bí mật vũ trụ, của ô. Trần-Kim-Thạch, giáo sư Đại học Khoa học Saigon. Nếu 2 cuốn sách của ô. Võ-quang-Yến gồm những đề tài riêng biệt thì cuốn « Bí mật vũ trụ » dẫn người đọc du hành từ địa cầu qua các tầng khí quyển lên Cung trăng, Hỏa tinh, các hành tinh trong Thái-dương-hệ, rồi tới mặt trời; Từ đó lại đi thăm các vì sao trên dải ngân hà và tìm về nguồn gốc cùng tương

lai của vũ-trụ. Sách viết lời cuốn làm người đọc tưởng như xem một truyện khoa học giả-tưởng, có thể mãi mãi mà đọc từ đầu đến cuối. Giáo-sư Trần-Kim-Thạch, Tiến-sĩ khoa học tại Anh quốc, là Trưởng ban Địa-chất-học tại Đại-học Khoa-học Saigon. Ông còn là Tổng-thư-ký Ủy-ban Quốc-gia về Địa cầu Vật lý và Trắc-địa-học, là hội viên của nhiều Hội nghiên cứu Quốc tế nữa.

Trước đây ông đã chủ trương một nguyệt san khoa học mang tên là : « Khoa học và đời sống » trình bày những phát kiến khoa-học mới mẻ trên thế giới và những khám phá trong các ngành khoa-học tại Việt-Nam. Tiếc rằng một tờ báo hữu ích như vậy lại không được giới thiệu và phổ biến rộng rãi, cũng không có một tổ chức hay tư nhân nào bảo trợ, nên mặc dầu Bộ biên tập có rất nhiều thiện chí, tờ báo cũng chỉ ra được vài số.

Tiếp theo cuốn « Bí mật vũ trụ » ông Trần-Kim-Thạch còn sẽ cho ra cuốn « Lịch-sử địa-cầu » nói về Địa-sử-học, về nguồn gốc sinh vật, nguồn gốc con người và tương lai của trái đất mà ta đang sống.

Ngoài ra ông còn cuốn « Từ - điển căn-nguyên khoa-học » (Dictionnaire des Racines Scientifiques) dùng cho các ngành : Toán, Lý, Hóa, Sinh, Địa, Nông-lâm-súc, Y, Dược và Kỹ-thuật chuyên - khoa, rất cần thiết cho sinh viên, mà ông chưa quyết định trao cho nhà xuất bản nào.

Cũng trong lãnh vực khoa học này, cuốn « Giấc mơ của Đá », một truyện khoa học giả-tưởng của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn mang một triết lý sâu sắc đã làm người đọc rất thích thú.

Sách Triết.

Một cây bút không xa lạ gì với bạn đọc Bách-Khoa là Linh mục Trần Thái Đình với bút hiệu Trần-Hương-Tử đã viết loạt bài về Triết học Hiện sinh trên Bách-Khoa vào các năm 1961-62 và gần đây những bài về quan niệm Cơ-cấu, mới cho ra cuốn *Triết học Kant* (cơ sở Phạm-Quang-Khai xuất bản) hơn 350 trang, rất đầy đủ và công phu, một tài liệu thực quý giá cho những sinh viên và các bạn đọc tìm hiểu Triết học. L. m. Trần Thái Đình cũng là tác giả những cuốn : *Triết học nhập môn* (Ra khơi) *Triết học hiện sinh* (Thời mới) *Hiện tượng học là gì ?* (Hướng mới) và dự định sẽ ra một loạt sách, cỡ sách bỏ túi, thuộc tủ sách « Hướng mới » nhằm phổ biến những kiến thức căn bản về triết-học và khoa-học nhân-văn : *Tâm phân học là gì ?* *Biện chứng-pháp là gì ?* *Ngữ học là gì ? Dân tộc học là gì ?* v v.

Kỳ thư ?

Đó là nhận xét của nhà văn Nguyễn Hiến Lê đối với tập « Qê hương » ... do Nguyễn Ngu Í, Ngê Bá Lí, Tân Fong Hiệp chủ trương, nhà xuất bản « Núi-Cú Hòn-Bà » ấn hành. Theo cách viết của người chủ trương « i » cụt của tạp chí Bách-khoa thì « kỳ thư » phải viết là « ci thư » và người ta đã đọc thấy « Lời giới thiệu » của ô. Nguyễn Hiến Lê về cuốn sách đó như sau.

« Chúng ta có thói quen đọc sách chỉ đề hiệu một truyện hoặc đề hiệu một hệ thống tư tưởng, ít khi tìm hều tấm lòng của tác giả. Tôi không chắc rằng có nhiều độc giả thích cuốn « Qê-Hương... » này, nhưng riêng tôi, tôi cho nó một ci thư chưa hề thấy trong

văn học Việt-nam, và tất cả những bạn của anh Nguyễn-Hữu-ngư tất đều phải nhận như tôi rằng, cuốn này biểu lộ rõ nhất—tuy chưa hết—tâm hồn khả ái và cái tình dào dạt của anh. Người sau có muốn chép lại đời anh. một đời đau khổ nhất mà cũng đặc biệt nhất trong giới văn nghệ sĩ hiện đại—tất phải dùng nó làm một trong những tài liệu chính ».

Anh Nguyễn Ngu Í trong khi chạy in cuốn « Qê hương » tập A này thì bệnh lãng trí của anh lại trở lại, và cho tới khi cuốn sách thành hình, phát hành khắp mọi nơi, anh vẫn chưa khỏi bệnh, nhất là vì anh cũng đã quá khó nhọc với đứa con tinh thần của anh.

Viết về tâm trạng người chủ trương « Qê Hương », ông Nguyễn-Hiến-Lê đã nói rất đúng : « Anh cảm phần xã-hội, anh cảm phần thời đại, anh cảm phần mọi người. Anh nhiều lí tưởng, nuôi nhiều mộng cao và đẹp mà gặp toàn những điều bất như ý, cứ phải cố nén xuống và sức nén càng mạnh thì sức bùng ra cũng càng mạnh ».

Lúc này « sức bùng ra » vẫn chưa nén lại được nên Ngu Í đã « đại náo » hết nơi này đến nơi khác... Các bạn đọc mến người phỏng vấn kiên nhẫn của tạp chí Bách-Khoa đã hết lòng cầu mong cho anh chóng trở lại bình thường để có thể xuất bản nốt « Qê Hương » tập Z như anh hằng mong mỏi.

Ốm đau vì sách

Bà Mộng-Trung, tác giả những bài « Nhạc Việt xứ người », đã thuật lại trên Bách-Khoa từ nhiều năm nay, dưới hình thức những lá thư hải ngoại, những buổi giới thiệu và trình diễn nhạc Việt khi thì ở Bruxelles, lúc ở Hambourg, lúc ở Luân Đôn...

Vào cuối năm 1965 Bà Mộng Trung có khởi đăng trên Bách-Khoa một thiên điều tra về « Hôn nhân dị chủng » mà Bà đã gom góp tài liệu từ trước đó. Bắt đầu viết loạt bài trên đây thì tác giả phải nằm bệnh viện, rồi phải giải phẫu đến 2 lần, nhưng vẫn mang theo giấy bút vào giường bệnh để gắng gượng viết, mỗi khi cầm bút được. Cứ như vậy hơn một năm trời. Khi viết xong 12 trang cuối, Bà Mộng Trung có gửi kèm theo một lá thư về tòa soạn, có đoạn sau đây :

«... Sau kỳ mổ lần thứ nhì, vết thương vừa lành là đau chứng mới, thuộc về suite opératoire! Bác-sĩ nói phải chịu đau một thời gian khá lâu mới lành hẳn được. Như vậy không hơi đau mà đợi mạnh, nên trừ những cơn đau dữ chịu không nổi mới hàng đầu, còn thì cứ viết.

« Ở nhà thương, từ bác sĩ, điều dưỡng, sinh viên học thuốc, cho đến bệnh nhân, ai cũng chạy tôi cả. Chứng tôi viết thì bệnh và đau đều bị nhốt lại không ai thấy nó nữa. Tính ra bài « hôn nhân dị chủng » được tôi bắt đầu từ

CONAN

CHUYÊN TRỊ CẢM CÚM,
NHỨC RĂNG, NHỨC
ĐAU, NHỨC BẮP THỊT,
NHỨC KHỚP XƯƠNG, PHONG THẤP.

lúc phát đau nặng cho đến bây giờ đã hơn năm, nó được viết và chép lại toàn trên các giường bệnh, từ nhà thương này sang nhà thương khác và toàn là viết nằm! Lúc tôi mờ, ai cũng nghĩ nó không có đoạn tiếp nối mà chính tôi cũng nghĩ vậy.

« Suốt ngày nay tôi cũng nằm, vừa sửa vừa chép lại 12 trang này, xong xuôi, tôi có cảm giác, trong thực tại và trong tâm linh, như tôi vừa vượt thoát khỏi một « cơn dị mộng. Suốt thời gian viết bài này, không lúc nào tôi nghĩ rằng sống được, thân xác không ngớt đau đớn và tinh thần không được bình tĩnh. Bây giờ bài xong, chắc là tôi sẽ dứt bệnh (!)...»

Loạt bài về « Hôn nhân dị chủng » đã được nhiều độc giả theo dõi, nhất là các bậc cha mẹ có con em dự học. Có bà đã tách riêng bài của bà Mộng-Trung trên Bách-Khoa đóng thành một tập để gửi cho con cái đương « bôn ba nơi hải-ngoại ». Nhiều nhà xuất bản đã đề nghị với tác giả nhận ấn hành cuốn sách đó. Nhưng mãi tới nay « Cơ sở Phạm quang Khai » mới vừa in xong được « Hôn nhân dị chủng ».

Có điều đáng buồn là lúc viết tác giả đã phải nằm bệnh viện rồi mà lúc sách ra Bà Mộng Trung lại phải vô bệnh-viện nữa. Bà đau đến nỗi không xem được ấn-cáo chót đề mà đính chính những lỗi in sai nữa.

Tuy nhiên lần trước, nhờ ý-chí và nghị-lực phi thường mà bà Mộng-Trung đã nén được những cơn đau để viết trọn thiên điều tra xã hội rất sống và hợp thời trên mấy chục số Bách-Khoa thì lần này chúng ta hy vọng lại nhờ ý chí và nghị lực đó mà tác giả « Hôn

nhân dị chủng » sẽ thắng được những hiểm-nghèo của cơn bệnh để đón mừng tác phẩm đã in thành sách.

Danh tác

Nhà Lá Bối đã phát hành được 2 tập đầu của bộ danh tác « Chiến tranh và Hoà bình », của Léon Tolstoi do Ô. Nguyễn Hiến Lê dịch. Tập thứ ba gần in xong, trong khi tập 4 cũng đã sắp chữ được phân nửa. Sách in thật đẹp, bìa mỗi tập là một tranh của họa sĩ Hiếu-Đệ, in offset, với đề tài « Chiến tranh » (tập I) hoặc « Hòa-bình » (tập II).

Mỗi tập đều có phần tóm tắt nội dung các chương. Riêng tập I có thêm phần tiểu-sử của Tolstoi, sự hình thành của tác phẩm « Chiến tranh và Hòa bình », cùng việc phiên dịch của dịch-giả.

Dịch-giả, Ô. Nguyễn-Hiến-Lê, đã chuyên tâm làm việc trung bình mỗi ngày 7 giờ, chủ nhật và ngày lễ cũng làm việc như ngày thường ; chỉ vài tháng mới về Long Xuyên 2 tuần nghỉ « xã hơi », rồi lại lên Saigon tiếp tục dịch, cứ thế trong một năm rưỡi mới hoàn thành bản dịch và phần trình bày tác giả cùng tác phẩm !

Sự làm việc đều đặn và bền bỉ của người dịch « Chiến tranh và Hoà bình » làm cho anh em cầm bút ai cũng phải ngán. Tò mò người ta đếm lại các sách của ông Nguyễn-Hiến-Lê đã ấn hành thì thấy, kể về nhan-đề (titres) ông đã cho xuất bản được 63 cuốn nhan đề khác nhau, và kể về tập thì ông đã cho ra được 77 tập. Đó là chưa kể còn 9 cuốn nữa viết rồi chưa in.

Được hỏi ông tính viết thêm bao nhiêu cuốn nữa thì ông Lê cười trả lời : Tôi

định viết cho đủ 100 tập, và nếu tôi sống được 10 năm nữa thì tôi viết độ 5 năm là đủ số sách đó còn 5 năm nghỉ ngơi cho khoẻ.

Thanh niên trước hiện tình đất nước

Đó là tên cuộc Hội-thảo được tổ chức tại Viện - Đại - học Cần thơ vào những ngày Thứ Bảy và chủ nhật 19 và 20.4.69 đặt dưới sự bảo trợ tinh thần của 45 dân biểu Quốc hội.

Ban tổ chức gồm một số thanh niên mà đại diện là những người đứng tên trong giấy mời : Bùi chánh Thời, Phó Bá Long, Võ Long Triều, Hoàng Ngọc Tuệ, Bành Ngọc Quý, Nguyễn văn Hảo, Nguyễn Trung Quân, Hồ văn Minh, Hồ ngọc Nhuận.

Mục đích cuộc hội thảo được nêu lên như sau :

— Tạo cơ hội đề các thành phần

tham dự trao đổi ý kiến về những vấn đề căn bản của quốc gia hiện nay.

— Tìm kiếm và tranh thủ những điều kiện sinh tồn cho Miền Nam V.N.

— Xác định vai trò của Thanh niên V.N. trong cuộc đấu tranh cho một xã hội Tự-do, No ấm và Tiến bộ.

Đề-tài và thuyết trình viên như sau :
Hiện tình Miền Nam : Lý chánh Trung
Cách mạng xã hội : Bùi Chánh Thời
Chân trời 1980 : Nguyễn văn Hảo

Ban Tổ chức hoan nghênh các bài tham luận của hội-thảo-viên với điều kiện là những bài đó phải viết sẵn và không dài quá 10 phút.

Các hội-thảo-viên đóng góp tối thiểu là 400 đ ; Ban tổ-chức cũng kêu gọi các vị nào có khả năng vui lòng đóng góp thêm và mọi điều cần biết xin hỏi tại Văn phòng liên lạc đặt tại : 28 ter Mạc-Đĩnh-Chi— Saigon,

THU THỦY

ASPRO

trị :

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.8YT

Sách mới

Giải-đề toán thi đệ thất (Từ năm 1956 đến năm 1968) do quí ông **Bùi-văn-Bảo** và **Đinh văn Lô** biên soạn và tác giả gửi tặng. Sách dày 64 trang mỗi đề toán có bài giải, lại thêm những đề tương tự kèm theo, rất cần cho các học sinh thi vào lớp Đệ Thất Trung-học công lập. Giá 36 đ.

Như nước trong nguồn tập thơ của **Trần-thị Tuệ-Mai** do **Văn Uyên** xuất bản và tác giả cùng nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 134 trang, gồm 28 bài thơ mang nặng tình tự dân tộc, trình bày trang nhã Giá nhất định 30 đ.

Sinh khí và nhịp điệu: tiểu luận của **Vũ-dình-Lưu** do **Trình Bầy** xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 216 trang gồm 9 bài, trình bày những vấn đề tuy riêng biệt nhưng liên lạc với nhau bằng một cái nhìn nhất trí. Giá 140 đ.

HỘP THƯ

— *Tạp chí Bách Khoa* đã nhận được những bài sau đây:

Lời trong lục bát (**Vũ-hoài-Tâm**). Sau buồn linh hiển; Phấn trần; Rừng cây buồn (**Lương-thái-Sỹ**). Nhớ Y-Uyên (**Giang-Huy**). Bài thơ cho anh Luân Hoán (**Nguyễn-thảo Nương**). Mơ ước một đời sống tương lai (**Hoàng-Ngọc-Châu**). Cuối vườn chiêm bao; Chết đuối trong trời; Mộng thúy hương (**Đặng-Tấn-Tới**). Vòng sao hạ (**Hồ-tấn-Lộc**). Rẻo gọi ngày hoang; Tình yêu trong tiềm thức; Đàn muỗi đen; Đêm màu nâu; Ba cảnh hoa (**Hoài-Nhã-Liên-Văn**). Luân lưu (**Nguyễn-tường-Văn**). Cuộc nội

chiến tại Tây-Ban-Nha (**Chu-Minh Thụy**). Tình cầm thạch (**Lê-văn-Ngăn**). Chắp nối (**Triết-giang Mặc-tử-thiên**). Đợi chờ (**Vườn-kề-Từ**). Cùng Đỗ-thanh-Tùng (**Triều-Thanh - Thanh**). Mộng (**Phạm-Thanh-Chương**). Âu ca mùa hạ (**Sa-Trần**). Trở về; Cho con (**Thùy-Lam**). Mưa lên cao (**Ngô-mộng-Lang**). Ngày đầu (**Dương-Phước Duy**). Bằng hữu (**N.A. Khương**). 6 giờ sáng ở Khánh-Hội, Đền thủy tinh; Lời ru của kẻ ngủ trên núi; Đêm mặt trời; Nó trả lời; Ngày sinh nhật của đứa bé; Cho một người vừa nằm xuống; Điệp khúc viết cho Phượng v. v... (**Trần-Mạnh-Du**). Ước mơ cõi thực (**Phạm-trần - Nguyên**). Lý do (**Sa Trần**). Những buổi sáng (**Nguyễn-luyến - Nhiếp**). Con mắt; Nụ hoa trong ký ức (**Vườn-kề-Từ**). Nhóm lửa (**Hạ-dình-Thao**). Lão già trên sông (**Huỳnh-công-Ân**). Trông theo (**Hồ-minh Dũng**). Người tình và lời cầu xin (**Nguyễn-Hữu Hạnh-Vũ**). Kẻ đi tìm quê hương; Khi ngược nhìn (**Nguyễn-phương Thanh**). Tình đất; Tình ca; Anh sẽ đưa em về; Con người văn-minh; Một đời (**Khánh-Sinh**).

Xin trân trọng cảm ơn quí bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp-thư này trên 2 số báo tới đây.

Th/ủy Trần Mạnh Du (KBC 3102).
Địa chỉ của **Đỗ Nghệ 339/8 Phan đình Phùng** Saigon Sẽ trả lời ông sau về địa chỉ của **Bùi Đăng**.

Ô Ngô Hữu (Dalat) Chúng tôi đề thất lạc địa chỉ của ông. Vậy xin ông vui lòng cho Tòa soạn "Bách-Khoa (160 Phan đình Phùng) biết lại địa chỉ của ông đề tiện liên lạc.

VIÊN THUỐC HỒNG
CƠ SINH-TỔ C

Neurotonic

KH. 789/ĐTVT/GCĐP/16.4.68

BỒI BỔ ÓC, TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ

<http://tieuun.hopto.org>